

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

HÀ NỘI – 8/2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Teo Thị Thanh Mai	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Dương Quang Huy	Phó hiệu trưởng	PCT Hội đồng	
3	Nguyễn Thế Thành	Phó hiệu trưởng	PCT Hội đồng	
4	Vũ Thị Trâm	Thanh tra nhân dân	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Văn Sáu	Chủ tịch Công đoàn -Tổ trưởng tổ 3	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Thị Hương	Bí thư chi đoàn- Tổ trưởng tổ Bộ môn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hồng Diệp	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên hội đồng	
8	Hoàng Thị Hương	Tổ trưởng tổ 2	Ủy viên hội đồng	
9	Phạm Văn Dương	Tổ trưởng tổ 4	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thu	Tổ trưởng tổ 5	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Lan Anh	TT tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
12	Ngô Thị Ngọc Dung	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
13	Đặng Thị Thùy	Tổ phó tổ 3	Ủy viên hội đồng	
14	Trần Thị Hùy	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
15	Dương Thị Bích Nguyệt	Nhân viên kế toán	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3	13
Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường.	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	27
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.	31
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	34
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	37
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	40
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	42
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	45
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	50
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	50
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	53
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	57
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	59
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	63
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.	63
Tiêu chí 3.2: Phòng học.	68
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.	71
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	75

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	79
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	82
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	86
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	86
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	91
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	96
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	96
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.	99
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.	103
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.	106
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục.	108
II. Tự đánh giá Mức 4	111
Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.	111
Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.	111
Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.	112
Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	113
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.	113
C. KẾT LUẬN CHUNG	114

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	ATGT	An toàn giao thông
2.	BCH	Ban chấp hành
3.	BDCM, BDTX	Bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên
4.	BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
5.	CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
6.	CBQL	Cán bộ quản lý
7.	CMHS	Cha mẹ học sinh
8.	CNTT	Công nghệ thông tin
9.	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
10.	ĐDDH	Đồ dùng dạy học
11.	ĐMGDPT	Đổi mới giáo dục phổ thông
12.	Đội TNTP	Đội Thiếu niên Tiền phong
13.	GD	Giáo dục
14.	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
15.	GV	Giáo viên
16.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
17.	HĐGD	Hội đồng giáo dục
18.	HĐND	Hội đồng nhân dân
19.	HĐGDNGLL	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp
20.	HĐSP	Hội đồng sư phạm
21.	HĐTT	Hoạt động tập thể
22.	HS	Học sinh
23.	HT, PHT	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
24.	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
25.	NK	Nhiệm kỳ

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
26.	NH	Năm học
27.	PCGDTH, XMC	Phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ
28.	PPDH	Phương pháp dạy học
29.	QĐ	Quyết định
30.	SĐT	Số điện thoại
31.	SH	Sinh hoạt
32.	SL	Số lượng
33.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
34.	TĐTT	Thẻ dực thể thao
35.	TĐG	Tự đánh giá
36.	THCS	Trung học cơ sở
37.	TNCS	Thanh niên Cộng sản
38.	TNTP	Thiếu niên tiên phong
39.	TPTĐ	Tổng phụ trách Đội
40.	T.số	Tổng số
41.	TTYT	Trung tâm y tế
42.	UBND	Ủy ban nhân dân
43.	đ/c	Đồng chí

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x
Tiêu chí 1.8		x	x
Tiêu chí 1.9		x	x
Tiêu chí 1.10		x	x
Tiêu chuẩn 2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

PHẦN 1
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Tiểu học Lê Quý Đôn

Tên trước đây (nếu có):

Ủy ban nhân dân Quận Hà Đông

Thành phố	Hà Nội	Họ và tên Hiệu trưởng	Teo Thị Thanh Mai
Quận	Hà Đông	Điện thoại	0968 230 440
Phường	Dương Nội	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn
Năm thành lập trường	2017	Số điểm trường	0
Công lập	x	Loại hình khác	0
Tư thục	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 1	5	8	9	9
Khối lớp 2	3	5	8	9
Khối lớp 3	2	3	5	8
Khối lớp 4	2	3	3	5
Khối lớp 5	1	2	3	3
Cộng	13	21	28	34

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	NH 2017- 2018	NH 2018- 2019	NH 2019- 2020	NH 2020- 2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	23	31	38	44	
1	Phòng học	13	21	28	34	
a	Phòng kiên cố	13	21	28	34	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	04	04	04	04	
a	Phòng kiên cố	04	04	04	04	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	
3	Khối phòng phục vụ học tập	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	07	07	07	07	
1	Phòng kiên cố	07	07	07	07	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	36	36	36	37	
1	Khu bếp và nhà ăn	03	03	03	04	
2	Nhà đa năng	01	01	01	01	
3	Khu vệ sinh HS	22	22	22	22	
4	Khu vệ sinh GV	04	04	04	04	
5	Khu chứa rác	0	0	0	0	

TT	Số liệu	NH 2017- 2018	NH 2018- 2019	NH 2019- 2020	NH 2020- 2021	Ghi chú
6	Nhà để xe HS, GV.	01	01	01	01	
7	Nhà kho	05	05	05	05	
	Cộng	67	75	82	89	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá - năm học 2020 - 2021

Chức vụ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	50	44	1	19	29	2	
Nhân viên	6	5	0	3	3	0	
Cộng	59	50	2	22	34	3	

b) Số liệu của 4 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	20	28	41	50
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	1,54	1,33	1,46	1.47
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.038	0.031	0.029	0.029
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	1	2	2	3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	NH 2017- 2018	NH 2018- 2019	NH 2019- 2020	NH 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	517	917	1370	1682	
	- Nữ	251	471	689	815	
	- Dân tộc thiểu số	6	19	8	32	
	- Khối lớp 1	221	409	451	468	
	- Khối lớp 2	109	236	412	426	
	- Khối lớp 3	95	135	232	411	
	- Khối lớp 4	67	115	142	232	
	- Khối lớp 5	25	76	133	145	
2	Tổng số tuyển mới.	221	409	451	468	
3	Học 2 buổi/ngày	517	917	1363	1682	
4	Bán trú	510	917	1363	1678	
5	Nội trú	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp học	39,8	43,7	48,9	49,5	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi.	510= 98,6 %	908= 99%	1363= 99,5%	1676 =99,6%	
	- Nữ	248	467	683	812	+
	- Dân tộc thiểu số	6	19	8	32	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh (nếu có).	7	21	10	22	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có).	0	0	0	1	
10	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách.	1	1	1	4	
	- Nữ	0	1	1	4	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	4	4	6	8	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1.	100%	100%	100%	100%	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học.	100%	100%	100%	100%	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	100%	100%	97,8%	99,3%	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Hà Đông và có trụ sở tại Khu đô thị Dương Nội 2 - phường Dương Nội - quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn chính thức được thành lập theo Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của UBND quận Hà Đông. Trường có diện tích 21144 m² nằm trên địa bàn khu đô thị Dương Nội 2 phường Dương Nội quận Hà Đông. Nhà trường được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, trường lớp khang trang, đủ phòng làm việc, phòng học và khối phòng chức năng khác đảm bảo học sinh được học 2 buổi/ngày và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả việc ĐMGDPT hiện nay. Đây chính là những điều kiện thuận lợi ảnh hưởng tích cực đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

Hội đồng trường Tiểu học Lê Quý Đôn được thành lập theo Quyết định số: 937/QĐ-PGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông và nhà trường đi vào hoạt động từ năm học 2017 – 2018. Khi mới thành lập trường có tổng số 24 cán bộ, giáo viên (biên chế 15, hợp đồng 9). Năm học đầu tiên nhà trường có 13 lớp với 517 học sinh. Đến nay, trường có 34 lớp với 1683 học sinh. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên của nhà trường gồm 59 người (trong đó biên chế: 46, hợp đồng 68: 03, hợp đồng khoán: 10 người). Đội ngũ CBQL, GV, NV nhiệt tình, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu mến HS, được CMHS và nhân dân địa phương tin yêu.

Song song với việc nâng cao chất lượng văn hóa, nhà trường thường xuyên chăm lo công tác giáo dục toàn diện cho HS; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho nhà trường. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao của nhà trường luôn giành được giải cao trong Quận và Thành phố. Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng, năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020 nhà trường được tặng danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến, năm 2019 được đạt danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, năm 2020 được Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội tặng danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc. Ngoài ra, nhà trường còn được nhận nhiều danh hiệu thi đua khác như: Công đoàn được BCH công đoàn ngành giáo dục Hà Nội tặng

giấy khen, BCH LĐLĐ Thành phố Hà Nội, BCH Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng bằng khen; Chi đoàn được UBND phường Dương Nội tặng giấy khen; Liên đội TNTP được BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố Hà Nội, BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Trong 4 năm qua, trường Tiểu học Lê Quý Đôn tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục (từ năm 2017 đến năm 2021), nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục để báo cáo với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Qua đó cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã tiến hành đánh giá toàn bộ các hoạt động giáo dục theo từng tiêu chí trong từng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành. Bộ tiêu chuẩn này làm công cụ để nhà trường căn cứ tự đánh giá các hoạt động của nhà trường một cách toàn diện. Việc đánh giá chất lượng giáo dục giúp nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, tự đánh giá các hoạt động giáo dục, kiểm soát được chất lượng. Từ đó, chỉ ra các điểm mạnh để phát huy, phát hiện điểm yếu để bổ sung, khắc phục, có kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá của trường tiểu học Lê Quý Đôn đã thực hiện gồm các bước sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Hội đồng đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng. Mỗi thành viên được phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu đánh giá các chỉ báo từ 2 đến 4 tiêu chí.

Để bản báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung Bộ tiêu chí: sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan... Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ Tiêu chí quản lý chất lượng giáo dục của trường tiểu học để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng internet... để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Qua công tác tự kiểm tra đánh giá chất lượng trường, điểm nổi bật của báo cáo tự đánh giá là: Nhà trường tổ chức và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý, đạt kết quả tốt từ công tác quản lý của nhà trường đến việc thực hiện nhiệm vụ của GV, NV; chất lượng dạy học và giáo dục trong nhà trường được giữ vững và ngày càng được nâng lên.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà nước, của địa phương. Hội đồng nhà trường được thành lập và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Ban giám hiệu, Chi bộ Đảng, các đoàn thể và các tổ chức khác trong trường xây dựng một tập thể đoàn kết nhất trí, đồng thuận. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường có lớp học, khối lớp học theo quy mô thích hợp. Công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, quản lý CB, GV, NV, quản lý các hoạt động giáo dục luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo vận hành nhịp nhàng, đầy đủ, đúng quy định. Việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường luôn được coi trọng. Vấn đề an ninh trật

tự, an toàn cho HS và công tác phòng chống dịch bệnh, các tệ nạn xã hội luôn được nhà trường quan tâm và đảm bảo tốt. Không có hiện tượng hành vi bạo lực, gây mất an toàn trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho giai đoạn phát triển của nhà trường từ năm 2017 đến năm 2022. Nội dung phương hướng, chiến lược đã xác định rõ mục tiêu giáo dục của nhà trường nhằm giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để HS tiếp tục học THCS [H1-1.1-01]. Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học đó là giáo dục nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho HS tiếp tục học THCS (Khoản 2, Điều 29 Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về Luật Giáo dục của Quốc hội nước CHXHCNVN): phù hợp với định hướng phát

triển kinh tế - xã hội của phường Dương Nội giai đoạn 2015 – 2020 và giai đoạn 2020 - 2025 [H1-1.1-02]; phù hợp với các nguồn lực đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường trong giai đoạn này [H1-1.1-03].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 được xác định bằng văn bản gồm 12 trang, bố cục rõ ràng, mạch lạc và được Trường phòng GDĐT quận Hà Đông phê duyệt [H1-1.1-01].

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đã công bố công khai “*Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 - 2022*” tới toàn thể CB, GV, NV và CMHS bằng hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ *website: c1lequydon.pgdhadong.edu.vn* và niêm yết tại bảng tin và phòng họp của nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, việc đăng tải văn bản chiến lược trên trang thông tin điện tử của nhà trường chưa kịp thời, trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương cũng như của Phòng GDĐT quận Hà Đông, Sở GDĐT Hà Nội thì nhà trường chưa làm được.

Mức 2:

Trong những năm qua, trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển như: Hội đồng trường đã thành lập một tổ công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và có đánh giá, báo cáo vào các phiên họp định kỳ của Hội đồng trường, Công đoàn cơ sở chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân nhà trường thường xuyên giám sát các hoạt động liên quan tới việc thực hiện mục tiêu phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và báo cáo định kỳ vào các phiên họp mở rộng của Hội đồng trường, Hội nghị Cán bộ, viên chức hàng năm [H1-1.1-05].

Mức 3:

Định kỳ hằng năm, nhà trường tiến hành rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường cho sát với tình hình thực tế [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05] Bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được nhà trường xây dựng bằng trí tuệ của cả tập thể nhà trường gồm có: Hiệu trưởng làm trưởng ban, các ủy viên gồm phó hiệu trưởng, các thành viên Hội đồng trường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và Ban đại diện CMHS của trường [H1-1.1-01]. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng như sau

khi được phê duyệt thì “*Dự thảo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 - 2022*” được niêm yết rộng rãi, công khai trong nhà trường, được đăng tải trên trang website của nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, nhà trường chưa lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 - 2022 được xây dựng bằng trí tuệ của tập thể nhà trường và CMHS; được xác định bằng văn bản, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường đã có các giải pháp giám sát và định kỳ hằng năm được rà soát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Hình thức công khai văn bản chiến lược của nhà trường trên phương tiện thông tin đại chúng mới chỉ dừng lại ở trang thông tin điện tử của nhà trường mà chưa được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Phòng GDĐT Hà Đông và Sở GDĐT Hà Nội; chưa lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện /biện pháp thực hiện
- Công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Từ năm học 2020-2021 và các năm học sau.	HT, nhân viên văn thư, PHT phụ trách trang website	Chính quyền địa phương, tổ dân phố ; Website của Phòng GDĐT, Sở GDĐT.
- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp về việc xây dựng phương hướng chiến lược của nhà trường giai đoạn tiếp theo	Từ năm học 2021-2022 và những năm học kế tiếp.	CBQL, BCH Công đoàn	Chính quyền địa phương, tổ dân phố trên địa bàn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường thực) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường Tiểu học Lê Quý Đôn thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-PGDĐT ngày 26/9/2017 nhiệm kỳ 2017 - 2022 của Phòng GDĐT quận Hà Đông gồm có 9 thành viên. Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định tại Điều 23 Thông tư 03/VBHN- BGDDT ngày 22/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Điều lệ trường tiểu học. Đồng chí Teo Thị Thanh Mai - Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng được cử làm Chủ tịch hội đồng và đ/c Phạm Thị Hương - Thư kí hội đồng sư phạm làm Thư kí hội đồng trường, các thành viên khác là đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, TPTĐ, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng [H1-1.2-01]. Ngày 5/9/2020, hiệu trưởng đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND quận Hà Đông ra quyết định bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường để phù hợp với Điều 10 Điều lệ Trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-02]. Đầu các năm học, nhà trường kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng trong đó hiệu trưởng đồng thời là Bí thư Chi bộ làm Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện giáo viên. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo đúng quy

định tại Điều 23 Thông tư 03/VBHN- BGDDT ngày 22/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Điều lệ trường Tiểu học và Điều 12 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-03]. Căn cứ vào nhu cầu của từng nhiệm vụ, để giúp hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường, hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập, kiện toàn các hội đồng: Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn tâm lí học đường, Hội đồng chấm thi Giáo viên giỏi, Giáo viên duyên dáng, tài năng, Hội đồng chấm Sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng tuyển sinh. Các hội đồng này được thành lập theo đúng quy định tại Điều 12 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-04].

Các Hội đồng thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại TT 22/2018 ngày 28/8/2018 của Bộ GDĐT về hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng và theo Quy chế hoạt động, Quy chế dân chủ của nhà trường. Trong kì họp đầu tiên của mỗi năm học, Hội đồng trường họp để quyết nghị về vấn đề cần ưu tiên giải quyết trong năm học, đưa ra các định hướng phát triển nhà trường, tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động; xây dựng nhà trường trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương. Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát các hoạt động của nhà trường cũng như giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, quy chế cơ quan. Hội đồng trường họp thường kì ba lần trong một năm. Quyết nghị của hội đồng trường được công bố công khai tới cán bộ, viên chức trong nhà trường để thực hiện. Đối với các vấn đề phát sinh, hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng trường đề nghị, Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường [H1-1.2-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua và đề nghị danh sách khen thưởng với CB-GV-NV, HS nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng họp vào cuối kì I và cuối năm học. Hội đồng chấm SKKN đã giúp nhà trường lựa chọn những sáng kiến hay, có giá trị phổ biến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Đồng thời động viên kịp thời có tác dụng khuyến khích phong trào viết SKKN trong toàn trường, thúc đẩy tiến bộ khoa học giáo dục và mang lại hiệu quả cao trong quản lý, giảng dạy, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các mục tiêu đổi mới của nhà trường. Hội đồng tuyển sinh giúp

nhà trường tuyển sinh đúng quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi CMHS nộp hồ sơ, góp phần nâng cao chất lượng PCGDTH. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi đã giúp nhà trường đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện các cuộc vận động của ngành. Phát hiện và bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi, làm nòng cốt cho việc xây dựng đội ngũ GV nhà trường. Tất cả các Hội đồng đều có kế hoạch làm việc, đều hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ và tự giải thể khi công việc đã hoàn thành [H1-1.2-06].

Sau mỗi kỳ, Hội đồng trường đều đánh giá kết quả hoạt động theo kế hoạch đã đề ra, đồng thời chỉ ra những tồn tại hạn chế, để có biện pháp khắc phục và thực hiện tốt hơn trong thời gian tiếp theo, hoặc điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với tình hình nhà trường và những phát sinh do khách quan đem đến [H1-1.2-07]. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý học đường, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi và các hội đồng khác, sau khi công việc được hoàn thành, đều tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời kết quả từng nội dung công việc [H1-1.2-06].

Mức 2:

Trong những năm qua, Hội đồng trường thực hiện tốt hoạt động giám sát quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV và HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hội đồng thi đua khen thưởng đã giúp HT tổ chức các phong trào thi đua của GV và HS như phong trào thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi; việc xét thi đua khen thưởng hằng năm đảm bảo khách quan, trung thực, thúc đẩy phong trào dạy và học trong nhà trường ngày một đi lên. Các Hội đồng khác đều thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình, tất cả mọi thành viên đều tận tâm và có trách nhiệm cao trong công việc, tích cực tham mưu, tư vấn cho nhà trường nên các hoạt động của nhà trường từ chuyên môn cho đến các hoạt động đoàn thể đều đạt kết quả cao [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]. Tuy nhiên, các thành viên của Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn đều làm công tác kiêm nhiệm, do vậy thời gian bố trí để nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nghiệp vụ còn ít nên công tác tham mưu, tư vấn nhằm phát triển nhà trường chưa có chiều sâu, chưa có kết quả đột phá.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hoạt động nghiêm túc, có hiệu quả góp phần nâng

cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu, tư vấn của các Hội đồng nhằm phát triển nhà trường chưa có chiều sâu, chưa có kết quả đột phá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và trong những năm tiếp theo, nhà trường lựa chọn thành viên trong Hội đồng trường là những người có năng lực thực sự, giỏi chuyên môn và giàu kinh nghiệm, có phẩm chất đạo đức tốt.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tổ chức tập huấn BDCM nghiệp vụ cho các thành viên trong hội đồng trường và các hội đồng khác	Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo	Chủ tịch Hội đồng trường chủ trì 100% thành viên các hội đồng tham gia	- Quán triệt đến từng thành viên trong Hội đồng trường nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để mỗi thành viên tích cực phát huy vai trò trong việc đề xuất các giải pháp góp phần phát triển nhà trường. - Rút kinh nghiệm sau triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức Công đoàn nhà trường là Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ quận Hà Đông, có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định tại Luật số 12/2012/QH13 về Luật Công đoàn và Quyết định số: 174/QĐ-TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII). Tổ chức Công đoàn nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định trực thuộc LĐLĐ quận Hà Đông. Công đoàn nhà trường gồm 49 công đoàn viên. Ban Chấp hành Công đoàn gồm 5 đ/c: 01 đ/c là chủ tịch; 01 đ/c là phó chủ tịch công đoàn kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân và 03 đ/c là ủy viên công đoàn [H1-1.3-01]. Công đoàn gồm BCH Công đoàn, Ban nữ công và tổ Công đoàn tương ứng với các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng. Ban thanh tra nhân dân gồm 3 đ/c được công đoàn viên bầu theo nhiệm kỳ 2 năm [H1-1.3-02]. Trường có Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Chi đoàn có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông qua ngày 13/12/2017. Chi đoàn gồm 35 đoàn viên trong đó có 07 đồng chí đã là đảng viên, 25 đ/c có độ tuổi đúng theo khoản 2 Điều 1 của Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chi đoàn trực thuộc Đoàn NCS Hồ Chí Minh phường Dương Nội. Chi đoàn bao gồm BCH Chi đoàn và các Đoàn viên [H1-1.3-03]. Liên đội trường Tiểu học Lê Quý Đôn được tổ chức theo đúng Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 16 lớp chi đội khối 3; 4; 5 và 18 lớp nhi đồng khối 1; 2; được hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban phụ trách Đội và Sao nhi đồng (bao gồm TPTĐ và phụ trách chi đội, phụ trách lớp nhi đồng, đoàn thanh niên) [H1-1.3-04]. Đầu năm học, chi Hội Chữ thập đỏ được kiện toàn tổ chức gồm 3 thành viên, hoạt động thường xuyên theo quy định của Hội và sự chỉ đạo của nhà trường [H1-1.3-05].

Công đoàn hoạt động đúng theo Quyết định số: 174/QĐ-TLĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII). Công đoàn nhà trường đã tuyên truyền, vận động công đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ

của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật Nhà nước. Giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội. Tổ chức thực hiện nghị quyết của công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Hằng năm, công đoàn đều tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức để các đoàn viên công đoàn có thể nêu lên tiếng nói của mình. Trong hội nghị, tất cả đoàn viên công đoàn đều được tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương công tác Công đoàn, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục, góp phần đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục, về quy chế dân chủ, quy chế cơ quan, đóng góp ý kiến về việc xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường cũng như kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.3-06]. Công đoàn cùng với nhà trường tạo điều kiện để công đoàn viên được tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Các thành viên công đoàn luôn giữ mối đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong mọi lĩnh vực công tác đặc biệt về việc nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục cũng như bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động và tổ chức công đoàn [H1-1.3-07]. Chi đoàn hoạt động theo đúng Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI ngày 13/12/2017. Chi đoàn giáo viên của nhà trường luôn chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên. Chi đoàn cùng với công đoàn và nhà trường tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay. Chi đoàn phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng Đoàn, tích cực xây dựng cơ sở Đoàn, Đội ở nhà trường, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền. Bên cạnh đó, đoàn viên thanh niên trong chi đoàn luôn phấn đấu vì lý tưởng của

Đảng và của Bác Hồ, tích cực học tập, lao động, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội. Đoàn viên trong chi đoàn luôn chấp hành tốt Điều lệ Đoàn và các nghị quyết của chi đoàn, tích cực tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước với CMHS và nhân dân. Hằng năm, Chi đoàn giáo viên của nhà trường đều tổ chức hội nghị, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động cụ thể để cùng các tổ chức khác hoàn thành mọi hoạt động cũng như các phong trào Đoàn do cấp trên phát động, do nhà trường tổ chức đạt hiệu quả cao. Chi đoàn phối hợp cùng Ban phụ trách Đội tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Khai giảng năm học mới, chuỗi hoạt động Vui tết Trung thu, chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ lớn khác. Bên cạnh đó các đồng chí đoàn viên còn tham gia các hoạt động của Đoàn phường Dương Nội, hiến máu nhân đạo, tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ người nghèo, tri ân gia đình có công với cách mạng, viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi đồng viên các chiến sĩ bộ đội nhà máy A40, Cục Kỹ thuật Binh chủng Phòng không – không quân. Chi đoàn đã giới thiệu đoàn viên ưu tú cho chi bộ đi học lớp đối tượng Đảng [H1-1.3-08]. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh trường Tiểu học Lê Quý Đôn hoạt động đúng theo Quyết định số 99/QĐ-TWĐTN-CNTT ngày 1/8/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ban hành về Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh khóa VIII giai đoạn 2018 – 2023. Liên đội, chi đội phụ trách và phân công đội viên hướng dẫn nhi đồng sinh hoạt, học tập, vui chơi theo Chương trình dự bị đội viên. Đội TNTP Hồ Chí Minh giúp đỡ nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng, xứng đáng là con ngoan, trò giỏi, bạn tốt và trở thành đội viên Đội TNTP Hồ Chí Minh. Liên đội tham gia các hoạt động về học tập, nề nếp cũng như các phong trào hoạt động mà Quận đoàn phát động. Hằng năm, Liên đội phát động đến 100% đội viên và nhi đồng các hoạt động thi đua theo 5 đợt, tương ứng với từng chủ điểm: đợt 1 (từ 5/9 - 15/10): Chào năm học mới, đợt 2 (từ 16/10 - 20/11): Biết ơn thầy cô, đợt 3 (từ 21/11 đến hết học kì 1): Tiếp bước cha anh, đợt 4 (từ đầu học kì 2 - 26/3): Cùng tiến bước lên Đoàn, đợt 5 (từ 27/3 - 31/5): Mừng sinh nhật Bác - tự hào truyền thống Đội. Liên đội của nhà trường tổ chức nhiều hoạt động cho học sinh toàn trường tham gia như tổ chức thi kéo co, thi nhảy bao bố, thi cờ vua, bóng rổ, bóng đá. Sau mỗi hoạt động đều được tổ chức công bố kết quả, phát thưởng và rút kinh nghiệm [H1-1.3-09]. Chi Hội Chữ thập đỏ đã tổ chức thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh theo các quy định ban hành về công tác y tế trường học; có góc truyền thông về công tác chăm sóc sức khỏe, sơ cứu một số tai nạn thường gặp; có tủ thuốc y tế. Hằng năm, đội ngũ phụ trách công tác chữ thập đỏ của nhà trường được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng

sơ cứu, cấp cứu ban đầu. Hằng năm, chi Hội Chữ thập đỏ lập hồ sơ HS, GV của trường có hoàn cảnh khó khăn để có những hình thức giúp đỡ thiết thực và phù hợp; vận động các thành viên trong trường tham gia các cuộc vận động, phong trào tương thân tương ái do các cấp phát động; phát triển quỹ giúp đỡ bạn nghèo vượt khó; vận động các thành viên nhà trường tham gia hiến máu nhân đạo; tham gia công tác nhân đạo từ thiện do Hội Chữ thập đỏ của phường Dương Nội và của quận Hà Đông phát động [H1-1.3-05].

Hằng năm, theo định kì hoặc theo mỗi đợt thi đua, các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, chi Hội Chữ thập đỏ của nhà trường đều được rà soát, đánh giá những việc đã làm được và những điểm còn hạn chế, từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh trong những năm học tiếp theo thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng tổ chức [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-09].

Mức 2:

Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ thuộc Đảng bộ phường Dương Nội. Chi bộ gồm có 19 đ/c đảng viên. Cấp ủy Chi bộ gồm 03 đ/c: đ/c Teo Thị Thanh Mai – Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ; đ/c Nguyễn Văn Sáu – Chủ tịch Công đoàn là Phó bí thư chi bộ; đ/c Dương Quang Huy – Phó hiệu trưởng là Chi ủy viên [H1-1.3-10]. Chi bộ nhà trường chấp hành tốt đường lối và chính sách do Đảng và Nhà nước đề ra; xây dựng Chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thực hiện công tác phát triển đảng viên; phát huy quyền làm chủ của CB, GV, NV nhà trường. Chi bộ Đảng hàng tháng sinh hoạt đều đặn, đóng đảng phí đầy đủ và ra nghị quyết lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Toàn thể đảng viên có tinh thần cao trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tham gia học tập đầy đủ các nghị quyết của Đảng cấp trên. Về công tác xây dựng Đảng, chi ủy đã bám sát nghị quyết của Đảng bộ phường Dương Nội và nhiệm vụ cụ thể của nhà trường, ra nghị quyết từng tháng phù hợp với tình hình, có kết hợp đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm hàng tháng. Các đ/c đảng viên trong chi bộ luôn đoàn kết, nhất trí, thẳng thắn tự phê bình và phê bình đóng góp ý kiến xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh. Công tác phát triển Đảng của chi bộ còn hạn chế. Từ khi thành lập đến nay, chi bộ mới phát triển được 2 đảng viên. Chi bộ được Đảng ủy

phường Dương Nội đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm 2017, 2018, 2019 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020 [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12].

Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội, Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo trách nhiệm và quyền hạn của mình luôn tham mưu, phối hợp, giúp HT tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường. Tổ chức Công đoàn hoạt động đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ chính trị, phối hợp với nhà trường làm tốt công tác thi đua khen. Hàng năm, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ đều có báo cáo đánh giá các hoạt động và tổng kết thi đua khen thưởng. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng nhà trường, các đoàn thể đã phát huy được trí tuệ tập thể của các tổ chức đoàn thể, hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường từ khi thành lập đến thời điểm đánh giá được LĐLĐ quận Hà Đông, BCH Công đoàn ngành giáo dục Việt Nam tặng Bằng khen; BCH LĐLĐ Thành phố Hà Nội và BCH Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng Bằng khen [H1-1.3-13]; Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tặng Giấy khen [H1-1.3-14]. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh đã 2 lần được BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố Hà Nội và 02 lần được BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen [H1-1.3-15]. Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh như sốt xuất huyết, thủy đậu, rubela, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng Covid 19... giúp đỡ HS đau ốm, tuyên truyền vệ sinh môi trường lớp học xanh - sạch - đẹp. Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19 nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, thực hiện đo nhiệt độ, sát khuẩn, khử trùng thường xuyên, lập phòng cách ly, lập sổ theo dõi nhiệt độ hàng ngày. Hội Chữ thập đỏ đã làm tốt công tác tuyên truyền về công tác hiến máu nhân đạo, làm từ thiện và ủng hộ HS vùng cao, vùng lũ, ... [H1-1.3-05]. Trong những năm vừa qua, bằng tất cả sự nỗ lực, cố gắng các đoàn thể trong trường đã đóng góp tích cực, xây dựng nhà trường trở thành một tập thể đoàn kết và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Dù mới đi vào hoạt động nhưng nhà trường đã được các cấp chính quyền ghi nhận những cố gắng vượt bậc. Nhà trường đã được tặng danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc [H1-1.3-16].

Mức 3:

Từ khi thành lập chi bộ đến thời điểm đánh giá, chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn được Đảng ủy phường Dương Nội đánh giá xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ vào các năm 2017; 2018; 2019 và năm 2020 được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-12].

Công đoàn của nhà trường tham gia tích cực các hoạt động của LĐLĐ quận Hà Đông, công đoàn ngành giáo dục Hà Nội. Chi đoàn nhà trường thường xuyên hỗ trợ, phối kết hợp cùng Đoàn TNCS phường Dương Nội; Liên Đội TNTP luôn tích cực trong mọi hoạt động phong trào của Hội đồng Đội các cấp. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn đã cùng với HT thực hiện quy chế dân chủ, chăm lo, cải thiện đời sống của CB, GV, NV nhà trường, từ đó tạo sự tin tưởng của tập thể, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Công đoàn trường còn kết hợp với LĐLĐ quận Hà Đông tổ chức các hoạt động thiện nguyện như đóng góp vào quỹ “Giáo viên, học sinh nghèo miền núi”, ủng hộ “Vì Trường Sa thân yêu”, ... [H1-1.3-06]. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh kết hợp với Ban Giám hiệu giáo dục nề nếp, tổ chức thi đua một cách công bằng, hiệu quả giữa các lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Chữ Thập đỏ nhà trường còn tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng như tham gia hiến máu nhân đạo, dọn vệ sinh, chăm sóc gia đình chính sách [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

2. Điểm mạnh:

Trong 03 năm liên tiếp, Chi bộ nhà trường được Đảng bộ phường Dương Nội đánh giá hoàn thành tốt và 01 năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoạt động tích cực, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Công tác phát triển đảng viên còn hạn chế do việc phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu đoàn viên, đoàn viên ưu tú của các đoàn thể cho Đảng chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tiếp tục theo dõi các đ/c đoàn viên đã học lớp đối tượng Đảng và làm hồ sơ kết nạp đảng viên mới nếu đủ điều kiện	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Chi bộ và các đồng chí đã theo học lớp đối tượng Đảng	Phân công đảng viên trong chi bộ theo dõi và giúp đỡ.
Giới thiệu đoàn viên và quần chúng ưu tú đi học lớp đối tượng Đảng	Hằng năm	Chi bộ, Công đoàn và Chi đoàn	Bồi dưỡng tư tưởng chính trị, chuyên môn cho GV, NV

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Nâng cao hiệu quả đóng góp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho các hoạt động của cộng đồng.	Hàng năm	Ban chấp hành Chi đoàn	Bồi dưỡng năng lực hoạt động Đoàn cho các Đoàn viên trẻ tuổi.
Tăng cường các hoạt động giao lưu giữa các tổ chức trong nhà trường với các tổ chức tại phường Dương Nội	Năm học 2021- 2022 và các năm học tiếp theo.	Chi đoàn với Đoàn phường HĐGD nhà trường với HĐGD phường	Được sự đồng ý và chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND phường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo đúng quy định tại mục 1 điều 6 Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhà trường công lập hạng I nên có 01 HT; 02 PHT. Hiệu trưởng là đ/c Teo Thị Thanh Mai được bổ nhiệm làm HT trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo QĐ số 3688/QĐ-UBND. Phó hiệu trưởng thứ nhất là đ/c Dương Quang Huy được điều động, bổ nhiệm theo QĐ số 1305/QĐ-UBND vào ngày 29/4/2020. Phó hiệu trưởng thứ hai là đ/c Nguyễn Thế Thành được điều động, bổ nhiệm làm PHT theo QĐ số 2011/QĐ UBND vào ngày 01/07/2020 [H1-1.4-01]

Trường tiểu học Lê Quý Đôn có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư 28/2020 ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường có 06 tổ chuyên môn (tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 4, tổ 5, tổ bộ môn) và 01 tổ văn phòng. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, HT ra quyết định kiện toàn các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổ 1 có 9 đ/c tham gia giảng dạy và làm công tác chủ nhiệm lớp; tổ trưởng là đ/c: Nguyễn Thị Hồng Diệp, tổ phó là đ/c Hoàng Thị Bắc. Tổ 2 có 10 đ/c đều là GV cơ bản trong đó có 9 đ/c là GVCN và 01 đ/c là GV dự trữ tham gia BCH Công đoàn; tổ trưởng là đ/c Hoàng Thị Hương, tổ phó là đ/c Trần Phương Trinh. Tổ 3 có 8 đ/c đều là GV cơ bản và làm công tác chủ nhiệm; tổ trưởng đồng thời là Chủ tịch Công đoàn là đ/c Nguyễn Văn Sáu, tổ phó là đ/c Đặng Thị Thùy. Tổ 4 có 5 đ/c đều là GV cơ bản và làm GVCN; tổ trưởng là đ/c Phạm Văn Dương. Tổ 5 có 4 đ/c đều là GV cơ bản trong đó 03 đ/c là GVCN, 01 đ/c là GV dự trữ; tổ trưởng là đ/c Nguyễn Thị Thu. Tổ bộ môn có 10 đ/c. Các đ/c trong tổ bộ môn là GV giảng dạy các môn học chuyên biệt theo chuyên môn đào tạo và tham gia các HĐNGLL, HĐTT. Tổ trưởng tổ bộ môn là đ/c Trần Thị Hương, tổ phó là đ/c Lê Xuân Quyết. Tổ văn phòng gồm có 10 đ/c trong đó có 01 đ/c kế toán, 01 đ/c là nhân viên y tế, 03 đ/c là nhân viên hợp đồng 68 và 05 đ/c làm lao công, bảo vệ. Tổ trưởng là đ/c Nguyễn Thị Lan Anh, tổ phó là đ/c Dương Thị Bích Nguyệt. [H1-1.4-02]. Nhà trường có QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ theo đúng quy định tại Điều 11, Điều 14, điều 15 của Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT ngày 4/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ GDĐT và QĐ phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ theo đúng chuyên môn, năng lực của từng đ/c [H1-1.4-03]

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT ngày 4/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ

GDĐT. Cụ thể: đầu năm học, các thành viên giới thiệu tổ trưởng, tổ phó, thực hiện đánh giá viên chức theo quy định. Cuối năm học, các tổ chuyên môn tham gia đánh giá, xếp loại GV theo quy định tại Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông. Các tổ chuyên môn đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo yêu cầu của CTGDPT cấp tiểu học. Các tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác BDCM, nghiệp vụ, sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc; tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục, tham gia Hội giảng, dự giờ, thăm lớp và triển khai các chuyên đề [H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác BDCM cho các thành viên trong đó có việc làm đồ dùng dạy học, tham gia quản lý, sử dụng sách và thiết bị đồ dùng dạy học được nhà trường cấp phát, thiết kế bài giảng điện tử, làm clip dạy học [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch hoạt động của trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng tuần, tháng và năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường. Các thành viên tổ văn phòng thực hiện công tác văn thư, quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường; tham gia BDCM nghiệp vụ theo đúng nhiệm vụ được giao. Tổ văn phòng thực hiện sinh hoạt ít nhất một tháng một lần hoặc khi có yêu cầu công việc [H1-1.4-06]

Mức 2:

Đầu năm học, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề cấp trường và thực hiện các chuyên đề cấp quận theo chỉ đạo của Phòng GDĐT quận Hà Đông. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 6 chuyên đề/năm học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, các thành viên khác của tổ đều dự giờ, góp ý từ đó thống nhất phương pháp dạy môn học. Trong mỗi năm học, mỗi tổ có 2 đến 3 chuyên đề đạt hiệu quả cao, đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Cụ thể chất lượng đại trà được nâng lên, số lượng học sinh đạt hoàn thành xuất các nội dung học tập và rèn luyện tăng cao [H1-1.4-04]. Thông qua các chuyên đề, giáo viên đã có cơ hội, điều kiện nâng cao tay nghề, kỹ năng vững vàng và đã được công nhận Giáo viên dạy giỏi cấp Quận. Cụ thể: năm học 2017 - 2018 trong “Ngày hội công nghệ thông tin - văn hóa thể thao” quận Hà Đông đã đạt các giải sau: nhóm GV khối 1, 2, 3 đạt giải Nhì thi thiết kế bài giảng e-learning cấp Quận, giải Nhất nội dung thi Kéo co Nam, giải Nhì nội dung Khiêu vũ tập thể; Thi giáo viên dạy giỏi quận Hà Đông có đ/c Đào Thị Thanh Hồng đạt giải Ba. Năm học 2018 - 2019: đạt giải Nhì trong Hội thi “Giai điệu tuổi hồng”, đạt giải Nhì trong Hội thi “Festival tiếng Anh”, giải Ba cuộc thi Aerobic. đ/c Nguyễn Thị Hương đạt giải Ba Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Quận. Năm học 2019 - 2020 đạt giải Nhất trong Hội thi

“Festival tiếng Anh” cấp Quận, đ/c Thân Đức Tùng đạt giải Nhất trong Hội diễn văn nghệ ngành GDĐT quận Hà Đông, đ/c Nguyễn Văn Sáu đạt giải Nhì, đ/c Phạm Văn Dương đạt giải Ba trong cuộc thi thiết kế bài giảng e-learning cấp Quận; đ/c Lê Xuân Quyết đạt giải Nhì trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Quận. Năm 2020 - 2021 đạt giải Nhất trong Hội thi “Festival tiếng Anh” cấp Quận, đ/c Đỗ Hoàng Anh đạt giải Ba trong Hội thi “Giáo viên tài năng duyên dáng” ngành GDĐT quận Hà Đông [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Trong quá trình sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động đã đặt ra, chỉ ra được những khâu làm được và chưa làm được nguyên nhân do đâu để từ đó cùng tìm ra cách khắc phục cho các hoạt động tiếp theo và có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế. Trong mỗi năm, Ban kiểm tra nội bộ của nhà trường đã tiến hành kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các đoàn thể trong nhà trường. Qua kiểm tra, Ban kiểm tra đã nhận xét, đánh giá cụ thể, chi tiết theo hướng dẫn của cấp trên, chỉ ra những tồn tại, những thiếu sót, những việc làm chưa tốt, để từ đó các tổ rút kinh nghiệm, điều chỉnh để hoạt động hiệu quả hơn [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06]

Mức 3:

Các tổ chuyên môn luôn tích cực đổi mới sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ HS chưa hoàn thành các nhiệm vụ học tập và rèn luyện, thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá HS. Nhờ đó, chất lượng đào tạo đại trà luôn được ổn định, thực chất, trường có nhiều HS được công nhận “Học sinh hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ học tập và rèn luyện”, đạt thành tích cao trong các hội thi [H1-1.4-10]. Các tổ chuyên môn luôn chủ động, tích cực bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, qua dự giờ, chuyên đề, Hội thi giáo viên dạy giỏi, viết SKKN. Từ đó, chất lượng đội ngũ GV ngày một nâng lên, nhiều GV đã đạt giải cao trong các kì thi [H1-1.4-07]. Tổ văn phòng làm việc nghiêm túc, hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, tài sản, thu chi, lưu trữ hồ sơ, giúp HT giải quyết các thủ tục hành chính ... [H1-1.4-11]. Từ đó, tạo sự tin tưởng, nhất trí đồng thuận của tập thể CB, GV. Bên cạnh công tác chuyên môn, các tổ còn tích cực tham gia vào các phong trào chung của trường, của ngành, của địa phương góp phần vào nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hằng năm nhà trường đều tổ chức sinh hoạt chuyên đề cấp cơ sở với tất cả các bộ môn và tham gia thực hiện một số chuyên đề cấp Quận. Các tổ đều thực hiện đi sâu nghiên cứu đổi mới phương pháp, các

chuyên đề có tính đột phá, áp dụng các kỹ thuật dạy học mới như phương pháp “Bàn tay nặn bột”, ứng dụng CNTT, thiết bị dạy học tạo hứng thú cho HS và nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, một số chuyên đề chưa thật sự đạt được hiệu quả cao [H1-1.4-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ CBQL theo quy định, có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng với cơ cấu hợp lý theo Điều lệ Trường tiểu học. Các tổ đều xây dựng kế hoạch đầy đủ, sinh hoạt nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tế nhằm phục vụ công tác dạy và học đạt hiệu quả. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện các chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng.

3. Điểm yếu:

Một số chuyên đề còn chưa đạt được hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chỉ đạo các tổ duy trì tốt các hoạt động chuyên môn; xây dựng kế hoạch cụ thể cho các thành viên trong tổ về chuyên môn nghiệp vụ.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
BDCM nghiệp vụ cho tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	NH 2021-2022 và các NH tiếp theo	CBQL chủ trì các thành viên của các tổ.	Tài liệu tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 34 lớp trong đó, khối 1 gồm 9 lớp, khối 2 có 9 lớp, khối 3 có 8 lớp, khối 4 có 5 lớp và khối 5 có 3 lớp [H1-1.5-01].

Học sinh nhà trường được tổ chức theo lớp học. Các lớp học được tổ chức theo đúng quy định tại Điều 16 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học. Mỗi lớp đều có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó. Mỗi lớp chia thành 3 hoặc 4 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó. Đội ngũ cán bộ lớp được tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học hoặc do GVCN chỉ định luân phiên trong năm học. Hình thức tổ chức lớp học được thực hiện linh hoạt phù hợp với từng đối tượng và điều kiện thực tế. [H1-1.5-02]. Mỗi lớp học đều có GVCN phụ trách giảng dạy; biên chế GV một lớp theo quy định tại Điều 27 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT về Điều lệ trường Tiểu học và mục 2 Điều 6 Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm của Bộ GDĐT [H1-1.5-03].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đối với HS các lớp đầu cấp, cán bộ lớp do GVCN giới thiệu, được HS trong lớp lựa chọn và làm luân phiên. Đối với các lớp 4, 5, đội ngũ cán bộ lớp được tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi NH và được GVCN phê duyệt, giao nhiệm vụ cụ thể. Lớp trưởng chỉ đạo các hoạt động chung của lớp, lớp phó phụ trách các hoạt động học tập, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chung và các HĐTT. Các tổ trưởng có nhiệm vụ quản lý các thành viên trong tổ [H1-1.5-02]. Công tác lớp được GVCN xây dựng kế hoạch và tổ chức cho HS thực hiện. Cuối mỗi tuần, GVCN sẽ tổ chức sinh hoạt lớp, tổng kết lớp dựa trên những báo cáo của cán bộ lớp. Các em cán bộ lớp chủ động trong quản lý lớp, biết tự điều hành một số tiết sinh hoạt lớp, tự bình xét thi đua, đề xuất các tấm gương điển hình đến GV để GV và ban đại diện CMHS khen thưởng [H1-1.5-04].

Mức 2:

Nhà trường có 34 lớp. Các năm học trước, một số tòa nhà chung cư chưa đi vào hoạt động nên chưa có nhiều HS trong độ tuổi đi học tại trường. Nhà trường được tuyển sinh trẻ tại một số tuyến của phường La Khê, phường Yên Nghĩa và một số tổ dân phố của phường Dương Nội. Trong NH 2020 - 2021 có sự đột biến về sĩ số do người dân đã về sinh sống trong các căn hộ chung cư đầy đủ. Bên cạnh đó, HS các lớp cuối cấp thuộc tuyến tuyển sinh của trường tiểu học La Khê mới đi vào hoạt động NH 2020 - 2021 không chuyển đi nên nhà trường đã vượt 4 lớp so với quy định [H1-1.5-01]. Năm học 2021 - 2022, UBND phường, UBND quận đã có kế hoạch điều chỉnh số HS lớp 1,2,3,4 sinh sống tại

tòa The Pride, tòa Hải Phát về học tại trường La Khê nhưng do dịch bệnh kéo dài nên HS vẫn chưa chuyển đi. Cuối năm 2021, nhà trường sẽ có văn bản đề nghị cấp trên điều chỉnh số HS lớp 1, 2, 3, 4 sinh sống tại tòa nhà HH2A, HH2B, HH2H, HH2K về học tại các trường tiểu học thuộc phường Yên Nghĩa.

Sĩ số các lớp không đồng đều và vượt quá 35 HS/ lớp, lớp có sĩ số đông nhất là 54 HS, lớp có sĩ số thấp nhất là 38 HS. (trung bình 49,4 HS/lớp). Theo Nghị quyết của HĐND quận Hà Đông, nhà trường được xây mới 1 đơn nguyên gồm 18 phòng học. Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên việc chuyển giao hồ sơ giữa Ban quản lý dự án của Tập đoàn Nam Cường với UBND quận Hà Đông chưa hoàn thành do vậy công trình sẽ lùi lại thời gian khởi công xây dựng vào năm 2022. Khi công trình đi vào hoạt động thì sẽ đảm bảo đúng số lớp theo quy định và sĩ số HS mỗi lớp sẽ đảm bảo không vượt quá 35 HS [H1-1.5-01].

Nhà trường đã chỉ đạo GV tổ chức lớp học linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục theo CTGDPT 2018. Các tiết học được tổ chức trong lớp, một số tiết học được tổ chức ở sân, vườn trường. Các hoạt động giáo dục như tổ chức câu lạc bộ, trò chơi, tiết học ngoài không gian lớp học, tiết trải nghiệm, học tại nhà đa năng được thường xuyên tổ chức thực hiện. Ngoài ra còn có các tiết sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng với các nội dung phong phú và linh hoạt [H1-1.5-05]; [H1-1.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp, lớp học được tổ chức theo quy định. Cơ cấu tổ chức lớp phù hợp với quy định tại Điều lệ Trường tiểu học và các quy định khác do Bộ GDĐT ban hành. Các lớp học được xây dựng theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Tổ chức lớp học linh hoạt, phong phú đẩy mạnh quá trình rèn luyện năng lực và phẩm chất của học sinh.

3. Điểm yếu:

Sĩ số HS các lớp không đồng đều, một số lớp có số HS vượt quá quy định. Trong NH 2020 – 2021 vượt quá số lớp so với quy định do HS đang theo học tại trường nhưng thuộc tuyến tuyển sinh của trường tiểu học La Khê không chuyển về trường mới để học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Làm tờ trình đề nghị với Phòng GDĐT về việc phân lại tuyến tuyển sinh, điều chuyển HS một số tòa nhà thuộc phường Yên Nghĩa đi học nơi khác	Cuối năm 2021	CBQL và giáo viên, nhân viên nhà trường.	Tiến hành công tác giải phóng mặt bằng vào cuối quý 3/2021

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Giảm sĩ số HS các lớp, chuyển HS ở tòa The pride và Hải Phát về trường Tiểu học La Khê; tòa nhà HH2A HH2B, HH2H, HH2K về các trường thuộc phường Yên Nghĩa	Năm học 2021 - 2022 và các năm học sau.	CBQL chủ trì, đề xuất.	Động viên học sinh lớp 1,2,3,4 thuộc tuyển tuyển sinh mới về học đúng tuyển.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục trong như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ theo dõi phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02], sổ theo dõi chất lượng giáo dục [H1-1.6-03], hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật [H1-1.6-04], học bạ học sinh được cập nhật thường xuyên và lưu giữ cẩn thận

[H1-1.6-05]. Sổ Nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-06], sổ quản lý CB, GV, NV, hồ sơ cá nhân viên chức và người lao động [H1-1.6-07], sổ khen thưởng, kỉ luật [H1-1.6-08], sổ theo dõi tài sản nhà trường [H1-1.6-09], sổ văn bản đi, văn bản đến [H1-1.6-10]. Hệ thống sổ sách của nhà trường được lưu trữ theo đúng quy định trong Luật Lưu trữ 01/2011/QH13. Các hồ sơ được lưu trữ theo từng năm hành chính, có tủ sắp xếp theo thứ tự, dễ tra cứu [H1-1.6-11].

Hằng năm, nhà trường đều lập dự toán tài chính vào 2 đợt. Đợt 1, tháng 11, lập dự toán ngân sách cho năm liền kề gồm: nguồn ngân sách (Nhà nước cấp); các khoản thu khác theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố Hà Nội quy định thu, sử dụng khoản thu khác trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội; Đợt 2 vào tháng 1 năm sau, sau khi được UBND quận ra quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm và được Phòng Tài chính - Kế hoạch phê duyệt. [H1-1.6-12]. Công khai và định kỳ kiểm tra tài chính theo quy định của Nhà nước bằng hình thức trong hội nghị và niêm yết trên bảng tin nhà trường theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [H1-1.6-13] ... Nhà trường có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. [H1-1.6-14]. Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và hằng năm đều tổ chức bàn giao cơ sở vật chất cho các cá nhân, bộ phận sử dụng [H1-1.6-15], tổ chức giám sát, kiểm tra việc sử dụng tài sản công có biên bản kèm theo. [H1-1.6-16]; Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch thu chi các khoản ngoài ngân sách theo đúng quy định tại quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội quy định thu, sử dụng khoản thu khác trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội; [H1-1.6-17]. Nhà trường thực hiện định kỳ công tác kiểm tra tài chính, công khai tài chính theo đúng quy định tại Thông tư 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo để CB, GV, NV biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV và niêm yết tại bảng thông tin nhà trường, thời gian theo từng quý, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ GDĐT và Bộ Tài chính về công tác công khai trong cơ sở giáo dục. Vào các kì Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm, Ban thanh tra nhân dân thông báo công tác kiểm tra tài chính

trước toàn thể CB, GV, NV [H1-1.6-18].

Nhà trường tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công nhằm phục vụ các hoạt động giáo dục và giảng dạy. Qua kiểm tra, tài sản công của nhà trường đã được sử dụng, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục theo Luật số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về Quản lý, sử dụng tài sản công. Cuối mỗi năm tài chính, nhà trường tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, không cho mượn, không sử dụng vào mục đích cá nhân, không thế chấp [H1-1.6-16]. Hằng năm, nhà trường thực hiện các khoản thu theo đúng quy định của UBND thành phố Hà Nội, chi đúng mục đích theo quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng các quỹ thu thỏa thuận đó đúng mục đích, đúng đề án và được đánh giá tổng kết và công khai vào cuối mỗi kỳ để CB, GV, NV, CMHS được biết [H1-1.6-17]; [H1-1.6-18].

Mức 2:

Trong quản lý, sử dụng tài chính, nhà trường đã ứng dụng CNTT: sử dụng phần mềm tài chính DAS 10.2 để thực hiện toàn bộ các hoạt động về lương, phụ cấp các loại, bảo hiểm và chế độ thanh toán ngoài lương [H1-1.6-19]. Quản lý tài sản qltscd.vn để thực hiện toàn bộ các giá trị tài sản hữu hình và vô hình, các công cụ, dụng cụ hiện có của nhà trường [H1-1.6-20]. Nhà trường sử dụng phần mềm BHXH EFY để thực hiện các chế độ thanh toán về BHXH, BHYT, BHTN của đơn vị [H1-1.6-21]; sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế để thực hiện chế độ đóng thuế thu nhập cá nhân thuộc nhà trường quản lý dưới sự ủy quyền thanh toán của viên chức [H1-1.6-22]. Tuy nhiên các phần mềm quản lý tài chính, tài sản và BHXH được liên tục cập nhật và nâng cấp nên bộ phận kế toán, CNTT của trường còn gặp khó khăn trong việc sử dụng vận hành các phần mềm đó.

Từ khi nhà trường đi vào hoạt động cho đến nay, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-23]; [H1-1.6-24].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định và được lưu trữ khoa học. Quản lý chặt chẽ, công khai dân chủ về tài chính, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động dạy và học. Ứng dụng thành thạo

CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu:

Bộ phận hành chính, tài vụ, y tế còn gặp khó khăn trong việc sử dụng một số phần mềm do có sự nâng cấp thường xuyên. Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Nâng cao ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm tài chính, kế toán	Các năm học tiếp theo.	Bộ phận tài vụ, văn phòng.	Tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT.
Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp.	Từ năm học 2021-2022	Hiệu trưởng, kế toán, Ban đại diện CMHS	Bám sát Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT để triển khai thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu các năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch BDCM nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV, kế hoạch BDTX cụ thể và chi tiết. Tất cả cá

nhân xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng dựa trên năng lực, sở trường và những hạn chế của bản thân, tổ tổng hợp thành kế hoạch của tổ gửi về bộ phận chuyên môn của trường. Bộ phận chuyên môn tổng hợp lại thành kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]. Nhà trường tạo mọi điều kiện để các đ/c CB, GV, NV được tham dự các khóa học nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn; các chuyên đề dạy học, đổi mới chất lượng giáo dục cho GV, cán bộ cốt cán; các đ/c NV kế toán, NV y tế, NV thư viện - thiết bị, NV bảo vệ được học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ đúng chuyên ngành, đáp ứng được các yêu cầu công việc [H1-1.3-07].

Hằng năm, căn cứ năng lực, sở trường, nguyện vọng riêng và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng CB, GV, NV mà nhà trường phân công sao cho đúng người, đúng việc đảm bảo các vị trí làm việc theo quy định và đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Nhà trường phân công, sử dụng CB, GV, NV rõ ràng, hợp lý. Dựa vào trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV và ý kiến đề xuất của tổ chuyên môn, nhà trường phân công GVCN, giáo viên bộ môn và bổ nhiệm tổ trưởng. Việc phân công rõ ràng, hợp lý nên đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường ngày một phát triển [H1-1.7-03].

CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Luật số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về Luật Giáo dục và Điều 11, Điều 30 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 về Điều lệ trường tiểu học. CBQL được dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy bình quân 2 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp chức vụ, được hưởng chế độ phụ cấp đối với; nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định. Giáo viên nhà trường được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục HS, được đào tạo nâng cao trình độ, BDCM, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo. Nhân viên nhà trường được tất cả các quyền lợi như: bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. [H1-1.3-07]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra các biện pháp phát huy năng lực của CBQL, GV, NV phù hợp với sở trường và năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Trường đã quan tâm thực hiện đồng bộ những giải pháp để phát huy năng lực của đội ngũ như: nâng cao nhận thức về vị trí, tầm

quan trọng, chức năng, nhiệm vụ của mình trong nhà trường và xã hội; tiến hành khảo sát, đánh giá, phân loại GV, NV để từ đó có biện pháp phân công công việc phù hợp với khả năng, sở trường của từng người đồng thời xác định nhu cầu bồi dưỡng phát triển những năng lực nghiệp vụ cần thiết [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.4-01]; [H1-1.7-06]; mời các chuyên gia giáo dục, giảng viên Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ chính trị quận đến tập huấn cho CBQL, GV, NV toàn trường [H1-1.7-07]. Nhà trường đã có một số giải pháp về công tác thi đua khen thưởng như: làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác thi đua khen thưởng; thực hiện đồng bộ việc quản lý hồ sơ trong nhà trường; làm tốt công tác kiểm tra, tư vấn thi đua khen thưởng; gắn việc xét thi đua với hiệu quả công việc được giao tránh tình trạng cào bằng, nể nang trong việc xét thi đua. Bằng các biện pháp đó, chất lượng đội ngũ CB, GV, NV ngày một nâng lên, nhiều đ/c đã đạt giải cao trong các Hội thi giáo viên dạy giỏi, thi thiết kế bài giảng E-learning, viết SKKN [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch BDCM cho đội ngũ CBQL, GV, NV; phân công, sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL, GV, NV. Nhà trường đã có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, do nguyên nhân khách, chủ quan, một số kế hoạch bồi dưỡng cho CB, GV, NV chưa đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Lựa chọn GV lớp 2 NH 2021 – 2022 đảm bảo năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn để thực hiện CT GDPT 2018	Năm học 2021 – 2022 và các năm tiếp theo	CBQL - GV	Theo kế hoạch của nhà trường, Quận, của Thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, căn cứ Điều 17 Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học của Bộ GDĐT; QĐ số 16/2006/QĐ-BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành CTGDPT; Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS từ NH 2017 - 2018; Kế hoạch thời gian NH theo QĐ của UBND Thành phố Hà Nội; căn cứ vào Hướng dẫn nhiệm vụ năm học của ngành, của Sở GDĐT, của Phòng GDĐT, dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và của nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành. Kế hoạch tổ chức dạy học theo đúng chương trình của Bộ GDĐT. Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề gắn với các ngày lễ lớn, gắn với các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với HS, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy học trong và ngoài nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương và nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Trên cơ sở đó, các đ/c PHT xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn [H1-1.8-03]; Kế hoạch hoạt động ngoại khóa [H1-1.8-04], Kế hoạch sức khỏe và dinh dưỡng học đường [H1-1.8-05]. Từ đó các đ/c Tổ trưởng chuyên môn, TPTĐ và các bộ phận triển khai xây dựng kế hoạch cụ thể của tổ mình phù hợp với chương trình thời khóa biểu, phù hợp với tâm lý, sinh lý lứa tuổi HS và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-04].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động theo kế hoạch tuần, tháng, học kỳ, đảm bảo tiến độ và nội dung. Kế hoạch giáo dục được toàn thể GV thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, không cắt xén chương trình, không dạy dồn, dạy ghép. Đối với những ngày nghỉ lễ, tết, tổ lên kế hoạch triển khai dạy bù hoặc sau thời gian nghỉ, được thể hiện trong lịch báo giảng để đảm bảo chương trình theo kế hoạch [H1-1.4-04]; [H1-1.1-03]. Các HĐGDNGLL của nhà trường luôn được quan tâm, GV luôn tâm huyết nên rất chủ động, sáng tạo xây dựng các chương trình

hoạt động cho HS theo các chủ điểm như: Chào mừng năm học mới; Vui Trung thu; An toàn giao thông; Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; Chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam ; Chương trình “Sức khỏe và dinh dưỡng học đường”, chương trình chào Xuân; “Rung chuông vàng” Tiếng Anh, tổ chức “Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe”, Kỷ niệm ngày sinh nhật Đội và sinh nhật Bác 19/5, tổ chức Lễ ra trường cho học sinh lớp 5 [H1-1.8-06]. Tuy nhiên, một số lớp do sự phối hợp với CMHS thiếu chặt chẽ nên khi tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đạt hiệu quả cao, chưa gây hứng thú cho HS.

Hằng tháng và hằng kì, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thông qua giao ban của lãnh đạo, họp Ban Trung tâm, họp cơ quan, họp tổ chuyên môn. Những nội dung chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra, tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục ngay trong thời gian tới đồng thời tiến hành điều chỉnh và bổ sung những nội dung còn thiếu, những nội dung mang tính thời sự phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương [H1-1.8-07]; [H1-1.8-08]; [H1-1.8-09].

Mức 2:

Sau mỗi hoạt động lớn, các tổ, nhóm, bộ phận, CBQL đều thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện và kết quả của hoạt động đó. Thông qua buổi họp giao ban của lãnh đạo, họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ, nhà trường tổng kết, đánh giá các hoạt động, lấy ý kiến phản ánh đóng góp của các thành viên từ đó điều chỉnh, xây dựng kế hoạch trong tháng, trong kì tiếp theo [H1-1.8-07]. Trong những năm qua, nhà trường được phòng GDĐT quận Hà Đông đánh giá đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động giáo dục [H1-1.8-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục được cấp trên ghi nhận. Xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, đảm bảo kế hoạch đề ra, thường xuyên có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số lớp do sự phối hợp với CMHS thiếu chặt chẽ nên khi tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đạt hiệu quả cao, chưa gây hứng thú cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Giải pháp và các điều kiện thực hiện
Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về tổ chức hoạt động	Năm học 2021 - 2022 và các năm	CBQL, GV, TPTĐ	- Mời giảng viên tập huấn. - GV tự học hỏi nâng cao trình độ.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Giải pháp và các điều kiện thực hiện
cho GV (hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giao lưu trong tiết HĐTT, tiết SH lớp...).	học tiếp theo.		- GV, TPTĐ hướng dẫn HS tổ chức các hoạt động trong giờ HĐTT, SH lớp, SH sao Nhi đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tháng 8 hằng năm, nhà trường đã tổ chức cho CB-GV-NV tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, điều chỉnh quy chế dân chủ, quy chế hoạt động, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Tổ chức cho CB-GV-NV học tập các văn bản về quy chế dân chủ như Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT thay cho QĐ 04/2000 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ năm học nhằm giúp cho CB-GV-NV có nhận thức và hiểu biết về những quy định, những nhiệm vụ cần thực hiện để từ đó phát huy quyền làm chủ, đóng góp các giải pháp thực hiện các kế hoạch đã đề ra hay xây dựng các hoạt động có nội

dung phong phú, đa dạng và thu hút HS. Tất cả các văn bản của nhà trường đều được dự thảo, đưa lên zalo chung để CB-GV-NV nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến hay gạch chân những điều chưa hiểu, chưa rõ để phát biểu trong hội nghị tránh mất thời gian và đạt hiệu quả. Bên cạnh một số GV tích cực đóng góp thì vẫn còn một số GV chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến, thảo luận, tìm ra các biện pháp xây dựng nhà trường. Sau khi CB-GV-NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường để hoàn thiện các văn bản đưa vào thực hiện [H1-1.9-01]. Các chủ trương, chế độ chính sách của CB-GV-NV và HS được thực hiện công khai, dân chủ như: lương, phụ cấp hàng tháng; QĐ phân công nhiệm vụ; quy chế chi tiêu nội bộ; chất lượng cơ sở giáo dục. Tất cả các kế hoạch, các hoạt động; thi đua khen thưởng của GV, HS; việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn đều được đưa ra thảo luận, lấy ý kiến công khai trong tập thể và được niêm yết tại phòng Hội đồng để mọi người cùng theo dõi. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 61/2017/TT-BTC, Thông tư 90/2018/TTBTC. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được hiệu trưởng căn cứ vào các văn bản pháp luật để giải quyết theo đúng quy định như: Luật số 25/2018 về Luật Tố cáo; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Luật số 43/2019/QH14 về Luật Giáo dục. Hàng năm, nhà trường xây dựng quy chế, tổ chức công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; bố trí CB-GV-NV trực tiếp tiếp công dân thường xuyên và giải quyết những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường. Trong quá trình hoạt động, nhà trường tiếp thu mọi ý kiến phản ánh của CB, GV, NV thông qua cuộc họp hay kiến nghị bằng văn bản, đều được nhà trường quan tâm, giải quyết hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật [H1-1.9-05]. Chính vì vậy, nội bộ nhà trường đoàn kết, không có đơn thư, khiếu nại hay đơn thư vượt cấp. Nhà trường đã xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Hàng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.9-02]. Báo cáo được thể hiện bằng văn bản của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-04], báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ [H1-1.8-09]. Các báo cáo đã thể hiện được việc phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên và nhân viên; công khai, dân chủ trong thực hiện chế độ, chính sách; bảo đảm lợi ích của người lao động; động viên khen thưởng và xử lý kỷ luật kịp thời; tăng

cường vai trò quản lý của lãnh đạo trường; đảm bảo kỷ cương trong trường; đẩy mạnh phong trào thi đua, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-06].

Mức 2:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong các hoạt động của trường thông qua các hình thức dân chủ, đảm bảo cho CB-GV-NV được quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến đối với hoạt động của nhà trường, của đơn vị cấp trên. Có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước tập thể trường về các công việc của trường như: Chất lượng giáo dục, thu chi tài chính, các văn bản liên quan đến đời sống, chính sách của CB, GV, NV. Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, độc lập, khách quan trong nội bộ. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trong việc theo dõi và giải quyết các thủ tục theo đúng thẩm quyền của từng thành viên. Công bố công khai đường dây nóng, hòm thư điện tử, SĐT của các thành viên trong nhà trường để tiếp nhận đóng góp. Phối hợp với các đoàn thể trong trường xây dựng và thực hiện tốt dân chủ trong trường học, đảm bảo tính công bằng, công khai trong xây dựng, tổ chức, triển khai kế hoạch hoạt động, đánh giá chất lượng đội ngũ CB-GV-NV và HS. Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, Công đoàn chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết, quy chế dân chủ của đơn vị [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi hoạt động đều được công khai lấy ý kiến và thống nhất thực hiện. Nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư, khiếu nại hay đơn thư vượt cấp và đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc.

3. Điểm yếu

Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ vẫn còn có một số CB-GV-NV chưa tích cực, mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất để đưa ra các biện pháp xây dựng nhà trường phát triển tốt hơn nữa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Quản triệt các quan điểm, chủ trương, về thực hiện Quy chế dân chủ.	Trong buổi họp HĐSP hàng tháng.	CB-GV-NV và HS	- Cập nhật, lưu trữ các văn bản chỉ đạo. - Triển khai thực hiện theo kế hoạch
Đảm bảo 100% cán	Tháng	Hiệu trưởng,	- Tổ chức cho CB - GV-

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
bộ giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch	9/2021 và các năm học tiếp theo	CB, Gv, NV và người lao động	NV nhận thức rõ hơn về quy chế dân chủ trong nhà trường. - Khuyến khích, tôn trọng CB, GV, NV trong việc lấy ý kiến đóng góp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng quy chế phối hợp với công an phường Dương Nội, xây dựng các phương án về việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn [H1-1.10-01]. Tổ bảo vệ đảm bảo trực 24/24 giờ, sau mỗi ca trực có tiến hành bàn giao và ghi sổ trực đầy đủ. Các phòng học, phòng chức năng đều được bảo vệ cẩn thận. Nhà trường có làm khu mái che từ cổng vào các tòa nhà để GV, HS đi lại không bị nắng, mưa. Trường có hệ thống camera gồm 45 cái được lắp tại các vị trí thuận tiện đảm bảo an ninh, an toàn trường học. Xung quanh khu vực nhà trường có lắp 20 đèn cao áp để đảm bảo hỗ trợ công tác bảo vệ. Ban quản lý khu đô thị Dương Nội 2 xây dựng riêng một trạm biến áp để cung cấp điện cho nhà trường. Hệ thống điện được lắp đặt theo thiết kế đồng bộ cùng với thiết kế của tòa nhà nên dễ kiểm soát an toàn khi sử dụng điện. Nhà trường luôn làm tốt công tác kiểm tra, tu bổ, bảo dưỡng và bổ sung các thiết bị để đảm bảo không có sự cố về điện xảy ra. Chính vì vậy, sau 4 năm hoạt động nhà trường chưa xảy ra cháy, chập và tai nạn về điện. Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02]. Việc phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai được dạy lồng ghép trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết HĐTT, hoạt động ngoại khóa. Các khu vực trong trường đều trang bị các bình chữa cháy, có nội quy phòng cháy chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy. Nhà trường cũng đã tổ chức cho CB-GV-NV tham gia tập huấn về phòng chống cháy nổ. Công tác phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng chống các tệ nạn xã hội cũng được nhà trường hết sức quan tâm. Đội thiếu niên kết hợp với GVCN đã có những hoạt động tuyên truyền cho HS phòng tránh các tệ nạn xã hội [H1-1.10-03]. Đối với bếp ăn bán trú, hàng ngày lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định, kiểm tra, giám sát việc nhập, sơ chế thô, và khẩu phần ăn cho HS. Tất cả CB-GV-NV và HS đều được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm, ... [H1-1.10-04]. Nhà trường còn có quy định về bảo vệ cơ sở vật chất và an ninh của nhà trường, quy định của tổ bảo vệ nhằm đảm bảo an toàn cho toàn thể CB-GV-NV và HS [H1-1.6-20]. Trường đã kí hợp đồng với công ty chế biến suất ăn Hoa Sữa tổ chức cung cấp suất ăn bán trú cho HS, có đầy đủ hồ sơ công tác bán trú theo quy định [H1-1.10-05].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng (SĐT của hiệu trưởng – 0968230440, SĐT của phó hiệu trưởng: 0965186848; 0961003188) được niêm yết công khai tại bảng thông tin nhà trường và các hình thức khác như e-mail:

c1lequydon-hadong@hanoiedu.vn; trang thông tin điện tử của trường websitetrường : <http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn> xử lý những phản ánh của người dân xung quanh, CMHS và HS trong trường [H1-1.10-06]. Trong nhà trường không có hiện tượng vi phạm về giới và bạo lực học đường; không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Tập thể CB, GV, NV, cộng đồng trách nhiệm, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và luôn thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV [H1-1.10-03].

CB-GV-NV luôn yêu thương, tôn trọng, không xúc phạm thân thể, nhân phẩm của HS, không có hiện tượng phân biệt đối xử với HS hòa nhập. Nhà trường đã thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “ Trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, giúp học sinh cảm nhận được mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Trong nhà trường không có hiện tượng vi phạm về giới và bạo lực học đường, không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Tập thể CB, GV, NV đoàn kết, yêu quý và giúp đỡ lẫn nhau. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp với công an phường Dương Nội, CB-GV-NV và HS trong nhà trường được phổ biến và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]. CB-GV-NV và HS được tham gia buổi tập huấn phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, chống thảm họa thiên tai [H1-1.10-09]. Nhà trường kết hợp với trạm y tế phường Dương Nội thực hiện tuyên truyền chống dịch sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp cấp Covid - 19, thực hiện công tác khử trùng đầu năm học, sát khuẩn tay đầu giờ cho HS, tuyên truyền và tham gia các buổi tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhân viên y tế tập tổ chức truyền thông trong các buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc qua phát thanh tuyên truyền của đội Măng non [H1-1.10-03]; [H1-1.10-10]. CB-GV-NV và HS được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; được thể hiện ở một số hoạt động sau: Tổ chức tuyên truyền cho HS về thực hiện an ninh - an toàn trường học, không chơi các trò chơi nguy hiểm, không ăn quà vặt tại cổng trường. Đầu giờ học, HS toàn trường được tham gia các hoạt động như hoạt động sinh hoạt đầu giờ. Trong các giờ ra chơi, HS được tham gia các trò chơi dân gian, múa hát tập thể, vui chơi các hoạt động trong khu vực nhà trường. Trước giờ xuống nhà ăn học sinh được tuyên truyền; “3 phút thay đổi

nhận thức” dưới sự hướng dẫn, giám sát của GV, TPTĐ [H1-1.10-11]. Qua buổi truyền thông, 100% CB, GV, CMHS và HS nhà trường được hiểu biết thêm về kỹ năng phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, chống thảm họa thiên tai, bạo lực học đường, xâm hại trẻ.... Trong NH 2020 - 2021, trường đã hoàn thành tốt kiểm tra bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy. Đến thời điểm viết báo cáo, nhà trường đã làm tốt công tác phòng chống cháy nổ, chưa để xảy ra vụ việc liên quan đến công tác phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-12]. Trong những năm học qua, nhà trường luôn làm tốt công tác đảm bảo an toàn cho HS và CB, GV, NV. Xung quanh trường có hàng rào bảo vệ. Khu vực vui chơi của HS không có vật cản gây nguy hiểm. Nhà trường đã lắp thêm camera an ninh. Khách tới trường làm việc đều phải xuất trình giấy tờ, liên hệ qua phòng thường trực và được sự đồng ý của Ban giám hiệu. GVCN làm tốt công tác đón, trả HS vào đầu giờ và cuối giờ học. Những HS không ăn, ngủ bán trú tại trường thì có đơn cam kết đảm bảo an toàn cho con vào thời gian không học tại trường, khi đón phải có kí nhận vào sổ đặt tại phòng bảo vệ. Những HS chưa được đón đúng giờ đều được GV quản lý theo quy định của nhà trường. Tuy các nội dung về an ninh trật tự, an toàn trường học được tuyên truyền, triển khai đầy đủ nhưng việc vận dụng những kiến thức được tập huấn vào cuộc sống của một số HS còn hạn chế [H1-1.10-07]; [H1-1.10-13].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến bạo lực học đường, có băng rôn khẩu hiệu về Phòng chống xâm hại, bắt cóc trẻ em, an toàn giao thông và các nội dung tuyên truyền theo từng chủ điểm trước cổng trường [H1-1.10-14]. Trường không có hiện tượng bạo lực học đường xảy ra trong học sinh, không có trường hợp học sinh bị bạo lực hay mất an toàn trong trường học [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, tổ chức phổ biến và thực hiện đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống bệnh dịch cho CB-GV-NV và HS. Nhà trường không có hiện tượng kì thị, đảm bảo an toàn phòng tránh các tai nạn, tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và thân thiện.

3. Điểm yếu

Các nội dung về an ninh trật tự, an toàn trường học được tuyên truyền, triển khai đầy đủ nhưng việc vận dụng những kiến thức được tập huấn vào cuộc sống của một số HS còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tổ chức cho HS được tham gia trải nghiệm các tình huống giả định về an ninh trật tự, an toàn trường học.	Hàng tháng.	GV, nhân viên, học sinh.	Phối hợp cùng công an, phòng cháy chữa cháy, y tế, CMHS tổ chức cho HS trải nghiệm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh cơ bản: Nhà trường có chiến lược phát triển được xây dựng, cụ thể, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương; có đầy đủ các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có đủ 05 khối lớp, Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; hoạt động nghiêm túc, có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Về quản lý, nhà trường có đủ CBQL theo quy định. CBQL có năng lực lãnh đạo, năng lực và nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng xu thế giáo dục hiện đại; có đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng với cơ cấu hợp lý theo Điều lệ Trường tiểu học. Các tổ đều xây dựng kế hoạch đầy đủ, thực hiện sinh hoạt định kỳ nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường. Nhà trường đã triển khai đầy đủ các mặt hoạt động theo quy định: lập kế hoạch cụ thể, bám sát chỉ đạo của các cấp quản lý, phù hợp với tình hình thực tế; tổ chức thực hiện nghiêm túc có chất lượng, theo dõi chi tiết, có đánh giá xếp loại và điều chỉnh hợp lí. Nhà trường luôn làm tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, đặc biệt chú trọng quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ CBQL cả về trình độ đào tạo và năng lực thực hiện vị trí việc làm. Công tác thi đua, khen thưởng, kỉ luật được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo khách quan, công bằng có tác dụng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường thực hiện quy chế dân chủ công khai minh bạch, có hiệu quả. Công tác quản lý an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo theo quy định.

Điểm yếu cơ bản: Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường; số HS trên một lớp không đồng đều, số lớp trong nhà trường nhiều hơn quy định.

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1 : 10/10
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2 : 10/10
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3 : 3/4
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x
Tiêu chí 1.8		x	x
Tiêu chí 1.9		x	x
Tiêu chí 1.10		x	x

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, CB, GV, VN và HS toàn trường không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học đưa chất lượng dạy và học từng bước nâng cao. Hằng năm được đánh giá theo chuẩn và đạt chuẩn. Học sinh đi học đúng độ tuổi, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo Điều lệ Trường tiểu học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a); Đạt tiêu chuẩn theo quy định
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn đạt tiêu chuẩn theo đúng quy định tại Điều 11 Thông tư 28/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường Tiểu học và Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Đ/c Teo Thị Thanh Mai có 20 năm trực tiếp giảng dạy, 6 năm làm công tác quản lý. Ngày 31/5/2017, đ/c được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo QĐ số 6426/QĐ-UBND. Đ/c Dương Quang Huy, có 19 năm trực tiếp giảng dạy. Ngày 29/4/2020, đ/c được bổ nhiệm, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo QĐ số 1305/QĐ-UBND. Đ/c Nguyễn Thế Thành, có 12 năm trực tiếp giảng dạy. Ngày 01/7/2020, đ/c được bổ nhiệm, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn theo QĐ 2011/QĐ-UBND [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến CB, GV, NV trong trường đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng, thông qua các minh chứng xác thực, phù hợp. Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai: Năm 2017, năm 2018 xếp loại Xuất sắc; năm 2019, năm 2020 xếp loại Tốt (theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT về Ban hành quy định Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông). Phó hiệu trưởng Dương Quang Huy và Phó hiệu trưởng Nguyễn Thế Thành do mới được bổ nhiệm làm quản lý nên chưa được đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng mà đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp và được xếp loại Tốt theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT [H1-1.4-01]

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo đúng quy định tại Điều 11 Thông tư 28/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường Tiểu học, Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và Thông tư số 19/2019 về Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cơ sở giáo dục công lập. Từ năm 2017, hiệu trưởng tham gia đào tạo sau Đại học tại Học viện chính trị chuyên ngành Quản lý Giáo dục và được cấp bằng Thạc sĩ ngày 08/3/2019. Ngoài ra đ/c còn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý do Sở GDĐT, Trung tâm Chính trị quận tổ chức. Phó hiệu trưởng Dương Quang Huy đang theo học lớp Đào tạo sau đại học tại trường Đại học Thủ đô chuyên ngành Quản lý giáo dục: thời gian theo học bắt đầu từ tháng 12/2020 và dự kiến hoàn thành khóa học vào tháng 12/2022 [H1-1.4-01]; [H2-2.1-02].

Mức 2:

Tính đến thời điểm hiện tại (năm 2021), đ/c Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng với 4 năm loại xuất sắc và loại tốt. Đ/c Phó hiệu trưởng Dương Quang Huy, đ/c Nguyễn Thế Thành chưa tham gia đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng do vừa được bổ nhiệm Tuy nhiên trong quy định Chuẩn Hiệu trưởng, ở tiêu chuẩn 5 của Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT) về đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, việc sử dụng ngoại ngữ thì đ/c Teo Thị Thanh Mai và đ/c Nguyễn Thế Thành giao tiếp bằng tiếng Anh còn hạn chế, đ/c Dương Quang Huy giao tiếp bằng tiếng Anh tốt nhưng công tác quản lý giáo dục tiểu học còn chưa nhiều kinh nghiệm. [H1-1.4-01]

Đồng chí HT và 2 đ/c PHT được bồi dưỡng tại trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Thành phố Hà Nội và được cấp bằng Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính. Đồng chí HT và các PHT nhà trường đều đã có bằng Trung cấp Lý luận chính trị theo quy định. Hằng năm, các đồng chí tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Quận ủy Hà Đông tổ chức, các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn do Phòng GDĐT Hà Đông, Sở GDĐT Hà Nội, Bộ GDĐT tổ chức. Các đ/c CBQL đều có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, nhiệt tình trong công việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; được CB, GV, NV trong trường tín nhiệm cao. Đặc biệt đ/c Teo Thị Thanh Mai - HT nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ NH 2017 – 2018 đến NH 2019 - 2020 và được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng Bằng khen tại QĐ số 4775/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Tính đến thời điểm hiện tại, đ/c Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai được đánh giá Đạt chuẩn hiệu trưởng mức tốt 2 năm. Đ/c PHT Dương Quang Huy và đ/c PHT Nguyễn Thế Thành chưa tham gia đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng do vừa được bổ nhiệm [H1-1.4-01]

2. Điểm mạnh

Các đ/c HT, PHT đạt tiêu chuẩn theo quy định, nhiệt tình, năng động, tích cực tự bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, có năng lực quản lý, chỉ đạo triển khai tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường được CB, GV, NV tín nhiệm. Đồng chí hiệu trưởng 2 năm được đánh giá Đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. Đồng chí PHT Dương Quang Huy có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt.

3. Điểm yếu

Đồng chí Hiệu trưởng Teo Thị Thanh Mai và đ/c PHT Nguyễn Thế Thành giao tiếp bằng tiếng Anh còn hạn chế. Đồng chí Dương Quang Huy chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ quản lí, học thêm tiếng Anh	- Năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	- Sắp xếp thời gian tự học tiếng Anh và tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cấp tổ chức

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có đủ số lượng GV, có GV làm TPTĐ TNTP phong Hồ Chí Minh đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo đúng quy định của CTGDPT thông cấp tiểu học được quy định tại mục 2 Điều 6 Thông tư 16/2017 về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhà trường thực hiện dạy học 2 buổi/ ngày với 34 lớp. Số GV của trường là 50 đ/c, đạt tỉ lệ 1,47 GV /lớp, đảm bảo dạy đủ, hiệu quả các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của CTGDPT cấp tiểu học. Nhà trường có 41 GV cơ bản và 9 GV dạy các môn chuyên biệt, tự chọn. Các đ/c GV được phân công đúng chuyên môn đã được đào tạo, hợp lý, phù hợp với khả năng của mỗi người, tạo điều kiện cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-01]. Trường có đ/c Ngô Thị Ngọc Dung là GV dạy Âm nhạc được cử làm TPTĐ TNTP Hồ Chí Minh theo QĐ 123A/QĐ-THLQĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Quý Đôn [H2-2.2-02].

Theo Điều 5 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của g GV MN, TH, THCS thì tính đến tháng 8 năm 2021, nhà trường có 50 GV, trong đó có 2 GV trình độ Thạc sĩ, 29 GV trình độ Đại học, 18 GV trình độ Cao đẳng và 1 GV trình độ trung cấp giáo dục tiểu học. Do vậy tỉ lệ GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo là $31/50 = 62\%$. (vượt so với quy định đến 31/12/2025 đạt ít nhất 50%). Hiện nay có 16 đ/c GV đang theo học Đại học giáo dục tiểu học, 03 GV đang chờ kết quả thi tuyển Đại học theo chuyên môn giảng dạy. Dự kiến năm 2022 sẽ có thêm 16/19 đ/c tốt nghiệp Đại học theo đúng chuyên ngành đào tạo. [H2-2.2-03], [H2-2.2-04].

Bảng thống kê trình độ đào tạo giáo viên

Năm học	T.số GV	Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
2017-2018	20	0	0	11	55	7	35	2	10
2018-2019	23	0	0	11	47,8	9	39,1	3	13,1
2019-2020	41	2	4,9	14	34,2	24	58,5	1	2,4
2020-2021	50	2	4	29	58	18	36	1	2

100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt từ mức khá trở lên.

Bảng kết quả đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp

Năm học	Xuất sắc(tốt)		Khá		Trung bình		Kém	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
2017-2018	8	40	12	60	0	0	0	0
2018-2019	0	0	23	100	0	0	0	0
2019-2020	13	31,7	28	68,3	0	0	0	0
2020-2021	Tạm dừng đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo Chuẩn Năm học 2020 – 2021 theo CV số: 2440/BGDĐT-NGCBQLGD							

Mức 2:

Nhà trường có 49/50 (chiếm 98%) GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 03/VBHN- BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học có hiệu lực đến hết ngày 19/10/2020; Theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 thì nhà trường có 02 GV (đạt 4%) đạt trên chuẩn trình độ đào tạo. Theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV thì tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần hàng năm ở trình độ đào tạo Đại học và Cao học. Tuy nhiên, ở trình độ đào tạo trên chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019) còn hạn chế. Hiện nay, nhà trường có một số đ/c đang theo học và đăng kí theo học các lớp Cao học theo đúng chuyên ngành đào tạo [H2-2.2-03].

Tính đến hiện tại (năm 2021), có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên [H2-2.2-05].

Tính đến hiện tại, nhà trường không có GV bị kỷ luật. [H1-1.1-03]

Mức 3:

Nhà trường có 49/50 (chiếm 98%) GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại điều 36 Thông tư số: 03/VBHN- BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Điều lệ trường tiểu học có hiệu lực đến hết ngày 19/10/2020; Theo quy định tại điều 72 Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 thì nhà trường có 02 GV (đạt 4%) đạt trên chuẩn trình độ đào tạo. Theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV thì tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần hàng năm ở trình độ đào tạo Đại học và Cao học [H2-2.2-03].

Tính đến hiện tại (8/2021), có 100/% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV mức khá trở lên, trong đó có 31,7% GV đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Tính đến hết ngày 19/10/2020, giáo viên của nhà trường đạt trình độ đào tạo trên chuẩn cao (từ 98%) ; có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên trong đó có 31,7% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Theo quy định tại điều 72 Luật Giáo dục 2019 thì nhà trường có tỉ lệ GV đạt chuẩn và trên chuẩn còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
- Phối hợp với các cơ sở giáo dục, tổ chức các lớp BDCM, nghiệp vụ sư phạm và ứng dụng CNTT trong dạy học.	- Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo.	- CB, GV, NV	- Khuyến khích GV, NV tự học nâng cao trình độ. HT tạo điều kiện cho GV, NV đi học, mời giảng viên có uy tín về bồi dưỡng cho GV, NV.
Nâng cao trình độ cho GV có bằng Cao đẳng và Trung cấp	Từ năm học 2021- 2022 và các năm học tiếp theo	19 GV chưa đạt chuẩn	HT tạo điều kiện cho GV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.
Nâng cao trình độ cho CBQL, GV có trình độ Đại học để học tiếp lên Cao học	Từ năm học 2021 – 2022	đ/c PHT và 29 đ/c GV đã đạt trình độ Đại học	Cử đi học theo lộ trình hằng năm. Hiệu trưởng tạo điều kiện để CBQL và GV đi học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 NV kế toán, 01 NV y tế, 03 NV hợp đồng 68 làm công tác văn thư, thiết bị và bảo vệ; 01 GV dự trữ làm công tác thư viện. Các NV thực hiện các nhiệm vụ do HT phân công [H2-2.2-01].

Đ/c Nguyễn Phương Thảo là NV hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được phân công nhiệm vụ làm công tác văn thư. Nhân viên làm công tác văn thư có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế Chính trị do Học viện chính trị cấp ngày 08/03/2018 số hiệu bằng A 186858. Đ/c Dương Thị Bích Nguyệt NV kế toán có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán do Đại học Điện lực cấp vào ngày 10/12/2015. Đ/c Nguyễn Thị Hà - nhân viên y tế đã tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp chuyên ngành Điều dưỡng. Đ/c Bùi Thị Lan Anh – là GV cơ bản có bằng Cao đẳng Sư phạm Tiểu học được phân công nhiệm vụ làm công tác thư viện. Đ/c Bùi Thị Lan Anh thường xuyên được nhà trường cử đi tập huấn các lớp chuyên môn về công tác thư viện. Đ/c Nguyễn Thị Lan Anh làm NV phụ trách thiết bị của nhà trường. Vì diện tích trường rộng nên đã hợp đồng thêm 03 bảo vệ. Các đ/c bảo vệ đều là những người có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm cao. Tất cả NV đều được phân công công việc phù hợp với năng lực của từng đ/c và điều kiện thực tế hiện có của nhà trường [H1-1.6-07]; [H2-2.2-01]

Các đ/c NV của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, lại được nhà trường tạo mọi điều kiện trong công tác đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp về kiểm tra và đánh giá tốt. Công tác văn thư luôn đảm bảo đúng quy định: cập nhật công văn đi, công văn đến thường xuyên; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo đầy đủ, số liệu chính xác, đúng thời gian; công tác lưu trữ khoa học. Công tác tài chính luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định, số liệu chính xác, dễ tìm, nộp báo cáo đúng hạn. HS được nhân viên y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu chu đáo; sơ cứu, cấp cứu kịp thời; làm tốt công tác tuyên truyền chăm sóc sức khỏe; sử dụng tốt các trang thiết bị y tế hiện có tại trường; hồ sơ công tác y tế đầy đủ, đúng quy định. Cán bộ thư viện, thiết bị nắm được nghiệp vụ, cùng CBQL xây dựng thư viện chuẩn và thư viện Tiên tiến. Nhân viên bảo vệ đảm bảo tốt công tác an ninh trường học. Hằng năm, các nhân viên đều được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt công việc [H1-1.4-06].

Mức 2:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo đúng theo quy định tại mục 4, mục 5 Điều 6 Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhà trường là trường hạng I, do vậy có 01 NV thư viện, 01 NV thiết bị, 01 NV văn thư, 01 NV kế toán và 01 NV y tế. [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 8 năm 2021), không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhân viên kế toán có bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán do Đại học Điện lực cấp vào ngày 10/12/2015, nhân viên y tế tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp chuyên ngành Điều dưỡng. Cả NV kế toán và NV y tế đã được phân công làm nhiệm vụ đúng chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm. Các đ/c phụ trách công tác văn thư, thư viện, thiết bị chưa có bằng, chứng chỉ chuyên ngành đáp ứng vị trí việc làm nhưng được nhà trường thường xuyên cử đi tập huấn các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ văn thư, thư viện, thiết bị [H2-2.2-01]; [H1-1.6-07].

Hằng năm, nhà trường đã tạo điều kiện để các NV được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của cấp trên như: bồi dưỡng công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác thiết bị trường học, ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc được phân công, bồi dưỡng về công tác an ninh trật tự an toàn trường học, tập huấn về công tác thư viện. Công tác bảo vệ chưa có nhiều lớp tập huấn riêng và chuyên sâu về công việc [H2-2.3-01]; [H1-1.3-07]; [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng NV được sắp xếp bố trí công việc để đảm nhận các nhiệm vụ do HT phân công. Các đ/c NV của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, đa phần được phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu công việc. Hằng năm các NV hoàn thành nhiệm vụ được giao, được các cấp đánh giá, xếp loại tốt.

3. Điểm yếu

GV phụ trách công tác thư viện, NV làm công tác thiết bị, văn thư chưa có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ chuyên môn của công tác bảo vệ.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm thường xuyên với các nhân viên.	Hàng tháng trong NH 2021- 2022 và những năm học tiếp theo	CBQL	Xây dựng kế hoạch kiểm tra
Tham mưu với cấp trên để có thêm NV thư viện, thiết bị	NH 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Văn bản đề xuất với cấp trên
Bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ.	Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo	Hiệu trưởng	Sắp xếp công việc, thời gian cho NV đi tập huấn, bồi dưỡng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh nhà trường đảm bảo quy định về tuổi học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 33 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 về Điều lệ trường Tiểu học. Học sinh lớp 1 là 6 tuổi và lớp 5 là 11 tuổi, có 08 HS nhiều hơn 1 tuổi so với độ tuổi quy định trong đó có 01 em khuyết tật, 01 em từ nước ngoài về, 03 từ nơi khác chuyển đến đã học quá độ tuổi, 03 em sinh năm 2013 gia đình chuyển đến ở vào đầu năm 2020 chưa cho con nhập học nơi ở cũ mà tháng 8/2020 mới cho con tham gia tuyển sinh tại trường [H1-1.5-01];

[H1-1.6-04]; [H2-2.4-01]. Học sinh có thể lực và trí tuệ chậm phát triển thì vào lớp một ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không có HS nào quá 3 độ tuổi. Trong các năm học, HS của nhà trường có độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi (tính theo năm), trường hợp học quá so với số tuổi quy định là do thể lực yếu hoặc từ nơi khác chuyển đến đã học quá độ tuổi hoặc HS diện học hòa nhập. Toàn trường không có HS học vượt lớp [H1-1.6-04]; [H2-2.4-01].

Học sinh được học tập và thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của HS tiểu học theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học của Bộ GDĐT. HS được học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục, nội quy của nhà trường. Các em có ý thức tự giác học tập, rèn luyện để phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực theo mục tiêu của CTGDPT cấp tiểu học. Học sinh biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của GV; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Ở gia đình, các em hiếu thảo với cha mẹ, ông bà. Ở lớp, các em kính trọng, lễ phép với GV và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ các bạn vùng sâu, vùng xa, các bạn vùng lũ lụt, các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trại trẻ mồ côi... Bên cạnh đó, các em chấp hành nội quy, bảo vệ tài sản nhà trường và nơi công cộng; chấp hành trật tự ATGT; giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.3-09]; [H1-1.6-04]; [H2-2.4-02].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 28/2020/TT BGDĐT về việc Ban hành Điều lệ Trường Tiểu học của Bộ GDĐT. Học sinh được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, được tham gia học tập, bồi dưỡng tại các câu lạc bộ theo năng khiếu và sở thích của mình, được tham gia các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.8-01]; [H2-2.4-03]. Học sinh được học theo CTGDPT do Bộ GDĐT quy định. Học sinh được chọn trường hoặc được chuyển đến trường khác ngoài địa bàn cư trú nếu được trường đó tiếp nhận [H2-2.4-04]. Học sinh trong độ tuổi tiểu học có cha mẹ là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có nguyện vọng học tại nhà trường được nhà trường tiếp nhận tuyển sinh vào lớp 1 theo đúng quy định. [H2-2.4-05]. Nhà trường có HS khuyết tật được học hòa nhập ở một số lớp, được đảm bảo các điều kiện về học tập, rèn luyện, được học và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân của HS và được các bạn quý mến, giúp đỡ [H1-1.6-04]. Đối với các em có kết quả học tập còn hạn chế được GV và CMHS hướng dẫn giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ học tập và hoàn thành lớp học. Ở lớp cũng như ở nhà, HS được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và được đối xử bình đẳng, được bảo vệ quyền lợi chính đáng, được cung cấp đầy đủ thông tin về quá trình học tập và rèn

luyện của bản thân, được đảm bảo những điều kiện về thời gian học tập cũng như tham gia các hoạt động tại trường [H1-1.3-09]. Nhà trường luôn quan tâm, đảm bảo về cơ sở vật chất vệ sinh, an toàn để các em học tập và rèn luyện. Trong các phòng học, nhà trường trang bị đủ bàn ghế theo chuẩn quy định về y tế học đường, có đủ ánh sáng tự nhiên cũng như đèn điện chống lóa, chống cận, bảng lớp đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra trong mỗi phòng học được trang bị hệ thống máy tính, máy chiếu, máy soi vật thể, loa, nước uống đảm bảo vệ sinh, tủ thuốc y tế để sơ cứu ban đầu. Học sinh được tham gia các hoạt động phát huy khả năng của cá nhân, được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng cá nhân được nhận học bổng và hưởng các chính sách xã hội theo quy định cũng như được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường, Đội TNTP Hồ Chí Minh và GVCN, GV bộ môn và các nhân viên khác luôn tuyên truyền, giáo dục HS về các hành vi HS không được làm. Một số HS có hành vi vứt rác chưa đúng nơi quy định được các bạn trong lớp hoặc sao đờ kịp thời nhắc nhở làm cho cảnh quan trong lớp học và trên sân trường luôn được giữ sạch sẽ, gọn gàng. Một số bạn còn nói chuyện trong giờ học đã được phát hiện kịp thời, được GV cũng như TPTĐ nhắc nhở nên đã có những chuyển biến rõ rệt [H2-2.4-06]; [H1-1.3-09].

Mức 3:

Học sinh trường Tiểu học Lê Quý Đôn có nhiều HS được giải cao trong các kỳ thi đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Cụ thể năm học 2017 - 2018 có em Nguyễn Minh Khuê đạt giải Nhì Olympic Tiếng Anh cấp quận. Hình ảnh của em có tác động rất nhiều đến phong trào học tiếng Anh của các lớp. Đến các năm học tiếp theo, số lượng HS tham gia nhiều hơn, có nhiều giải cao hơn. Năm học 2017 - 2018 em Nguyễn Thế Vinh đạt huy chương vàng, em Nguyễn Thái Dương đạt huy chương bạc Hội thi Cờ tư lệnh. Năm học 2019 - 2020 đã có 4 HS đạt Huy chương Hội thi Cờ tư lệnh Hà Nội mở rộng do Liên đoàn cờ Việt Nam trao tặng gồm: Trần Đức Hùng Dũng - Huy chương Vàng; Vương Kim Trung - Huy chương Bạc, Lê Đức Anh và Nguyễn Lê Huyền Trang - Huy chương Đồng. năm học 2020 - 2021 có Trần Gia Huy - Huy chương Vàng; Nguyễn Lê Huyền Trang, Lương Chí Phong - Huy chương Đồng; Lương Hùng Hải, Phạm Tuấn Minh, Nguyễn Thành Long - Khuyến khích. Các NH trước, nhà trường chưa có giải về TDTT, nhưng đến NH 2020-2021 đã có giải Nhất môn Aerobic, giải ba bóng đá cấp quận. Đặc biệt, trong năm học này HS Nguyễn Hà Khánh An lớp 3A3 đạt giải khuyến khích thi Viết chữ đẹp cấp Quốc gia [H2-2.4-07]; [H2-2.4-08]; [H2-2.4-9].

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường đảm bảo về độ tuổi, thực hiện tốt các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. HS được nhà trường, gia đình và xã hội quan tâm, được bồi dưỡng theo năng lực, được giáo dục, uốn nắn kịp thời. Nhiều HS có thành tích cao trong học tập và rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và của trường.

3. Điểm yếu

Ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp của một số ít học sinh còn chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
- Lòng ghép hướng dẫn HS thực hiện tốt nhiệm vụ người HS trong các CTGDPT	- NH 2021 - 2022 và những NH tiếp theo.	- GVCN, CMHS	- Xây dựng kế hoạch hoạt động nội khóa, ngoại khóa

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Học sinh ngoan, có ý thức, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS. CBQL, GV, NV có phẩm chất chính trị tốt. Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn, có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, tích cực tự học tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, được phân công hợp lý, phát huy thế mạnh của từng thành viên. 100% GV, NV được xếp loại khá trở lên khi tham gia các lớp về BDCM. Công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường nghiêm túc. Tập thể nhà trường là một khối thống nhất, đoàn kết, xây dựng được sức mạnh tập thể, có ý chí vươn lên, giúp đỡ nhau vượt mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng nhà trường phát triển, đáp ứng được nhu cầu giáo dục trong giai đoạn mới.

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/4
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0/4

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 2.4		x	x	x

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Quá trình giáo dục và dạy học được cấu thành bởi nhiều yếu tố có liên quan chặt chẽ và tương tác với nhau. Trong đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động giáo dục và dạy học. Để nâng cao hiệu quả giáo dục, nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại hóa. Đây là điều kiện rất quan trọng để mọi hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả. Nhà trường đã sử dụng kinh phí hợp lý, hiệu quả và luôn làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, luôn huy động được các nguồn kinh phí cho giáo dục. Trường có khuôn viên riêng biệt, sân chơi đảm bảo quy định, cảnh quan môi trường sạch đẹp, an toàn, thoáng mát, thuận lợi cho HS học tập, vui chơi. Trường đã có đủ phòng học đảm bảo đúng quy cách, có các phòng chức năng, được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, thiết bị thiết yếu phục vụ cho dạy và học, đáp ứng chất lượng dạy học 2 buổi/ ngày.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có khuôn viên riêng biệt, có nhiều cây xanh được trồng ngay ngắn, thẳng hàng, đảm bảo mật độ an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Do một số cây mới trồng, tán hẹp nên bóng mát chưa nhiều. Xung quanh hàng rào bằng sắt nhà trường trồng toàn bộ hệ thống cây hoa giấy đủ màu sắc cao vừa tầm với chiều cao của hàng rào để vừa đảm bảo độ an toàn vừa tạo cảnh đẹp chung [H3-3.1-01]. Khu vườn trường được thiết kế hiện đại, có đồi cây, thảm cỏ, cây cảnh, cây bóng mát, cây thuốc nam. Khu vườn cây được bố trí ở phía đông khu vực sân trường được trồng nhiều cây hoa các loại, cây xanh của các vùng miền trên cả nước và bên trong có đường dạo để học sinh ngắm cảnh và vui chơi [H3-3.1-02]. Khu vực đường đi từ cổng trường vào đến các tòa nhà đều có cây xanh hoặc đường mái vòm có mái che. Đường đi xung quanh phía sau các tòa nhà được làm mái vòm có lợp lưới che nắng để học sinh đi xuống khu vực nhà ăn và dạo chơi hằng ngày. Hai bên đường đi được bố trí trồng cây ăn quả, cây hoa và các bồn rửa tay cho học sinh [H3-3.1-03]. Trong khuôn viên nhà trường có khu vực riêng để nuôi gia cầm và nuôi chim bồ câu. Khu vực này luôn được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn và phục vụ cho các tiết học trải nghiệm cũng như giúp cho học sinh được gần gũi với thiên nhiên và bảo vệ môi trường [H3-3.1-04]. Các tòa nhà A, B, C, D, E được kết nối đồng bộ vừa tạo cảnh quan đẹp vừa đảm bảo an toàn cho HS đi lại từ cổng trường vào đến lớp học trong những ngày nắng cũng như ngày mưa. Toàn bộ khu vực hành lang, nhà ăn, nhà đa năng được vẽ tranh 3D vừa tạo cảnh đẹp vừa là tài liệu cho giáo viên dạy các tiết ngoài không gian lớp học. Để đảm bảo an toàn cho học sinh nhà trường, tại tất cả các tầng đã lắp hệ thống lan can cao trên 1,5m, làm màn trúc che mưa nắng và hạn chế thấp nhất các đồ vật sắc nhọn có thể làm ảnh hưởng đến HS. Mỗi tầng đều có 2 thùng thu gom rác đảm bảo đúng tiêu chuẩn vệ sinh đô thị để bất kì HS, GV, NV nhìn thấy rác đều nhặt và bỏ vào đúng nơi quy định. Bên cạnh đó, trên sân trường và các khu vực xung quanh đều có các thùng chứa rác nhưng có hình thức mới lạ để không làm mất thẩm mỹ, quang cảnh xung quanh. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục như: SH tập thể đầu tuần, SH tập thể đầu giờ; vui chơi giữa giờ; tổ chức học các tiết Giáo dục thể chất, tổ chức học các câu lạc bộ aerobic, võ thuật, bóng rổ, bóng đá; tổ chức các sự kiện truyền thông; ... [H1-1.5-05]; [H1-1.5-06]; [H3-3.1-05]

Trường có cổng trường, có biển tên trường đảm bảo an toàn, thẩm mỹ theo đúng quy định. Biển trường được gắn ở phía bên phải cổng chính. Phía góc trên bên trái dòng thứ nhất ghi ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG; dòng thứ hai ghi: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, ở giữa bên trái là lô gô của

trường; phần chính giữa của biển trường ghi TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUÝ ĐÔN; dưới cùng ghi địa chỉ Khu đô thị Dương Nội 2, phường Dương Nội, quận Hà Đông, điện thoại: [H3-3.1-06]. Khuôn viên của trường có hàng rào bằng sắt kiên cố bao quanh cao 2,5m. Tiếp giáp với hàng rào bằng sắt nhà trường trồng toàn bộ hệ thống cây hoa giấy đủ màu sắc cao vừa tầm với chiều cao của hàng rào để vừa đảm bảo độ an toàn vừa tạo cảnh đẹp chung [H3-3.1-07].

Trường có sân chơi được lát gạch, khu đồi cây, vườn trường, sân bãi tập luyện với tổng diện tích rộng 18884m²; phần sân bãi tập luyện và vui chơi của HS có diện tích 1250m²; có 02 sân bóng với diện tích 2900m², nhà đa năng có diện tích 500m² [H3-3.1-08]. Toàn trường có hơn 100 chiếc ghế đá được kê ở các khu vực thuận tiện cho HS ngồi đọc sách hay nghỉ ngơi vào đầu giờ học, giờ ra chơi và khi chờ CMHS đến đón sau giờ tan học. Trên sân trường và khu vực vườn trường có các thiết bị vận động như cột bóng rổ, đu xà, xích đu, sân cầu lông đảm bảo để học sinh luyện tập thường xuyên, sân bóng đảm bảo tiêu chuẩn [H3-3.1-09].

Mức 2:

Diện tích đất sử dụng khuôn viên của trường Tiểu học Lê Quý Đôn là 21144 m², trung bình là 12,56 m²/ HS đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 3 mục 2 điều 9 của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Tiểu học [H3-3.1-08]; [H3-3.1-10]. Nhà trường có 05 khu phục vụ cho việc học tập, giáo dục, chăm sóc của HS và hành chính quản trị của nhà trường. Cụ thể: khu nhà A gồm 3 tầng với 12 phòng; khu nhà B gồm 03 tầng có 18 phòng; khu nhà C gồm 3 tầng trong đó tầng 1 là các phòng thuộc khối hành chính quản trị và 9 phòng; khu nhà D gồm 3 tầng trong đó tầng 1, 2 là khu nhà ăn, tầng 3 là thư viện. Khu nhà E là nhà đa năng. Nhà trường có một sân chung để tổ chức các hoạt động của toàn trường. Tổng diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập rộng 18884m². Trong đó sân bãi tập luyện và vui chơi của HS rộng 1250m²; có 02 sân bóng với diện tích 2900m², nhà đa năng có diện tích 500m². Khu sân chơi, sân tập đảm bảo đúng theo quy định tại mục 5 điều 10 của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.1-11].

Trường có sân chơi kết hợp với sân tập TDTT. Sân chơi bằng phẳng, được lát gạch đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an toàn và chống trơn trượt. Sân trường có đủ cây bóng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập [H3-3.1-02]. Sân tập và nhà đa năng đảm bảo an toàn giúp học sinh luyện tập TDTT, có cột bóng rổ với hai kích cỡ phù hợp cho học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 và học sinh lớp 4 và lớp 5. Nhà đa năng còn có khu vực sân để chơi cầu lông, có hai bàn bóng

bàn ghế GV, HS tập luyện. Sân chơi và sân tập của nhà trường đảm bảo an toàn cho học sinh được tập luyện thường xuyên [H3-3.1-09]. Vào đầu giờ học, giờ ra chơi và khi tan trường, tại khu vực sân chơi, vườn trường, vườn cây, HS được tham gia các hoạt động vận động vui chơi với các bức tranh, tượng, đồ chơi và thiết bị vận động. Hàng tuần, nhà trường đều xếp lịch học và tập luyện cho các lớp và tổ chức các sự kiện ngoài trời cho HS tham gia như chào cờ đầu tuần, khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học, tổ chức các ngày kỉ niệm trong năm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, truyền thông ... [H1-1.5-05]; [H1-1.5-06]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có sân chơi, bãi tập, sân tập bằng phẳng, nhà đa năng được trang bị đầy đủ từ ánh sáng, thậm chí các thiết bị vận động đảm bảo an toàn cho HS học tập và vui chơi kể cả trong những ngày hè nóng nực cũng như những ngày mưa gió. Nhà trường có các đồ chơi và thiết bị vận động như đu xà, xích đu, bàn cờ, bóng đá, bóng bàn, bóng rổ, dây nhảy, bóng chày, ... đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho HS luyện tập. Khu vực từ lối rẽ vào trường cho đến cổng trường; đường đi từ cổng trường vào đến các tòa nhà; đường đi xung quanh trường và các khu đất đều có cây xanh. Tổng số cây xanh có khoảng 1000 cây gồm các loại: cây ăn quả: ổi, xoài, vú sữa, chuối, mít, na,... cây bóng mát: phượng vĩ, bàng, bằng lăng; các loại cây tạo cảnh quan và bóng mát: cọ, cọ dầu, đào tiên, sanh,... và còn nhiều các loại cây khác [H3-3.1-09]; [H3-3.1-11].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên riêng, diện tích rộng 21144 m² đạt trung bình 12,56m²/ HS có hệ thống cổng, biển trường, tường rào đầy đủ, an toàn, khung cảnh sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn và có nhiều cây xanh. Hệ thống đường đi từ cổng trường đến lớp học, từ lớp học đến khu nhà ăn có mái vòm che mưa nắng và luôn sạch đẹp. Nhà trường có sân chơi, sân tập được lát gạch bằng phẳng đảm bảo an toàn và vệ sinh; nhà đa năng được vệ sinh sạch sẽ và sử dụng thường xuyên; khu vui chơi, khu vườn thực nghiệm, khu đồi cây luôn sạch đẹp tạo cảm giác thân thiện.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đã được UBND, HĐND quận phê duyệt xây dựng một đơn nguyên mới nhằm đáp ứng việc thực hiện CTGDPT 2018 và yêu cầu ngày một phát triển của nhà trường tuy nhiên do đang trong giai đoạn làm thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất giữa Ban quản lý dự án khu đô thị Nam Cường với UBND quận nên dự

án chưa được thực hiện trong năm 2021. Đến thời điểm hiện tại (31/8/2021), nhà trường đã xây mới thêm 4 phòng để phục vụ trong NH 2021- 2022 và tiếp tục duy trì vệ sinh, tạo cảnh quan trường lớp hàng ngày hiện đại và sạch đẹp; thường xuyên chăm sóc hệ thống cây xanh hiện có để tạo bóng mát và có môi trường vui chơi, học tập, rèn luyện đảm bảo an toàn và vệ sinh cho HS. Nhà trường tận dụng mọi nguồn ngân sách được cho phép để sửa chữa và bảo dưỡng các hạng mục bị xuống cấp.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Đề nghị để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Năm 2022 và các năm học tiếp theo.	CBQL	Tham mưu UBND quận Hoàn thành các thủ tục pháp lý (nếu có)
Đầu tư, bổ sung các đồ chơi, thiết bị vận động.	Từ năm 2022 và các năm tiếp theo	HT, GV, NV	CBQL xem xét và duyệt đề xuất..Kinh phí trong nguồn ngân sách
Đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn Thường xuyên kiểm tra hệ thống cây	Thực hiện mọi lúc, mọi nơi	Toàn bộ CB, GV, NV, lao công, bảo vệ	Nâng cao ý thức giữ vệ sinh chung; tiếp tục duy trì vệ sinh , chăm sóc hệ thống cây xanh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- Bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho HS; có bàn ghế phù hợp cho HS khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định;
- Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 34 lớp được bố trí sắp xếp ở 34 phòng học từ tầng 1 đến tầng 3 tại tòa nhà A, B và tòa nhà C. Đối với lớp 1 được bố trí học toàn bộ tại các phòng ở tầng 1, lớp 2 bố trí học ở tầng 2, lớp 3, 4, 5 được bố trí học ở các phòng học thuộc tầng 2 và tầng 3. Phòng học đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng. Quy cách các phòng học đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 điều 10 chương III Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh. Phòng học được thiết kế 2 cửa ra vào, một cửa bố trí ở đầu lớp, một cửa bố trí ở cuối lớp. Cửa đi được thiết kế hai cánh có chiều rộng không nhỏ hơn 1,0 m và mở ra phía hành lang [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Phòng học được trang bị đầy đủ bàn (loại dùng cho học bán trú), ghế HS theo đúng quy cách và đủ chỗ ngồi, đảm bảo kích thước phù hợp với độ tuổi của HS theo đúng quy định tại Thông tư 26/2011/TTLT- BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế HS trường tiểu học. Mỗi phòng học có từ 25 đến 28 bộ bàn ghế HS loại 2 chỗ ngồi ghế liền bàn, có thành tựa. Chiều cao bàn dành cho HS khuyết tật không lớn hơn 600 mm, chiều cao ghế không lớn hơn 350 mm. Mỗi phòng học đều được trang bị bảng chống lóa có kích thước 1,2m x 3,6m. Bảng lớp sơn màu xanh, có kẻ ô li, được treo trước lớp (mép dưới bảng cách bục giảng 0,8m) đảm bảo quy định tại mục 5.2.6 TCVN 8793:2011; 01 bàn, 01 ghế tựa cho GV. Việc bố trí bàn ghế trong phòng học đảm bảo phù hợp với TCVN 7491. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Tất cả các phòng học đều có hệ thống đèn chống cận, hệ thống quạt, tivi, điều hòa, hệ thống tủ đựng đồ dùng cho HS, tủ đựng hồ sơ, đồ dùng - thiết bị dạy học của GV. Ngoài các đồ dùng được trang bị như trên, mỗi phòng học còn được trang bị thêm bảng ni xanh, ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu, tủ đựng cốc nước, cốc uống nước, cây nước nóng lạnh, máy tính để bàn, máy projector và màn chiếu, máy trợ giảng, loa vi tính, màn hình rèm che nắng, tủ thuốc, đồng hồ. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-05].

Mức 2:

Mỗi phòng học có diện tích từ 55m² đến 81m² đảm bảo đúng theo quy định tại mục 1.1 phụ lục 2 định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công

trình trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT [H3-3.2-02]; [H3-3.2-05].

Các lớp đều được trang bị 01 tủ đựng hồ sơ, đồ dùng - thiết bị dạy học; 02 tủ đựng đồ dùng phục vụ công tác bán trú, 01 tủ thuốc y tế, 01 tủ đựng cốc nước và đều đảm bảo an toàn, vệ sinh khi sử dụng. Thiết bị dạy học được trang bị cho các lớp học được thực hiện theo đúng Thông tư 15/2002/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học (đối với các lớp 2, 3, 4, 5) và theo Thông tư 05/2019 ngày 05/04/2019 về việc danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1. Ngoài các thiết bị trên, mỗi phòng học còn được trang bị ti vi hoặc máy chiếu, máy trợ giảng được lắp đặt phù hợp với hoạt động dạy và học của các lớp [H3-3.2-06].

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT về tiêu chuẩn bàn ghế HS trường tiểu học. Bàn ghế được thiết kế tối đa không quá hai chỗ ngồi liền ghế, có chỗ để đồ dùng học tập phù hợp với cấu trúc thiết kế, ghế có tựa sau phù hợp với lứa tuổi HS, các góc, cạnh của bàn ghế nhẵn, đảm bảo thẩm mỹ, an toàn. Mặt bàn, mặt ghế được làm bằng gỗ; chân bàn, chân ghế HS làm bằng sắt chịu lực, được sơn tĩnh điện chịu được nước, không cong vênh, không độc hại đảm bảo quy định về chất lượng, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc và kích thước phù hợp với từng độ tuổi HS [H3-3.2-07]. Còn một số bộ bàn ghế do sử dụng lâu ngày nên mặt bàn bị bong các góc, ốc lỏng, bị mất ốc gắn các bộ phận của bàn ghế.

Mức 3:

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học, ngoại ngữ, tin học, nhà đa năng. Các phòng đều được trang bị đủ bàn, ghế, bảng tử, hệ thống âm thanh, loa, mic, loa thông báo. Phòng học âm nhạc có diện tích 71 m², được trang bị 22 đàn ooc - gan và được trang trí theo đặc thù của bộ môn. Phòng mỹ thuật có thêm giá vẽ, bục vẽ mẫu, chân dung một số họa sĩ và một số dụng cụ dành cho bộ môn mỹ thuật. Phòng khoa học – công nghệ có diện tích 71 m², được trang bị một số bàn ghế, máy chiếu, tranh ảnh. Hiện nay phòng khoa học – công nghệ đang tiếp tục được trang bị để tổ chức dạy STEAM cho học sinh. Phòng ngoại ngữ có diện tích 81 m² và được trang bị các dụng cụ thiết bị dành cho môn ngoại ngữ. Phòng tin học có diện tích 71 m², được trang bị 56 máy tính để bàn, hệ thống máy tính đã được kết nối mạng internet và mạng nội bộ. Nhà trường bố trí phòng tin học ở tầng 3 nhà E có sàn gỗ khô ráo, được trang bị một số thiết bị như các phòng học: bàn ghế, máy chiếu, điều hòa và các dụng cụ dành cho bộ môn tin học. [H3-3.1-06].

2. Điểm mạnh:

Các phòng học có đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập theo đúng quy định. Các phòng học đều được trang bị máy chiếu, máy soi vật thể, loa, máy tính, điều hòa, để phục vụ giảng dạy và học tập. Nhà trường đảm bảo học sinh đến lớp có đủ chỗ ngồi, bàn ghế đồng bộ phù hợp với kích thước HS. Mỗi lớp đều có bảng chống lóa, vị trí treo bảng đảm bảo thuận lợi cho tất cả học sinh trong lớp. Cuối lớp học có bảng ni để phục vụ việc trưng bày sản phẩm học tập của HS và trang trí lớp học. Nhà trường có đủ các khối phòng học tập theo quy định.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có phòng tin học và ngoại ngữ nhưng chưa đủ về số lượng. Còn một số bàn ghế HS do sử dụng lâu năm nên hình thức không đẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường đã được phê duyệt xây mới một khu hiệu bộ và đầu tư các trang thiết bị trong từng phòng cho phù hợp với chức năng sử dụng. Hằng năm, nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bàn ghế đã hỏng như: sửa khóa, thay mặt bàn, mặt ghế, bắt vít những chỗ long, hỏng... Sử dụng nguồn ngân sách để mua bổ sung tủ đựng đồ dùng hoặc bàn ghế cho học sinh.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Thanh lý bàn ghế, tủ, đèn, quạt cũ c không dùng được.	Tháng 6, 7, 8 năm 2022	GV, VN bảo vệ, lao công đề xuất với CBQL	Hiệu trưởng xem xét và duyệt đề xuất.
Bổ sung thêm bộ bàn ghế HS cho đồng bộ toàn trường.	NH 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	GVCN các lớp đề xuất với CBQL	HT xem xét và duyệt Kinh phí trong nguồn ngân sách
Bổ sung đồ dùng và trang thiết bị các phòng học mới.	Tháng 8, 9/2021	Hiệu trưởng và bộ phận phụ trách CSVC	Kinh phí trích từ nguồn ngân sách nhà nước

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 3.3: Khôi phục vụ học tập và khôi phục hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khôi phục hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khôi phục vụ học tập và khôi phục hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khôi phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có một số phòng hỗ trợ cho việc học tập và rèn luyện cho HS: phòng âm nhạc, phòng mỹ thuật, nhà đa năng, phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đội. Ngoài ra còn có phòng thư viện, phòng phát thanh, phòng tư vấn học đường (tích hợp với phòng Đội). Các phòng đều được trang bị đủ bàn, ghế, bảng tử, hệ thống âm thanh, loa, mic, loa thông báo. Phòng học âm nhạc có được trang bị 22 đàn ooc - gan và được trang trí theo đặc thù của bộ môn. Phòng tin học được trang bị 56 máy tính để bàn và các dụng cụ dành cho bộ môn tin học. Phòng mỹ thuật có thêm giá vẽ, bục vẽ mẫu, chân dung một số họa sĩ và một số dụng cụ dành cho bộ môn mỹ thuật. Phòng ngoại ngữ có diện tích 71 m² và được trang bị các dụng cụ thiết bị dành cho môn ngoại ngữ.. Nhà đa năng có diện tích 500m² được trang bị đảm bảo đúng theo quy định tại mục 5.3.3 TCVN 8793: 2011 (quy định diện tích tối thiểu là 1680 HS x 0,6 m²/HSx 30% = 302,4 m²). Nhà đa năng có thiết kế sân khấu với diện tích 32 m², kho có diện tích 12 m², được trang bị một số thiết bị phụ trợ như bàn bóng bàn, cột bóng rổ, sân cầu lông và các thiết bị vận động khác. Phòng thiết bị và đồ dùng giảng dạy có diện tích 50 m² được thiết kế với chức năng là kho chứa và là nơi sửa chữa đồ dùng giảng dạy, chuẩn bị cho các bài thực hành. Phòng thiết bị có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường [H3-3.2-06].

Các phòng trên đều đáp ứng được yêu cầu các hoạt động giáo dục của nhà trường. HS được sắp xếp thời khóa biểu đọc sách tại thư viện hoặc bồi dưỡng năng khiếu các môn âm nhạc, mỹ thuật, tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất tại các phòng học bộ môn hoặc tại nhà đa năng. [H3-3.3-01]

Khối phòng hành chính quản trị đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hoạt động hành chính quản trị của nhà trường. Phòng làm việc của hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho yêu cầu quản lý của nhà trường. Phòng có diện tích 35m². Trong phòng được trang bị 01 bộ bàn ghế sofa - pha để tiếp khách, 01 bộ bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ tài liệu, máy tính cá nhân, mạng wi-fi và các máy móc thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Phòng làm việc của PHT được bố trí ở gần phòng làm việc của HT và được đặt ở vị trí thuận tiện. Phòng làm việc của PHT có diện tích 55 m². Phòng được trang bị bàn ghế làm việc, máy tính bàn, máy in, loa, tủ đựng tài liệu, máy phô tô, 01 bộ bàn ghế gỗ tiếp khách, mạng internet và các máy móc thiết bị văn phòng khác theo quy định. Văn phòng được thiết kế với diện tích 18 m². Văn phòng có đầy đủ các máy móc thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành như: máy tính, máy in, máy phô tô, mạng internet, bàn ghế làm việc, tủ cá nhân, tủ đựng hồ sơ tài liệu. Phòng hội đồng giáo viên có diện tích 80m² đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.4.5 TCVN 8793: 2011 (quy định diện tích tối thiểu là 1,2 m² x 54 GV = 64,8m²). Phòng hội đồng được trang bị tượng Bác, bục nói chuyện, phong rèm, khẩu hiệu, cờ, đồng hồ treo tường, bàn ghế hội họp, 01 bộ máy chiếu projector, bộ dàn loa âm thanh, tủ đựng tài liệu và các biểu bảng dùng để thông báo và niêm yết công khai. Phòng y tế có diện tích 25m² được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc chăm sóc sức khỏe HS và GV Trong phòng được trang bị: bàn ghế làm việc cho nhân viên y tế, máy tính, máy in có kết nối mạng internet, tủ đựng tài liệu, tủ thuốc được trang bị các loại thuốc và thiết bị y tế thiết yếu, có đủ các dụng cụ sơ cứu, các tranh tuyên truyền về công tác y tế, sơ cứu tai nạn ban đầu, giường bệnh, ga, gối, chăn: 03 bộ, cân sức khỏe, cây nước nóng, cốc truyền, bảng đo thị lực, điều hòa ... Nhà trường có 02 phòng thường trực. Phòng thường trực được đặt ở vị trí quan sát thuận tiện. Tổng diện tích 02 phòng thường trực là 66m². Phòng thường trực được trang bị: bàn ghế làm việc, giường, hệ thống tủ kỹ thuật quản lý mạng, camera an ninh, màn hình ti vi, nhà vệ sinh. Kho đựng dụng cụ chung, học phẩm: có 05 kho, mỗi kho có diện tích từ 12→18m², được bố trí tại gầm các cầu thang. Trường có 01 phòng nghỉ dành cho GV với diện tích là 25m² [H1-1.6-09]; [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

Trường có khu để xe của GV rộng 150 m² được bố trí đảm bảo gọn gàng, hợp lý, có tường bao quanh và hàng rào sắt che chắn để đảm bảo an ninh, an toàn chung. Khu vực để xe của học sinh được bố trí riêng, gần cổng trường, thuận tiện để lấy, để cất [H3-3.3-02]; [H3-3.3-04].; [H3-3.3-05].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập có đầy đủ đúng theo Điều 10, điều 11 Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT về tiêu chuẩn vật chất kỹ thuật các trường tiểu học gồm: 34 phòng học, phòng bộ môn âm nhạc, phòng bộ môn mỹ thuật, phòng khoa học – công nghệ, phòng tin học, phòng bộ môn ngoại ngữ, phòng thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống, phòng Đội và các đoàn thể, phòng giáo viên. Khối phòng hành chính quản trị có đầy đủ theo điều 10, điều 11 Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT về tiêu chuẩn vật chất kỹ thuật các trường tiểu học gồm các phòng : 01 phòng HT 01 phòng PHT, 01 phòng hội đồng, 01 phòng văn thư, 01 phòng y tế học đường, 06 phòng kho và 02 phòng thường trực bảo vệ, phòng của các tổ chức đoàn thể được tích hợp cùng phòng Đoàn Đội [H3-3.2-06]. Nhà trường có khu nhà ăn phục vụ cho HS, GV, NV. Khu bếp nấu và nhà ăn có tổng diện tích 1350m². Bếp nấu ăn của nhà trường độc lập với khối phòng học và khối phòng phục vụ học tập. Khu nhà bếp có 03 tủ nấu cơm công nghiệp, 03 bếp nấu đôi, 02 tủ máy sấy khay bát, hệ thống hút mùi 02 chiếc, tủ lạnh 01 chiếc, tủ cấp đông 01 chiếc, bàn sơ chế 05 chiếc, giá inox để đồ, khay ăn, bát, thìa, xe đẩy thức ăn; camera 02 chiếc, thang máy đưa thức ăn. Trường có 3 nhà ăn với tổng diện tích 600m². Nhà ăn số 1 dành cho HS lớp 1, nhà ăn số 2 dành cho học sinh lớp 2, 4, 5 và nhà ăn số 3 dành cho học sinh lớp 3. Với cơ sở vật chất hiện có, các nhà ăn đảm bảo đủ cho học sinh toàn trường đồng loạt ăn cùng một lúc. Các phòng ăn đều được trang bị bàn ghế I inox, hệ thống điều hòa, quạt, điện ,....đảm bảo mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Khu sơ chế và khu chế biến thực phẩm đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn... Nhà bếp có 02 phòng được dùng làm nhà kho. Hai kho được chia phân biệt: kho lương thực và kho thực phẩm. Thực phẩm chỉ được sử dụng trong ngày và không được lưu kho. Diện tích mỗi nhà kho là 12m². Nhà trường đã hợp đồng với công ty Hoa Sữa để nấu ăn cho HS tại trường đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho CB, GV, NV, HS. Bếp ăn bán trú một chiều hoạt động theo quy chuẩn và đã được cấp giấy chứng nhận hợp vệ sinh của Trung tâm y tế quận. HS bán trú được ăn tại phòng riêng sau đó về ngủ nghỉ tại lớp. Khu bếp đã đảm bảo quy định tại mục 5.7 TCVN 8793: 2011 và điều 11 Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 tại TT số 13/2020/TT-BGD ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT về quy định

tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường tiểu học [H3-3.3-06]. Tuy khối phòng phục vụ học tập có đủ số phòng theo quy định nhưng số lượng phòng ngoại ngữ và phòng tin học đều còn thiếu 01 phòng so với quy định tại điều 11 Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 tại TT số 13/2020/TT-BGD của Bộ GDĐT về quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường tiểu học.

Hồ sơ, tài liệu của nhà trường được lưu trữ tại phòng văn phòng. Nhà trường có tủ để lưu trữ hồ sơ công tác Đảng, tủ lưu trữ hồ sơ công đoàn, tủ lưu trữ hồ sơ chi đoàn và công tác Đội, tủ lưu trữ hồ sơ tài chính, tủ lưu trữ hồ sơ chuyên môn, tủ lưu trữ học bạ, tủ lưu trữ hồ sơ CBQL, GV, NV, người lao động, tủ lưu trữ toàn bộ hồ sơ tài liệu về công tác quản lý, văn thư. tủ lưu trữ hồ sơ công tác y tế trường học và bán trú. Hồ sơ của GV được lưu trữ tại tủ lớp. Trong năm học, hồ sơ được các bộ phận lưu trữ và quản lý. Cuối năm học, nhân viên văn thư tập hợp hồ sơ và lưu trữ tại tủ hồ sơ của nhà trường. Hồ sơ được lưu trữ khoa học, dễ tìm và dễ lấy.[H3-3.3-07].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị có đủ thiết bị, đồ dùng như máy tính, máy chiếu, máy in, loa, máy phông, tủ lạnh, điều hòa, bàn ghế tiếp khách, mạng internet,... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Khu nhà bếp được trang bị các đồ dùng thiết bị hiện đại, vệ sinh, đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất và an toàn vệ sinh thực phẩm. Học sinh tham gia bán trú đảm bảo được sắp xếp đủ điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức ăn, ngủ ngay tại phòng lớp học. [H3-3.2-06]; [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Hệ thống khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp gọn gàng, khoa học và hỗ trợ hiệu quả phục vụ cho các hoạt động nhà trường. Khu bếp ăn, nhà ăn riêng biệt với khu ngủ, nghỉ và học tập của HS. Khu nhà ăn sạch sẽ, rộng rãi đảm bảo sức khỏe cho HS.

3. Điểm yếu

Còn thiếu 01 phòng in học, 01 phòng ngoại ngữ theo quy định tại TT 13/2020/TT BGDĐT về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường Tiểu học của Bộ GDĐT; phòng khoa học – công nghệ chưa có nhiều thiết bị phục vụ dạy và học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục hoàn thiện, tăng tính hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng. Nhà trường phối hợp cùng các đơn vị tham gia nâng cấp, đầu tư thêm cho các khối phòng để đảm bảo các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả. Nhà trường đã có dự án được cấp trên phê duyệt để xây mới khối phòng học, khối phòng phục vụ học tập của học sinh

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Đầu tư, bổ sung, bảo dưỡng CSVC, thiết bị đồ dùng ở các khối phòng.	Định kì trong các năm	Nhân viên phụ trách các phòng ban đề xuất với HT	HT xem xét và duyệt đề xuất. Kinh phí trong nguồn ngân sách
Tích cực tham mưu với UBND phường, UBND quận để hoàn thiện thủ tục pháp lý để xây dựng khu nhà mới, bổ sung thêm phòng tin học, phòng ngoại ngữ	Năm 2022	Hiệu trưởng và bộ phận phụ trách cơ sở vật chất	Hiệu trưởng xem xét và đề xuất. Kinh phí trong nguồn dự án của nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, CB, GV, NV và HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu. Nhà vệ sinh của GV gồm 02 khu (01 ở

tầng 1 và 01 ở tầng 2), mỗi khu có 02 nhà vệ sinh (01 nhà vệ sinh nam và 01 nhà vệ sinh nữ), mỗi nhà vệ sinh có 03 phòng toilet và 02 bồn rửa tay. Nhà vệ sinh của HS có 6 khu được bố trí tại các tầng của tòa nhà. Mỗi khu vệ sinh của HS đều 02 nhà vệ sinh (01 dành cho nam và 01 dành cho nữ), mỗi nhà vệ sinh đều có 4 phòng toilet và 03 bồn rửa tay. Ngoài ra tại khu vực nhà đa năng, thư viện, nhà ăn đều có các khu vệ sinh. Mỗi khu đều có 02 nhà vệ sinh, mỗi nhà đều có từ 3 đến 4 nhà vệ sinh riêng biệt. Các phòng vệ sinh đều có biển chỉ dẫn phân biệt nam, nữ, có nội quy sử dụng, có bồn rửa tay, có nhân viên lao công cọ rửa vào đầu giờ, sau khi vào lớp và khi tan trường. Khu vệ sinh của GV, HS đảm bảo sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường, thuận lợi khi sử dụng. Do nhà trường không có HS khuyết tật vận động, khuyết tật về mắt nên không có nhà vệ sinh cho HS khuyết tật. Hàng năm, nhà trường đều bố trí, khai thông cống rãnh và nhà vệ sinh nên không có hiện tượng tắc bồn cầu.. [H3-3.4-01].

Nhà trường được cung cấp nguồn nước sạch của hệ thống cấp nước sinh hoạt của Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Đông. Nhà trường có bể chứa nước ngầm với dung tích chứa 150m³ nước. Hàng năm nhà trường đều thau rửa, vệ sinh định kì. Hệ thống cấp nước đảm bảo các quy định trong tiêu chuẩn TCVN 4513:1998 và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước ăn uống theo quy định của Bộ Y tế. Mạng lưới phân phối của đường ống cấp nước trong nhà trường được đặt ngầm trong tường hoặc trong hộp kỹ thuật. Các van đặt trong rãnh ngầm hoặc hộp kỹ thuật có cửa kiểm tra để thuận tiện cho việc quản lý và sửa chữa. Nước uống của HS, GV là nước tinh khiết đóng chai HADOWA do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nước sạch Hà Đông cung cấp. Nguồn nước sinh hoạt và nước uống đảm bảo chất lượng và được xét nghiệm 6 tháng/lần. Trong trường có hệ thống cung cấp nước đảm bảo vệ sinh an toàn, cung cấp đủ nước cho nhu cầu sử dụng của nhà trường [H3-3.1-10]; [H3-3.4-02]. Tại các khu vực nhà vệ sinh ngoài các bồn rửa tay bằng sứ trong nhà vệ sinh thì ngoài hàng lang, dọc các các đường đi đều có lắp đặt hệ thống máng nước rửa tay, mỗi máng có từ 8 đến 10 vòi nước. Tổng số có 12 máng nước với 80 vòi nước đảm bảo nhu cầu sử dụng của HS. Tại các máng nước đều có các hình ảnh tuyên truyền về quy trình rửa tay và vệ sinh học đường. Nhà trường có hệ thống thoát nước mưa, nước thải kết hợp rãnh thoát nước đều có nắp đậy. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 6772: 2000 trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực. Hệ thống thoát nước hoạt động hiệu quả.[H3-3.4-03].

Nhà trường đã kí hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Hà Nội về

việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác kịp thời để đảm bảo vệ sinh trường học; bố trí thùng rác có nắp đậy với nhiều kích cỡ phù hợp với HS ở các vị trí thuận lợi. Dọc hành lang các tòa nhà, xung quanh sân trường, khu vực bồn hoa, vườn cây, khu vui chơi đều bố trí đặt các thùng rác để thu gom rác thải. Tổng số thùng rác có nắp đậy hiện có là 70 cái. Mỗi phòng học, phòng làm việc đều bố trí 1 thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời. Khu thu gom rác thải bố trí độc lập, cách biệt với các khu vực khác, ở cuối hướng gió, có lối ra vào riêng, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác. Hằng ngày, nhân viên lao công tiến hành thu dọn và đem đến vị trí tập kết vào buổi trưa và cuối giờ chiều để đảm bảo theo đúng quy định về an toàn vệ sinh môi trường. Các chất thải khác được xử lý theo đúng quy trình do nhà cung cấp quy định [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

Mức 2:

Trường có khu vệ sinh riêng dành cho GV và HS, có phòng nam, nữ riêng đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và đúng theo quy định tại mục 5.6.2 TCVN-8703-2011. Khu vệ sinh HS được bố trí gần cuối các hành lang khu lớp học. Tất cả các nhà vệ sinh đều có phòng đệm, được thiết kế với tiêu chuẩn diện tích tối thiểu là 0,06m²/ HS và lối vào khu vệ sinh không đối diện trực tiếp với lối vào các phòng học, phòng bộ môn. Khu vệ sinh của nhà trường được đưa vào sử dụng từ cuối năm 2017 và thường xuyên được nhà trường tu bổ, bảo trì. Các thiết bị trong mỗi nhà vệ sinh đều có chất lượng cao và hiện đại. Mỗi nhà vệ sinh đều được trang bị hệ thống cây xanh, tranh vẽ các biển chỉ dẫn. Khu vệ sinh luôn được tẩy trùng, vệ sinh sạch sẽ, có đủ 6 bước rửa tay thường quy, nội quy sử dụng tiết kiệm nước và giấy vệ sinh, nước rửa tay [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng đúng theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ GDĐT và Bộ Y tế. Nhà trường có hệ thống cung cấp nguồn nước sinh hoạt, nước uống của Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Đông. Nguồn nước sinh hoạt và nước uống đảm bảo chất lượng theo mục 1 điều 5 Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT và được xét nghiệm 6 tháng/lần. Hệ thống cung cấp nước đảm bảo vệ sinh an toàn, cung cấp đủ nước cho nhu cầu sử dụng của nhà trường [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước thải đảm bảo yêu cầu. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu nhà bếp, khu nhà vệ sinh. Tuy vậy những lúc mưa to dồn dập có một số vị trí trên sân trường còn bị đọng nước do mặt sân không có sự sụt lún đều. Việc thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định theo điều 5 Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ GDĐT và Bộ Y tế. Rác thải được thu gom vào các nắp đậy đặt phía ngoài hành lang các lớp học, trên sân trường và hành lang khu hành chính quản trị;

không thu gom lẫn rác thải, chất thải phòng y tế chung với hệ thống thu gom rác thải, chất thải sinh hoạt của trường. Nhà trường ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Hà Nội để rác được thu gom và chuyển đi hàng ngày không để rác thải, tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các công trình vệ sinh dành cho GV, GDĐT, khu vực vệ sinh nam và nữ riêng biệt, có hệ thống nước sạch phục vụ GV, GDĐT. Khu vệ sinh được trang bị đầy đủ, có hệ thống cây xanh, tranh ảnh, giấy vệ sinh, nước sát khuẩn, xà phòng và chỉ dẫn, nhắc nhở khi đi vệ sinh. Nhà vệ sinh được tổng vệ sinh hàng ngày, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Hệ thống thoát nước và thu gom rác thải đầy đủ, hợp vệ sinh đảm bảo yêu cầu quy định của Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

3. Điểm yếu

Mặt sân sứt lún không đều nên một vài chỗ trên mặt sân nước không rút sạch sau khi mưa to.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường NV lao công thường xuyên túc trực các khu nhà vệ sinh để đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, khô ráo, không có mùi. Tổ chức nhiều hoạt động phong phú nhằm tuyên truyền, giáo dục học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp.

Nhà trường huy động các nguồn lực để có đủ kinh phí bảo dưỡng, duy trì các khu vệ sinh luôn an toàn, sạch sẽ và đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khi ở trường. Thường xuyên bảo dưỡng, làm bằng phẳng mặt sân trường để đảm bảo an toàn mọi mặt cho HS, GV.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Bảo dưỡng khu vệ sinh, điều hòa và sân trường	NH 2021-2022 và các năm học tiếp theo.	Bảo vệ, lao công, GVCN đề xuất với HT.	HT xem xét và duyệt đề xuất. Kinh phí trong nguồn ngân sách
Mua bổ sung dụng cụ dọn vệ sinh cho lao công	Hàng năm.	NV bảo vệ, lao công đề xuất với HT	HT xem xét và duyệt. Kinh phí trong nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động, bao gồm: các loại máy văn phòng gồm 98 máy tính để bàn, 05 máy tính xách tay, 50 máy in, máy phô tô; có máy chiếu, màn chiếu 37 chiếc; máy soi vật thể 30 chiếc, máy chiếu siêu gần 01 chiếc, bảng tương tác 01 chiếc, bộ âm ly loa đài: 04 bộ; ti vi: 06 chiếc; đài đĩa catset 02 chiếc, đàn ooc - gan: 22 chiếc. Ngoài các thiết bị đã nêu, nhà trường còn các thiết bị khác như bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, các đồ dùng và dụng cụ văn phòng phẩm khác. Tất cả các thiết bị đáp ứng tốt các hoạt động của nhà trường. [H3-3.2-06]; [H3-3.5-01].

Trường có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu, đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT quy định về danh mục thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đối với lớp 1. Trường có phòng chứa thiết bị đồ dùng dạy học cho các môn theo đúng quy định của Bộ GDĐT. Ngay từ đầu năm học, thiết bị dạy học được phát tới toàn bộ GV. Thiết bị được sắp đặt gọn gàng, ngăn nắp, khoa học ngay tại lớp và các phòng học bộ môn giúp giáo viên tiện sử dụng trong các giờ học. Các thiết bị khối lớp dùng riêng cho từng lớp được giao về các phòng học để quản lý và sử dụng. Nhà trường có đủ thiết bị đảm bảo yêu cầu tối thiểu cho HS tham gia học tập các môn năng khiếu. Thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên trong các tiết dạy. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các tổ đã có sự thống nhất về việc sử dụng thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục [H1-1.4-04]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Cuối năm tài chính và cuối NH các thiết bị đều được nhà trường rà soát, kiểm kê. Thiết bị nào hư hỏng, cần bảo dưỡng, sửa chữa thì nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, mua bổ sung kịp thời. Hằng năm, nhà trường đều tiến hành mua bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm phục vụ tốt nhu cầu dạy - học cho GV và HS toàn trường. [H1-1.4-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.5-04].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của trường đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng với yêu cầu của nhà trường. Toàn thể CB, GV, NV ứng dụng CNTT tra cứu tìm kiếm thông tin phục vụ vào việc soạn giảng bài giảng điện tử, cập nhật thông tin nhân sự, tài chính, HS trên phần mềm quản lý giáo dục điện tử của Sở GDĐT, cơ sở dữ liệu của ngành, và các loại thống kê, báo cáo trực tuyến [H3-3.5-05].

Trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT đối với lớp 2, 3, 4, 5 và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT quy định về danh mục thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đối với lớp 1 của Bộ GDĐT. Mỗi GV có một bộ thiết bị dạy học được phát ngay từ đầu năm học. Nhà trường luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị cần thiết cho việc duy trì hoạt động dạy và học cũng như để đảm bảo thực hiện đề án phát triển chiến lược của nhà trường giai đoạn 2017 – 2022 và thực hiện CTGDPT 2018 [H1-1.4-05].

Hằng năm, nhà trường đều bổ sung thêm thiết bị dạy học và thiết bị tự làm của GV và HS; tổ chức thi thiết kế bài giảng e-learning cấp trường và lựa chọn sản phẩm dự thi cấp quận, cấp thành phố. Nhà trường đã xây dựng được kho học liệu điện tử gồm giáo án, tài liệu giảng dạy, thiết kế bài giảng elearning... Các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên do việc sử dụng giáo án điện tử và kho học liệu điện tử nên đồ dùng thiết bị tự làm không nhiều [H3-3.5-04].

Mức 3

Hằng tháng, các tổ chuyên môn, lãnh đạo nhà trường có kiểm tra đánh giá việc sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm của mỗi GV trong tổ, thông qua các tiết dự giờ báo trước và đột xuất. Việc sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm của GV trong các giờ lên lớp được thực hiện nghiêm túc và là một trong các tiêu chí để đánh giá tiết dạy. 100% số GV sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, máy soi vật thể, ti vi có kết nối wi-fi và ĐDDH. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các tổ đã có sự thống nhất về việc sử dụng ĐDDH cần có [H3-3.5-06]. Tuy nhiên, còn một số ít GV lớn tuổi sử dụng các trang thiết bị hiện đại còn hạn chế như bảng

tương tác, máy chiếu vật thể hay các thao tác kết nối các thiết bị. Số lượng ĐDDH tự làm chưa nhiều vì GV chủ yếu sử dụng giáo án điện tử và sưu tầm tranh ảnh, tài liệu qua mạng internet. Trường luôn khuyến khích, động viên GV sử dụng các phần mềm dạy học, thiết bị điện tử phục vụ việc dạy và học. Phong trào tự làm ĐDDH phục vụ các giờ dạy học trên lớp còn hạn chế. Những năm gần đây nhà trường chưa tổ chức thi làm ĐDDH do GV sử dụng giáo án điện tử và công nghệ hỗ trợ tạo hứng thú cho HS [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ các thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ giảng dạy. Có hệ thống sổ sách theo dõi việc mượn, trả đồ dùng. GV sử dụng hiệu quả ĐDDH được cấp phát và tự làm ĐDDH trong mỗi giờ dạy khi cần. Trường đã thực hiện tu bổ, nâng cấp, sửa chữa và mua mới các thiết bị, ĐDDH đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục. Hàng năm, nhà trường tổ chức thi thiết kế giáo án điện tử; thi thiết kế bài giảng e-learning cấp trường và lựa chọn sản phẩm dự thi cấp quận, cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Một số GV còn hạn chế trong việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học hiện đại. Việc tự làm ĐDDH của giáo viên còn ít, chất lượng một số ĐDDH tự làm còn hạn chế. Những năm gần đây nhà trường chưa tổ chức thi làm ĐDDH học do GV sử dụng giáo án điện tử và công nghệ hỗ trợ tạo hứng thú cho HS

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đảm bảo các thiết bị dạy học tối thiểu; tăng cường việc sử dụng các thiết bị trong các giờ lên lớp của GV; tăng cường rà soát, sửa chữa, nâng cấp và bổ sung các thiết bị dạy học.

Lãnh đạo nhà trường tăng cường dự giờ để kiểm tra việc sử dụng ĐDDH dạy học trên lớp của GV trong từng tiết dạy; tổ chức tập huấn cách sử dụng thiết bị dạy học hiện đại cho GV trong các năm học tiếp theo.

Có kế hoạch tổ chức thi ĐDDH tự làm cho GV và HS

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Thanh lí các thiết bị lạc hậu không sử dụng.	Cuối năm 2021	NV thiết bị đề xuất với HT	Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.
Bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu cho GV.	Đầu các năm học.	GV, NV thiết bị đề xuất.	Kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước
Mua thêm máy tính xách tay, máy chiếu đa vật thể cho giáo viên.	Đầu năm học 2021 - 2022	GV, NV thiết bị đề xuất với hiệu trưởng.	HT xem xét và phê duyệt, kinh phí trong nguồn ngân sách

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Thi đồ dùng dạy học	Từ năm học 2021 - 2022	Tổ chuyên môn đề xuất	HT xem xét, phê duyệt. Kinh phí từ nguồn ngân sách.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh, ảnh bản đồ giáo dục, băng đĩa giáo khoa, các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ hoạt động dạy học. các loại sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học và các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên theo từng chu kỳ cùng các loại báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đáp ứng nhu cầu cần thiết cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh. 100% GV có đầy đủ sách giáo khoa, sách nghiệp vụ và sách tham khảo để phục vụ tốt công tác giảng dạy Hiện nay thư viện nhà trường có: 1213 quyển sách giáo

khoa; 299 sách nghiệp vụ; 8571 sách tham khảo và 796 báo và tạp chí Thư viện có đầy đủ các loại tủ và giá sách để đựng sách. Phòng đọc sách được bố trí gọn gàng sạch sẽ. Các loại sách, báo được phân loại và sắp xếp cẩn thận lên giá theo đúng loại sách được cập nhật ở sổ đăng kí cá biệt [H3-3.6-01]. Ngoài sách giáo khoa, HS còn có thể đọc nhiều cuốn sách tham khảo trong thư viện để nâng cao kiến thức cho bản thân. Tủ sách thư viện có các bảng màu để phân biệt các loại sách: bảng màu trắng là các loại sách về giáo dục đạo đức; bảng màu vàng là các loại truyện cổ tích; bảng màu tím là truyện về các danh nhân trên thế giới; bảng màu cam gồm các loại sách về khám phá thế giới tự nhiên; bảng màu xanh lá cây là Truyện lịch sử; bảng màu xanh da trời bao gồm các truyện dài, truyện vừa và truyện ngắn; bảng màu đỏ là truyện tranh thiếu nhi. Ngoài việc phân loại bằng các bảng màu thì thư viện trường Tiểu học Lê Quý Đôn còn có: tủ sách về Bác Hồ, tủ báo, tạp chí và tủ sách giáo khoa, sách dành cho GV và các loại sách tham khảo. [H3-3.6-02].

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy học của CBQL, GV, NV cũng như học tập của HS. Thư viện có khu vực đọc sách dành cho GV. Hằng ngày, các GV đọc sách ở thư viện vào các tiết không có giờ dạy trên lớp, trong giờ ra chơi hoặc cuối mỗi buổi học. Nhân viên thư viện hướng dẫn HS đọc sách theo thời khóa biểu và các em còn có thể đọc sách sau khi ra chơi, lúc tan học. Nhân viên thư viện có sổ theo dõi mượn trả đầy đủ và cập nhật kịp thời [H3-3.6-03]. Nhân viên thư viện phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với tổ chức đoàn đội và GVCN làm tốt công tác giới thiệu sách. Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần. [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]. Mỗi lớp có 1 tiết/tuần đọc sách và học tại thư viện. Bên cạnh hoạt động giới thiệu sách để thu hút bạn đọc đến với thư viện, nhân viên thư viện còn tổ chức nhiều hoạt động như: Triển lãm sách, Ngày hội đọc sách, Tuyên truyền sách với nhiều hình thức khác nhau. Thi kể chuyện, nhằm tạo hứng thú đọc, niềm đam mê đọc sách của học sinh Thư viện đã ứng dụng CNTT vào việc quản lý hoạt động [H3-3.6-06].

Hằng năm, thư viện nhà trường tổ chức kiểm kê các loại sách, báo, tạp chí. Nhân viên thư viện cùng tổ văn phòng lên kế hoạch đầu tư kinh phí mua các loại sách, báo, tài liệu phù hợp với nhu cầu của GV, HS. Hằng năm nhà trường đều đầu tư kinh phí mua bổ sung sách báo tạp chí, tài liệu từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và tổ chức hoạt động quyên góp sách nhằm đóng góp sách, báo xây dựng thư viện. Nhân viên thư viện đã làm tốt công tác bảo quản sách, báo, tài liệu; bọc, dán những sách bị bong rách [H3-3.6-07].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đã được công nhận Thư viện đạt chuẩn [H3-3.6-08]. Thư viện được đặt ở vị trí thuận lợi, trang trí đẹp phù hợp với lứa tuổi của học sinh. Phòng đọc GV có đủ máy tính, máy in được nối mạng giúp GV và HS khai thác thông tin phục vụ cho dạy và học. [H3-3.6-09].

Mức 3:

Thư viện nhà trường đã gửi hồ sơ trình lên cấp và được công nhận “Thư viện tiên tiến trong NH 2021-2022. Thư viện có nhiều hoạt động phong phú thu hút được giáo viên và học sinh. Các hoạt động diễn ra thường xuyên và có hiệu quả. Thư viện của trường là thư viện mở cho nên HS không chỉ đọc sách ở phòng thư viện mà còn có thể đọc sách ở trên góc thư viện các lớp [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06]; [H3-3.6-10].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có nhiều loại sách báo phục vụ cho công tác dạy - học và nghiên cứu. Các hoạt động của thư viện ổn định và có nền nếp. Nhân viên thư viện làm công tác kiêm nhiệm nhưng bằng sự phạm chuyên ngành giáo dục tiểu học nên hiểu tâm lí lứa tuổi học sinh khi chọn sách để đọc. Thư viện được trang bị mạng lưới Internet giúp giáo viên có thể cập nhật và tra cứu thông tin nhanh. Nhà trường đã được công nhận “Thư viện đạt chuẩn” và “Thư viện Tiên tiến”

3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên thư viện chuyên trách

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đi tham quan, học tập ở trường có kinh nghiệm để hoạt động thư viện của nhà trường luôn đáp ứng được nhu cầu của GV và HS.

Theo nguyện vọng của GV phụ trách thư viện, nhà trường đã tạo điều kiện để đăng kí theo học lớp quản lý công tác thư viện trường học.

Tham mưu với các cấp lãnh đạo bổ sung thêm đầu sách cho phù hợp và phong phú; xây dựng thư viện mở tạo thêm nhiều không gian đọc sách cho CB -GV - NV và HS trong điều kiện thực tế của trường sau xây dựng.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Bổ sung thêm đầu sách tham khảo cho GV, HS	Năm học 2021 - 2022.	GV, nhân viên thư viện đề xuất với HT	HT xem xét và duyệt đề xuất. Kinh phí trong nguồn ngân sách
Bố trí cho nhân viên thư viện đi học về chuyên môn	Năm 2022	Nhân viên thư viện đề xuất với hiệu	Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

ng nghiệp vụ thư viện		trường.	
Bổ sung thêm các tủ sách tại các lớp cho GV và HS	Trong năm học 2021 – 2022.	GV, NV thư viện đề xuất với HT	HT xem xét và duyệt đề xuất. Kinh phí trong nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư xây dựng, cung cấp các thiết bị hiện đại, đảm bảo mọi điều kiện để giảng dạy và học tập. Trường có diện tích tương đối rộng, riêng biệt, khung cảnh sư phạm đảm bảo yêu cầu về tiếng ồn, ánh sáng, xanh, sạch, đẹp, gọn gàng và thoáng mát. Xung quanh trường có hệ thống tường rào kiên cố vững chắc, biển trường đúng quy định, đảm bảo thẩm mỹ. Trường có đủ các phòng học. Các phòng học được trang trí phù hợp đảm bảo tính sư phạm, có đủ ánh sáng theo tiêu chuẩn chiếu sáng học đường, có đủ bàn ghế theo đúng tiêu chuẩn, có bảng chống lóa, máy tính, máy chiếu. Nhà trường có đủ khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị, có nơi lưu trữ hồ sơ tài liệu. Sân chơi, nhà đa năng đủ rộng, có cây bóng mát đảm bảo HS vui chơi, luyện tập cả trong những ngày thời tiết không thuận lợi, đặc biệt còn có một số sân bóng đạt tiêu chuẩn đã hỗ trợ tích cực cho việc phát triển giáo dục toàn diện và phát triển năng khiếu thể dục thể thao cho HS. Trường có khu nhà ăn riêng biệt, sạch sẽ, thoáng đãng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như đảm bảo cho 100% học sinh được ăn cùng lúc. Trường có đủ khu vệ sinh dành riêng cho GV, HS, nam và nữ. Khu vệ sinh đảm bảo sạch sẽ đúng theo quy định của Bộ Y tế và Bộ GDĐT. Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, nước uống đảm bảo vệ sinh theo đúng tiêu chuẩn. Hệ thống thoát nước luôn được bảo dưỡng do vậy trong những năm qua chưa xảy ra hiện tượng ngập úng cục bộ. Trường có đủ ĐDDH tối thiểu và trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu giáo dục. Hàng năm, trường có kế hoạch bổ sung, nâng cấp cho phòng thư viện và các phòng chức năng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Thư viện được công nhận “Thư viện đạt chuẩn” và “Thư viện Tiên tiến”

Tuy nhiên còn thiếu 01 phòng Tin học và 01 phòng Ngoại ngữ theo tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường Tiểu học.

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1 : 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2 : 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3 : 3/5
- Số lượng tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	Không đạt

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để làm tốt công tác giáo dục, ngoài những yếu tố về tổ chức quản lý lãnh đạo, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đảm bảo, đội ngũ GV giỏi nghề, tâm huyết, mối quan hệ Nhà trường - Gia đình - Xã hội là một khâu then chốt giúp việc giáo dục toàn diện đạt kết quả cao. Trong những NH qua, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường như Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội CMHS và Đoàn phường Dương Nội. Ban đại diện CMHS được kiện toàn ngay từ đầu năm học, phối kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong nhà trường để hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục HS, xây dựng nghị quyết, chương trình hoạt động cả năm học. Các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường đã phối hợp với nhà trường tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, chất lượng dạy và học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT BGDĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS của Bộ GDĐT. Tại Hội nghị giữa đại diện CMHS các lớp với CBQL và các thành viên trong trường vào đầu năm học, đại diện CMHS các lớp đã bầu ra Ban Thường trực CMHS nhà trường. Hiệu trưởng chủ trì cuộc họp đầu tiên để Ban Thường trực CMHS nhà trường cử 01 Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các ủy viên. Sau khi được cử, Trưởng ban CMHS của nhà trường điều hành cuộc họp đại diện CMHS các lớp để thông qua Quy chế hoạt động, kế hoạch chương trình hoạt động của của Ban CMHS nhà trường trong cả năm học [H4-4.1-01]. Tại cuộc họp CMHS các lớp, GVCN đã chủ trì để bầu ra Ban đại diện CMHS của lớp gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó bầu ra 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và các ủy viên. Sau đó, Ban đại diện CMHS của lớp điều hành cuộc họp để thông qua Quy chế hoạt động, kế hoạch chương trình hoạt động của của Ban CMHS nhà trường và của lớp trong cả năm học. Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường được bầu dân chủ, công khai trong trong hội nghị CMHS đầu năm học [H4-4.1-02]. Tổ chức của Ban đại diện CMHS theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập và hoạt động theo nhiệm kỳ 1 năm học, đảm bảo chức năng, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Trong năm học, nhà trường phối hợp với CMHS tổ chức họp định kỳ toàn thể CMHS các lớp và ban đại diện CMHS nhà trường 03 lần: đầu năm học, khi kết thúc học kỳ một, khi kết thúc năm học. Ngoài ra, tùy theo công việc và tình hình thực tế có thể tổ chức họp bất thường khi có ít nhất 50% CMHS (của lớp hoặc của trường) đề nghị hoặc do Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh (của lớp hoặc của trường) quyết định [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]

Hàng năm, Ban đại diện CMHS có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể và được thống nhất trong buổi họp đầu năm của Ban đại diện CMHS nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp với CMHS để thông báo tình hình nhà trường, kế hoạch năm học, tiếp thu ý kiến đóng góp, xây dựng các biện pháp giáo dục học sinh, thông báo công khai kết quả xếp loại các mặt giáo dục của học sinh và giải quyết những kiến nghị của CMHS, đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS. Sau cuộc họp với nhà trường, Trưởng ban đại diện CMHS của từng lớp tiếp tục triển khai những nội dung trên trong cuộc họp CMHS lớp mình [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02];

Ban đại diện CMHS kết hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch hoạt động của Hội CMHS theo đúng các chương trình đã đề ra. Đại diện CMHS các lớp đồng thuận cao khi nhà trường lấy ý kiến tổ chức cho học sinh học các môn học: Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh bổ trợ, Võ thuật, Aerobic. Đặc biệt trong NH 2020 - 2021 toàn bộ đại diện CMHS của 34 lớp đều có ý kiến nhà trường tiếp tục tổ chức các câu lạc bộ ngoại khóa sau giờ học buổi chiều để tạo điều kiện cho HS được phát triển toàn diện các môn học năng khiếu và thuận lợi cho CMHS tan tằm khi chưa đến đón con đúng giờ. Sau đó đại diện CMHS các lớp tiến hành triển khai trước toàn thể CMHS trong phiên họp đầu năm học và giải thích nếu có phụ huynh chưa hiểu rõ. Do đó số CMHS cho các con tham gia học các câu lạc bộ, kỹ năng sống đạt tỉ lệ cao. Hội CMHS luôn đồng hành cùng mọi hoạt động với nhà trường. Đầu năm học CMHS cùng với nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động: Chào mừng năm học mới; tổ chức vui tết Trung thu; tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho học sinh về kỹ năng sống, phòng chống dịch bệnh, truyền thông «Sức khỏe và dinh dưỡng học đường»,.... Chính vì có đủ nội dung được thống nhất tại Hội nghị CMHS đầu năm học nên việc thực hiện kế hoạch luôn đảm bảo theo tiến độ đề ra [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian, Ban đại diện CMHS chưa tận dụng tiềm năng của các tổ chức xã hội ngoài nhà trường. Một số đại diện cha mẹ học sinh chưa có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành các cuộc họp CMHS lớp.

Mức 2:

Sau khi được thành lập, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường. Ban đại diện CMHS được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động đúng theo Điều

lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GDĐT ban hành. Ngoài các cuộc họp định kỳ trên, nhà trường còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để thông báo một số hoạt động có liên quan đến Ban đại diện CMHS, các cuộc họp cam kết hoặc thỏa thuận giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS để cùng nhau tìm biện pháp giáo dục đạo đức cho HS, cùng tìm giải pháp giúp cho HS học tập tốt hơn. Bên cạnh đó, các ngày lễ, ngày CMHS của mỗi lớp cũng luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động vui chơi, liên hoan cho các con. Đại diện CMHS còn luôn tham gia trong các buổi hoạt động ngoại khóa, sân chơi cuối tuần của nhà trường. Nhà trường cùng đại diện CMHS đã mời đội «Lân, sư, rồng» của xã Đông La - huyện Hoài Đức múa biểu diễn tại sân trường và biểu diễn tại từng lớp học vào dịp tết Trung Thu và vào buổi học đầu tiên sau kì nghỉ tết Nguyên đán; tham gia văn nghệ, giao lưu cùng với Hội Cựu chiến binh nhân ngày 22/12; «Ngày hội thiếu nhi vui khỏe» [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. CMHS đã tham gia giám sát các hoạt động của trường 3 lần/năm và cùng với nhà trường đón tiếp các đoàn kiểm tra giám sát của phường Dương Nội, của Ban kinh tế - xã hội quận Hà Đông [H4-4.1-04]. Hàng tuần, phụ huynh cùng với nhà trường kiểm tra việc chăm sóc bán trú, an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng của HS. Chính vì vậy công tác bán trú của trường luôn được đảm bảo tốt. [H1-1.10-05]. Trong năm học, Ban đại diện CMHS kết hợp với nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động, nhiều đợt thi đua như: chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Hội chợ quê, sân chơi cuối tuần... và tặng quà HS có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Trung thu, tết Nguyên đán và kết thúc năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]. GVCN thường xuyên có thông tin hai chiều với Ban đại diện CMHS, phụ huynh học sinh qua nhiều hình thức: điện thoại, số liên lạc điện tử, zalo [H4-4.1-05]. GV thường xuyên kết hợp với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục HS. Để phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS, nhà trường đã tạo điều kiện để các Ban đại diện CMHS các lớp phối hợp với GVCN và nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, tham gia giáo dục đạo đức HS, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh chậm tiến, giúp đỡ HS nghèo có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp ý kiến về biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng dạy học, đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03],

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Điều lệ Ban đại diện CMHS. Thông qua Ban đại diện CMHS, nhà

trường triển khai tới toàn thể phụ huynh các kế hoạch công tác, chính sách, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Từ đó nhà trường nhận được sự ủng hộ từ phía CMHS và hoàn thành tốt các mục tiêu công tác giáo dục của nhà trường. Ban Thường trực CMHS cùng CMHS các lớp đã thực hiện theo kế hoạch hoạt động đề ra từ đầu năm học, thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp với các tổ chức xã hội, địa phương trong việc quản lý, giáo dục HS, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiện đại và có văn hoá. Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường đã phối hợp, hỗ trợ trong các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp theo đúng các quy định và tuyệt đối an toàn, bảo đảm mục tiêu giáo dục toàn diện và phát triển các kỹ năng cho HS [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02], [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhiệt tình tham gia các hoạt động giáo dục HS, thường xuyên trao đổi thông tin với nhà trường, chủ động đề xuất với nhà trường các giải pháp, cùng nhà trường tháo gỡ các khó khăn. Chính vì thế, hoạt động của Ban đại diện CMHS góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm yếu

Do hạn chế về thời gian, Ban đại diện CMHS chưa tận dụng tiềm năng của các tổ chức xã hội ngoài nhà trường. Một số Ban đại diện CMHS chưa có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành các cuộc họp CMHS lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Vận động CMHS có thời gian, đã từng làm đại diện CMHS tham gia Ban cha mẹ học sinh của trường	Đầu năm học và cuối mỗi năm học	Nhà trường và Ban đại diện CMHS, GVCN	- GVCN là cầu nối giữa CMHS và nhà trường. - Thực hiện tốt thông tin hai chiều qua SĐT, sổ liên lạc điện tử.
Nâng cao năng lực ban đại diện cha mẹ học sinh.	NH 2021-2022 và các năm tiếp theo.	Cán bộ quản lý, ban đại diện CMHS.	Cập nhật kịp thời các thông tin Điều lệ Ban đại diện CMHS vào các buổi họp.
Tiếp tục tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng Điều lệ. Thường xuyên rà	Thường xuyên trong các năm học	Cán bộ quản lý, Ban Đại diện CMHS	GV chủ nhiệm phối hợp triển khai

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
soát, rút kinh nghiệm về việc phối hợp với Ban đại diện CMHS			

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã chủ động, tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương những kế hoạch và biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục. Chi bộ luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy phường để hoạt động đúng chủ trương, đường lối, xin ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy và chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch NH [H4-4.2-01]. Hàng tháng, đ/c Bí thư Chi bộ tham gia họp giao ban, triển khai các văn bản của Đảng và đề xuất với Đảng ủy phường Dương Nội các biện pháp phát triển nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch năm học [H4-4.2-02]. Xây dựng kế hoạch phối hợp với UBND phường trong công tác phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; công tác tuyển sinh [H1-1.2-04]; kế hoạch phối hợp với Đoàn thanh niên của phường trong công tác hè và hoạt động thanh thiếu nhi... [H4-4.2-03]; Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an phường đảm bảo an ninh, an toàn trường học [H1-1.10-01]; quy chế phối hợp với y tế phường đảm bảo chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho giáo viên và học sinh [H1-4.2-04].

Hằng năm, nhà trường tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của CMHS về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục và mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp phụ huynh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Thông qua các cuộc họp giao ban Bí thư Chi bộ với Đảng ủy phường, các cuộc họp thường kỳ của các đoàn thể có thành viên nhà trường tham gia, nhà trường đã tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường để tranh thủ sự đồng thuận, nhất trí và ủng hộ của Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức chính trị xã hội khác của phường Dương Nội [H4-4.2-05]. Trong các buổi họp CMHS các lớp, ở mỗi học kỳ, nhà trường chỉ đạo cho các GVCN tuyên truyền nội dung, phương pháp và cách đánh giá HS tiểu học đến từng phụ huynh, giúp phụ huynh có định hướng trong việc giáo dục con em mình, thường xuyên liên hệ, thông báo kết quả học tập và rèn luyện của HS đến phụ huynh qua tin nhắn điện tử. Nhà trường chủ động việc tuyên truyền để tăng sự hiểu biết trong cộng đồng về cách đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT(áp dụng đối với lớp 2, 3, 4, 5) và thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (áp dụng đối với lớp 1 từ năm học 2020 – 2021 và lần lượt áp dụng đối với các lớp 2, 3, 4, 5 vào các năm học tiếp theo) được phần lớn CMHS hiểu rõ và có ý thức cùng tham gia đánh giá HS. Hằng năm, nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương, ban đại diện CMHS các nội dung giáo dục đạo đức

HS, phòng chống các tệ nạn xã hội [H4-4.1-01]; [H1-1.10-03].

Nhà trường đã huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định tại Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thêm thiết bị dạy học. Ban Thường trực CMHS đã sử dụng hiệu quả các nguồn huy động: thực hiện khen thưởng HS, động viên HS có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho HS trong các ngày lễ tết; mua vật liệu cho các con trang trí lớp học, làm bánh, mua quà cho các con liên hoan, ... Hằng năm, Ban đại diện CMHS và một số cá nhân thực hiện trao tặng học bổng giúp đỡ các em HS có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập [H4-4.2-06]. Trong năm học 2020 - 2021, trường đã tiếp nhận sự ủng hộ như: Ủy ban ATGT quốc gia tặng mũ bảo hiểm cho HS lớp 1 trong trường, 01 PHHS lớp 1A4 tặng 03 chiếc xe đạp và quà cho 03 học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong trường, một số CMHS tặng cây xanh, ghé đá,... [H4-4.2-07]. Đại diện nhà trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, đại diện Ban chỉ huy Liên đội đi viếng nghĩa trang Liệt sĩ, thăm và tặng quà Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đang sinh sống trên địa bàn phường, thăm các đơn vị bộ đội kết nghĩa với nhà trường. Tất cả sự đóng góp ủng hộ của các tổ chức đoàn thể, các nhà hảo tâm đều được nhà trường sử dụng một cách hiệu quả, minh bạch [H4-4.2-08].

Mức 2:

Nhà trường luôn chủ động, tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-01]; phối kết hợp với các trường trên địa bàn và Ban chỉ đạo công tác PCGD, XMC của phường Dương Nội trong công tác phổ cập giáo dục, huy động trẻ đến độ tuổi ra lớp, quan tâm chăm sóc những HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn [H1-1.6-02]; chủ động phối hợp với chính quyền trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 trên địa bàn [H1-1.10-10].

Nhà trường luôn phối hợp với các tổ chức đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Tổ dân phố, Công an phường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Phối kết hợp với công an phường tuyên truyền, kí cam kết việc thực hiện ATGT, cam kết không đốt pháo nổ, phòng chống các tệ nạn xã hội. Lực lượng công an phường hỗ trợ tốt cho nhà trường trong các hoạt động cao điểm: tuyển sinh, các ngày lễ kỉ niệm lớn trong năm, các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa [H1-1.10-01]; [H4-4.2-09]. Nhà trường phối hợp với Trung tâm Y tế quận Hà Đông và Y tế phường Dương Nội tuyên truyền cho HS biết cách phòng

chống bệnh theo mùa: phòng chống bệnh sởi, đau mắt, các bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa, răng miệng, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, sốt xuất huyết, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, bán trú. Khi tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức phân công GV, NV y tế hỗ trợ sát khuẩn, đo thân nhiệt trong Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, trong «Ngày hội CNTT» do Sở GDĐT tổ chức; hỗ trợ trong đợt tiêm chủng vắc-xin cho toàn dân trên địa bàn phường Dương Nội; ủng hộ bằng tiền, hiện vật cho công tác phòng chống dịch Covid – 19 của địa phương, ủng hộ tiền mua vắc xin [H1-1.10-03]. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương tổ chức tốt các hoạt động giáo dục HS như: Học sinh được tham quan tìm hiểu về Văn miếu Quốc Tử Giám, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng dân tộc [H4-4.2-10]; tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm tìm hiểu và kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc: Mừng Đảng mừng xuân, ngày Giải phóng miền Nam Thống nhất đất nước 30 - 04, ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 - 12 với sự tham gia nhiệt tình của Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Cục Kỹ thuật Binh chủng Phòng không không quân, Cục Cảnh sát biển, Đoàn Thanh niên phường Dương Nội [H4-4.2-11]. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch thực hiện và chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương. Học sinh tham gia chăm sóc di tích, dâng hương tưởng niệm các liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc vào dịp 22/12, thăm và tặng quà Bà mẹ Việt Nam Anh hùng nhằm giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, tinh thần đền ơn đáp nghĩa và lòng tự hào dân tộc [H1-1.1-03]; [H1-1.3-09]. Tổ chức các hoạt động văn nghệ và thể dục thể thao như đêm hội trăng rằm, các trò chơi dân gian, «Ngày hội thiếu nhi vui khỏe» với sự tham gia tích cực, nhiệt tình của các tổ chức, các đoàn thể, các bậc CMHS, GV và HS, tạo môi trường giáo dục tích cực lành mạnh, thu hút 100% HS tham gia [H1-1.5 - 06]; [H1-1.3-09]. Song song với các hoạt động đó, nhà trường còn tổ chức cho HS tham gia các hoạt động xã hội như: ủng hộ mua tấm ủng hộ người khuyết tật, phong trào kế hoạch nhỏ, ủng hộ HS vùng khó khăn, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam dioxin, thi gói bánh chưng ủng hộ trẻ em mồ côi phường Hà Cầu - quận Hà Đông [H1-1.3-04]; [H4-4.2-08].

Mức 3:

Nhà trường đã phối hợp với Đảng ủy, chính quyền Dương Nội, CMHS huy động tối đa số trẻ trên địa bàn đến học tập tại trường, thực hiện công tác phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]. Thông qua nhà trường, ban đại diện CMHS tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nhà nước, các chương trình công tác của địa phương được triển khai rộng rãi đến người dân: thực hiện ATGT,

phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng [H4-4.1-01]. Các hoạt động lớn của khu dân cư tại các tòa nhà luôn có sự tham gia, ủng hộ của nhà trường như tham gia giao lưu trong “Ngày hội toàn dân đoàn kết”, kỉ niệm thành lập khu dân cư, ... Bởi vậy, trường thực sự trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của khu đô thị Dương Nội 2. Trường luôn là địa chỉ tin cậy của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương mỗi khi thực hiện các hoạt động sinh hoạt tập thể, văn hóa giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.3-04]; [H4-4.2-12]. Hằng năm, trường phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức học nghị quyết, chuyên đề, kết hợp với địa phương tham gia phong trào tuyên truyền, hiến máu nhân đạo “Giọt hồng”, tổ chức giao lưu với Hội Cựu chiến binh, Hội cựu giáo chức, các tổ dân phố, Cục kĩ thuật Binh chủng Phòng không-không quân, Nhà máy A40, Cục Cảnh sát biển [H1-1.1-04]; [H1-1.3-08]; [H4- 4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tham mưu, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả với chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để xây dựng và phát triển nhà trường là trung tâm văn hóa của địa phương. Trường luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của chính quyền và các tổ chức đoàn thể. Chính vì vậy trong mọi hoạt động của nhà trường đều có sự tham gia, phối hợp thực hiện với các ban ngành đoàn thể của địa phương và của khu dân cư.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được.

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tiếp tục có kế hoạch và chương trình hoạt động lôi cuốn HS tham gia để nhận được sự ủng hộ tích cực tại địa phương	Trong năm học 2021 – 2022 và các năm học tiếp theo	Cán bộ quản lý; GV, các đoàn thể trong nhà trường.	Phối hợp với chính quyền, tổ chức đoàn thể và các đơn vị nhà trường kết nghĩa

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh cơ bản : Nhà trường đã tạo được mối quan hệ tích cực hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể chính quyền, cá nhân và nhân dân địa phương. Đặc biệt, Ban đại diện CMHS nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện cho sự phát triển của nhà trường. Bước đầu đã có những cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, báo chí ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục. Nhà trường cũng đã phối hợp khá hiệu quả với các tổ chức chính quyền như UBND quận Hà Đông, UBND phường Dương Nội nên đã huy động được các nguồn lực về vật chất, tinh thần để xây dựng trường và tạo nên môi trường giáo dục tốt, an toàn, lành mạnh, thu hút được đại đa số HS đúng tuyến theo học tại trường. Nhà trường thực sự là trung tâm văn hóa giáo dục của khu đô thị Dương Nội 2, được Đảng ủy, chính quyền và bà con nhân dân, cư dân trên địa bàn tin tưởng, đánh giá cao.

Điểm yếu cơ bản : Ở một số thời điểm, công tác phối hợp chưa thật sự huy động được hết tiềm lực bên ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động phát triển giáo dục trong nhà trường.

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1 : 2/2

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2 : 2/2

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3 : 2/2

- Số lượng tiêu chí không đạt : 0/2

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 4		X	X	X
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học qua, kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của CTGDPT cấp tiểu học (Ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006) do Bộ GDĐT tạo ban hành; Công văn số 9832/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2016 của GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 1,2,3,4,5; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ GDĐT về hướng dẫn chung về điều chỉnh nội dung dạy học các môn học cấp Tiểu học; Công văn 7975/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2009 của Bộ GDĐT hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học. Năm học 2020 - 2021 triển khai thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GDĐT. Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội, Phòng GDĐTHà Đông, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể theo từng năm học, học kỳ, tháng và tuần. Kế hoạch được triển khai và thực hiện xuyên suốt thống nhất từ Hiệu trưởng đến các tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng với đủ các hoạt động giáo dục toàn diện. Các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong CTGDPT cấp Tiểu học do Bộ GDĐT ban hành [H1-1.1-03]; [H3-3.5-03]; [H5-5.1-01], Các HĐGDNGLL bao gồm hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, TĐTT, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác được nhà trường xây dựng trong kế hoạch giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học THCS [H1-1.3-09]; [H1-1.5-06]; [H1-1.8-06]; [H3-3.5-03].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Phòng GDĐT quận Hà Đông thẩm định, phê duyệt thực hiện vào đầu các năm học và đều được kiểm tra trong năm học [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-10]. Ngoài ra, hằng năm nhà trường được chính quyền địa phương và UBND quận kiểm tra, giám sát theo chuyên đề [H1-1.6-24].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn bám sát hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, của Sở GDĐT Hà Nội, kế hoạch chuyên môn của Phòng GDĐT quận Hà Đông, đồng thời, hàng tháng, hàng tuần đều cập nhật những quy định, văn bản hướng dẫn, thông báo mới nhất mà các cấp yêu cầu. Trong năm học 2020 - 2021 nhà trường đã cập nhật một số văn bản quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục: Luật số 43/2019/QH14 của Quốc hội về Luật Giáo dục 2019 được áp dụng từ 01/7/2020; Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Điều lệ Trường tiểu học; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về đánh giá xếp loại HS tiểu học được thực hiện theo lộ trình từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GDĐT; Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường,... Các văn bản trên được toàn bộ giáo viên nhà trường tìm hiểu và có bài thu hoạch gửi về nhà trường [H1-1.6-10]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai tới toàn thể CB, GV, NV thông qua: Hội nghị cán bộ viên chức; cuộc họp Hội đồng giáo dục; sinh hoạt chuyên môn hàng tháng; trang thông tin điện tử, zalo chung của nhà trường để CBQL, GV, NV cùng nắm bắt và giám sát thực hiện [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]. Theo định kì, ban kiểm tra nội bộ của trường đã kiểm tra hoạt động giáo dục theo kế hoạch, có ghi lại biên bản, báo cáo và thông báo kết quả kiểm tra [H1-1.8-09]; [H5-5.1-02]. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được thông báo tới CMHS trong Hội nghị CMHS của trường, của lớp và được đăng tải trên zalo phụ huynh học sinh toàn trường, website của nhà trường để đông đảo CMHS và cộng đồng nắm bắt, giám sát. Tuy nhiên việc nắm bắt và phối hợp, giám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường với Hội đồng giáo dục của phường Dương Nội còn hạn chế. [H1-1.1-04], [H4-4.1-01], [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục của nhà trường sát với tình hình thực tế, đã được thông báo tới phụ huynh rồi tới học sinh trong Hội nghị cha mẹ học sinh của trường, của lớp để đông đảo cha mẹ học sinh và cộng đồng nắm bắt, giám sát. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục cấp Tiểu học theo đúng các quy định, văn bản hiện hành. Kế hoạch giáo dục quan tâm đến sự phát triển toàn diện cho học sinh đặc biệt chú ý nhiều đến phát triển năng lực, phẩm chất, kĩ năng sống và khả năng sáng tạo của học sinh.

3. Điểm yếu

Việc nắm bắt và phối hợp, giám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường với các trường trong Hội đồng giáo dục phường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Nhà trường phối hợp với CMHS các trường trong Hội đồng giáo dục phường về việc triển khai các hoạt động giáo dục.	Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo.	CBQL, GV, NV	- HT báo cáo tiến độ, kết quả với CMHS, HĐGD phường trong các cuộc họp - GVCN trao đổi thông tin với CMHS
Tuyên truyền CMHS phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.	Năm học 2021 -2022 và những năm học tiếp theo	CBQL, GVNV, CMHS	CBQL, GV, VN đẩy mạnh công tác tuyên truyền để từ đó CMHS có ý thức giành thời gian, tích cực phối hợp với nhà trường thực hiện kế hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục như: Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Thủ công, Âm nhạc, Thể dục, Mĩ thuật, Giáo dục tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với các lớp 2, 3, 4, 5 và các môn Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất đối với lớp 1 với thời lượng mỗi tiết học trung bình 35 phút [H1-1.8-01]. [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]; Giữa các tiết học có thời gian nghỉ ngơi, tập thể dục. Mỗi tuần ngoài tiết chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp thì còn có các tiết HĐTT và dạy các tiết giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh; Giáo dục ATGT... và tổ chức sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội TNTP và sinh hoạt toàn trường. Trong thời gian thực hiện phòng chống dịch Covid-19, nhà trường vẫn duy trì và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục dưới hình thức trực tuyến [H3-3.5-03]; [H5- 5.2-01]; [H5- 5.2-02]. Trong công tác giảng dạy, GV đã vận dụng các PPDH tích cực như phương pháp Bàn tay nặn bột. sơ đồ tư duy...; tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường. Trong các giờ học, 100% GV sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học, ứng dụng CNTT hàng ngày để nâng cao chất lượng giảng dạy và tổ chức hoạt động dạy [H1-1.4-04]; [H3-3.5-03]; [H3- 3.5-06].

Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học theo thông tư 22/2016 TT-BGDĐT, Văn bản hợp nhất số 03/2016 về đánh giá xếp loại HS tiểu học đối với tất cả các khối lớp 2, 3, 4, 5 và Thông tư 27/2020 TT-BGDĐT của Bộ GDĐT được áp dụng đối với lớp 1 từ năm học 2020-2021 và các khối lớp khác thực hiện lần lượt vào các năm học tiếp theo. Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo CTGDPT cấp tiểu học; Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS. [H1-1.6- 03]; [H1-1.6- 04]; [H1-1.6- 05]; [H4-4.1-05],

Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng nội dung chương trình, kế hoạch giáo dục theo kế hoạch của Bộ GDĐT, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung phù hợp với học sinh. Thời lượng các tiết dạy đều từ

35 đến 40 phút/tiết [H1-1.1-03]; [H5- 5.2-01]. Việc áp dụng các phương pháp, hình thức dạy học đều phát huy được năng lực, sở trường của giáo viên và phát huy được tính chủ động, sáng tạo, khả năng tư duy của từng đối tượng học sinh, đặc biệt là học sinh có năng khiếu và khuyết tật học hòa nhập, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của trường [H5- 5.2- 02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05].

Nâng cao chất lượng mũi nhọn, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành một số nội dung học tập, rèn luyện và các hoạt động giáo dục thì luôn được nhà trường quan tâm trong nhiều năm qua. Nhà trường có kế hoạch thực hiện bồi dưỡng học sinh hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập và rèn luyện, phụ đạo học sinh chưa có nhiều tiến bộ, chưa hoàn thành một số nội dung trong hoạt động giáo dục được xây dựng đầy đủ, cụ thể, rõ ràng; có các biện pháp bồi dưỡng, phụ đạo thiết thực, hiệu quả phù hợp với từng đối tượng và điều kiện của từng lớp, của trường. Nội dung kế hoạch phân công rõ giáo viên phụ trách, thời gian, hình thức bồi dưỡng và được cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, theo dõi [H1-1.1-03]; [H5-5.2-06]. Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được thực hiện xuyên suốt trong cả năm học dưới nhiều hình thức như bồi dưỡng trực tiếp qua các tiết dạy trên lớp theo phân loại đối tượng học sinh, bồi dưỡng khi tham gia các câu lạc bộ, bồi dưỡng, trao đổi qua hình thức trực tuyến... Trong các kỳ thi, giao lưu học sinh giỏi cấp Quận, Thành phố, nhà trường đã có học sinh tham gia và đạt được các giải cao [H5-5.2-07]; [H5-5.2-08]; [H5-5.2-09]; [H5-5.2-10].

* Bảng thống kê số HS đạt giải cấp Quận, cấp Thành phố, cấp Quốc gia trong 4 năm qua

TT	Nội dung	Năm học 2017-2018		
		Quận	Thành phố	Quốc gia
1	Giải Olympic Tiếng Anh	4	1	0
2	Giải thi Festival Tiếng Anh	1	0	0
3	Festival sáng tạo khoa học trẻ	1		
	Tổng	6	1	
TT	Nội dung	Năm học 2018-2019		
		Quận	Thành phố	Quốc gia
I	Các môn văn hóa			
1	Giải Olympic Tiếng Anh	7	1	0
2	Giải thi Festival Tiếng Anh	1	0	0
	Cộng	8	1	0

II	Các môn năng khiếu			
3	Giải Thể dục Thể Thao	1	0	0
4	Giải cuộc thi “ Giai điệu tuổi hồng”	2	0	0
5	Cờ Tư lệnh (Liên đoàn cờ Việt Nam)	x	9	0
	Cộng	3	9	0

TT	Nội dung	Năm học 2019-2020		
		Quận	Thành phố	Quốc gia
I	Các môn văn hóa			
1	Giải thi Festival Tiếng Anh	1	0	0
	Cộng	1	0	0
II	Các môn năng khiếu			
2	Giải Aerobic	1	0	0
3	Cờ Tư lệnh (Liên đoàn cờ Việt Nam)	x	8	0
	Cộng	1	8	0

TT	Nội dung	Năm học 2020-2021		
		Quận	Thành phố	Quốc gia
I	Các môn văn hóa			
1	Viết chữ đẹp			1
2	Giải thi Festival Tiếng Anh	1	0	0
	Cộng	1	0	1
II	Các môn năng khiếu			
3	Bóng đá nam	11	1	0
4	Aerobic	11	x	x
5	Cờ tư lệnh	x	6	x
	Cộng	22	7	1

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đã tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục vào các buổi sinh hoạt hội đồng, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị công chức, viên chức, sơ kết học kì, tổng kết năm học nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp vẫn chưa thực hiện thường xuyên [H1-1.1- 03]; [H1-1.2- 05]; [H1-1.4- 04]; [H1-1.9- 04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chuyên môn cụ thể, rõ ràng, được xây dựng từ đầu năm và triển khai một cách đồng bộ. Giáo viên dạy đủ, đúng chương trình, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng HS, thực tế của

trường. Chất lượng mũi nhọn được quan tâm nên kết quả đã được khẳng định qua các kỳ thi học sinh giỏi cấp Quận, Thành phố.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục còn chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục.	Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo.	CBQL, GV.	Xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết từng giai đoạn thực hiện cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có đầy đủ chương trình, kế hoạch tổ chức các HĐGDNGLL. Kế hoạch HĐGDNGLL của trường, các tổ, các lớp được xây dựng từ đầu năm, cụ thể và bám sát vào công văn, hướng dẫn của Bộ GDĐT,

Sở GDĐT, Phòng GDĐT [H1-1.5-04]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04]. Các HĐGDNGLL thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra. Hằng tháng, nhà trường đều tổ chức các hoạt động phong trào: tháng 9 tổ chức chuỗi hoạt động chào mừng ngày Khai trường; tháng 10 tổ chức các hoạt động Vui tết Trung thu và chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam; tháng 11 tổ chức chuỗi hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; tháng 12 tổ chức giao lưu chào mừng ngày Thành lập QĐND Việt Nam và Ngày hội Quốc phòng toàn dân; tháng 1 và tháng 2 tổ chức chuỗi hoạt động Mừng Đảng, mừng xuân; tháng 3 tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 8/3 và 26/3; tháng 4, 5 tổ chức “Ngày hội thiếu nhi vui khỏe”, “Kết nạp đội viên đợt 1”; các hoạt động mừng ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và chào mừng ngày Thành lập Đội, sinh nhật Bác. Cuối tháng 5 tổ chức Tổng kết năm học và làm Lễ ra trường, Lễ tri ân thầy cô cho học sinh lớp 5. Ngoài các hoạt động tổ chức theo chủ đề, chủ điểm thì nhà trường còn tổ chức một số hoạt động như: Tuyên truyền về “Sức khỏe và dinh dưỡng học đường”; thi “Rung chuông vàng” tiếng Anh; tổ chức “Hội chợ quê” [H1-1.5-06]; [H1-1.8-06]; [H5-5.3-01]. Kết quả HĐGDNGLL từng bước được phát triển và nâng cao góp phần không nhỏ cho công tác giáo dục toàn diện trong nhà trường. Việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường đều được Ban giám sát của HĐND phường, Phòng GDĐT, Ban Kinh tế - xã hội quận Hà Đông kiểm tra và đều được đánh giá tốt [H1-1.6-24]; [H1-1.8-10]. Liên đội của trường được Hội đồng đội cấp Quận, BCH TNCS Hồ Chí Minh Thành phố Hà Nội, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khen thưởng. [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15].

Nhà trường đã thành lập Ban công tác Đội để tổ chức triển khai, đánh giá nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như Khai giảng năm học, 20/11, 22/12, 3/2, 26/3, 19/5... và hưởng ứng các chủ điểm tháng, các sự kiện của địa phương và nhà trường [H1-1.8-04]. Ban công tác Đội có kế hoạch và triển khai các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, bài thi tìm hiểu, câu lạc bộ, phát thanh tuyên truyền, báo tường, tập san, vẽ tranh, tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục môi trường, lao động vệ sinh, công tác nhân đạo, từ thiện. Nhà trường luôn quan tâm tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi, lôi cuốn tất cả học sinh tham gia [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.5-06].

Các tiết HĐTT được các khối lớp triển khai đúng chương trình chung cho toàn khối, có sự thống nhất về nội dung, hình thức, nằm trong thời khóa biểu hàng tuần, đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia. Các tiết sinh hoạt đầu tuần (Chào cờ đầu tuần) đều có kế hoạch thực hiện cụ thể từng tuần do

TPTĐ xây dựng. Đối với các lớp thực hiện CTGDPT 2018 thì GVCN có bài soạn cụ thể cho tiết dạy hoạt động trải nghiệm. Các tiết sinh hoạt lớp và HĐTT khác đều có giáo án thực hiện theo quy định về dạy các tiết theo các chủ đề: An toàn giao thông, Thanh lịch - Văn minh; Bác Hồ và những bài học đạo đức; Lịch sử địa phương;... [H1-1.4-04]; [H1-1.5-04]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được xây dựng từ nhà trường xuống các khối và từng GVCN, kế hoạch phân công cụ thể, chương trình hấp dẫn, phù hợp với học sinh. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường tổ chức thực sự có hiệu quả, GV, HS được chủ động lựa chọn, xây dựng các tiết mục như múa, hát, tiểu phẩm... một cách sáng tạo, tích cực, nhiệt tình. Nhiều hoạt động giáo dục tập thể được học sinh tham gia điều hành và dẫn chương trình [H1-1.8-04]; [H5-5.2-07]; [H5-5.2-08].

Mức 3:

Nhà trường đã chú trọng đến việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo năng lực sở trường của học sinh như: tổ chức các câu lạc bộ văn thể mỹ, tổ chức thi văn nghệ, diễn tiểu phẩm...trong các chương trình kỉ niệm các ngày lễ [H2-2.4-03], [H5-5.2-09]. Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia các hội thi, giao lưu văn hóa do phòng GDĐT tổ chức: Kể chuyện theo sách, Giai điệu tuổi hồng, thi Giao lưu Festival tiếng Anh, thi thể dục thể thao. Một số học sinh đã đăng kí tham gia các cuộc thi và đạt giải như: Nguyễn Minh Khuê (02 năm liền đạt giải Nhì Olympic tiếng Anh, giải Nhất cuộc thi “Sáng tạo khoa học trẻ”; Mai Phúc Huy (02 năm liền đạt giải Nhất thi Olympic tiếng Anh cấp Quận; Giải Nhất Olympic tiếng Anh cấp Thành phố); Đoàn Phương Anh - giải Nhất đơn ca thi “Giai điệu Tuổi hồng; Nguyễn Thế Vinh, Trần Đức Hùng Dũng, Vương Kim Trung đạt Huy chương Vàng hội thi “Cờ tư lệnh” do Liên đoàn Cờ Việt Nam tổ chức [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.6-08]; [H5-5.2-10]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các HĐGDNGLL, phân công GV đầy đủ, có biện pháp hợp lí, có sự phối hợp của CMHS, tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, tinh thần để thu hút 100% HS được tham gia các hoạt động. Các hoạt động phong trào đều được GV, HS tham gia sôi nổi, nhiệt tình, được CMHS ủng hộ.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
- Tăng cường các HĐGDNGLL với nội dung và hình thức tổ chức cùng sự phân hóa theo nhu cầu, năng lực, sở trường của HS.	- Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	- CBQL, TPTĐ, GVCN, CMHS	- Xây dựng kế hoạch, ý tưởng, sự phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức xã hội đưa ra nội dung phù hợp phân hóa theo nhu cầu của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo đúng Nghị định số 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ về PCGD, XMC và theo sự phân công của UBND phường Dương Nội về công tác PCGD, XMC trên địa bàn phường. Nhà trường phối hợp với các trường trên địa bàn phường Dương Nội tham mưu cho Ban chỉ đạo PCGD, XMC phường xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đầy đủ theo sự chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường [H1-1.6-02]. Nhà trường thành lập tổ công tác phổ cập gồm 01 đ/c PHT, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 01 thư viện và

01 đ/c GV dạy Tin học với tinh thần trách nhiệm cao đã theo dõi thường xuyên HS chuyển đi, chuyển đến, phối hợp với địa phương để thực hiện hiệu quả phổ cập giáo dục tiểu học [H5-5.4-01]. Trong các năm học vừa qua công tác phổ cập của nhà trường luôn đảm bảo đúng theo quy định, số liệu đầy đủ, chính xác đúng với số HS hiện có và số liệu điều tra thực tế. Kết quả công tác phổ cập giáo dục Tiểu học đạt mức độ 3 [H5-5.4-02]. Tuy nhiên việc rà soát số HS theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập có sự biến động do người dân nhập cư về địa bàn các khu chung cư thuộc tuyến tuyển sinh của nhà trường liên tục có sự thay đổi.

Nhà trường phối hợp với các tổ dân phố thuộc tuyến tuyển sinh, các trường trên địa bàn phường Dương Nội tổ chức và thực hiện có hiệu quả việc huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường vào lớp 1 [H5-5.4-03].

Các văn bản hướng dẫn công tác phổ cập, kế hoạch phổ cập, sổ phổ cập giáo dục, phiếu điều tra, sổ chuyển đến, chuyển đi, các dữ liệu... được nhà trường và Ban chỉ đạo công tác phổ cập phường Dương Nội lưu giữ, quản lý đúng quy định tại Thông tư 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với các trường trên địa bàn phường Dương Nội tổ chức và thực hiện có hiệu quả việc huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường vào lớp 1 [H1-1.6-02]; [H5-5.4-03].

Mức 3:

Nhà trường phối hợp với UBND phường Dương Nội tổ chức và thực hiện có hiệu quả việc huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn phường vào lớp 1 [H1-1.6-02]; [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể cho công tác phổ cập giáo dục. GV được phân công làm công tác phổ cập có tinh thần trách nhiệm. Nhận được sự phối hợp của chính quyền địa phương trong công tác phổ cập. Huy động 100% trẻ ra lớp, không có học sinh bỏ học.

3. Điểm yếu

Việc rà soát số học sinh theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập có sự biến động do người dân nhập cư về địa bàn phường nhiều và liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy những điểm mạnh nhà trường đã đạt được

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tăng cường phối hợp với UBND phường Dương Nội làm tốt công tác điều tra, nhập liệu.	Năm học 2021 – 2022 và những năm học tiếp theo.	HT, tổ công tác phổ cập, UBND phường Dương Nội	- Tăng cường kinh phí bồi dưỡng công tác phổ cập. - Tổ chức tập huấn cán bộ điều tra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho HS toàn trường. Từ khi thành lập trường đến nay, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H1-1.6-03].

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho HS toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ HS 11

tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt thấp nhất là 97,8% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H5-5.5-02].

Mức 2:

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho học sinh toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01].

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho HS toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt thấp nhất là 97,8%; 01 trẻ 11 tuổi còn lại đang học lớp 4A1 tại trường [H5-5.5-03].

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình lớp học trong 4 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017- 2018	517	100	221	100	109	100	95	100	67	100	25	100
2018-2019	971	100	409	100	236	100	135	100	115	100	76	100
2019-2020	1370	100	451	100	412	100	232	100	142	100	133	100
2020-2021	1682	100	468	100	426	100	411	100	232	100	145	100

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành và đang học chương trình tiểu học trong 4 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH		Đang học TH		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	SL	%	
2017-2018	25	0	25	100	0	0	
2018 - 2019	75	0	75	100	0	0	
2019-2020	136	1	133	97,8	3	2,2	
2020 - 2021	143	0	142	99,3%	1	0,7%	

Mức 3:

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét hoàn thành chương trình lớp học cho HS toàn trường; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 100% [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01].

Cuối mỗi năm học, nhà trường xét lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh toàn trường. Từ ngày thành lập trường đến nay, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt thấp nhất là 97,8%; 01 trẻ 11 tuổi còn lại đang học lớp 4A1 tại trường [H1-1.6-03]; [H5-5.5-01]

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học luôn được duy trì ở mức cao và ổn định.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
- Phụ đạo HS tiếp thu chậm	NH 2021 - 2022 và NH tiếp theo	- GVCN, CMHS	- Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh cơ bản: Nhà trường đánh giá HS về học lực đúng theo quy định của Bộ GDĐT. Đảm bảo quy trình đánh giá, đánh giá khách quan, công bằng, chính xác tạo không khí thi đua trong nhà trường. Nhà trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch chuyên môn, hoạt động ngoài giờ lên lớp, phổ cập... theo quy định của nhiệm vụ NH, sự chỉ đạo của Phòng GDĐT, Sở GDĐT, Bộ GDĐT. Kế hoạch được xây dựng từ BGH xuống các khối. Kết quả giáo dục của nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục, chất lượng mũi nhọn ngày càng được nâng cao.

Điểm yếu cơ bản: Việc rà soát số HS theo độ tuổi trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, thông tin số liệu về phổ cập chưa chính xác do người dân nhập cư về địa bàn phường nhiều và liên tục

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 5/5.
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 5/5
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Không

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

C. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường mới chỉ được xây dựng theo các nội dung của chương trình giáo dục trong nước, chưa thể hiện được những nội dung tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng HS và tình hình thực tế của địa phương.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất, các trang thiết bị của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực.

Năng lực một số GV chưa đáp ứng được các yêu cầu của chương trình giáo dục tiên tiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tham khảo chương trình giáo dục của các nước Tiên tiến	Từ NH 2021 – 2022 trở đi	CB, GV, NV	Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Một số HS khó khăn, GVCN đã xây dựng kế hoạch giúp đỡ cụ thể và thường xuyên quan tâm, có những nội dung giảng dạy phù hợp nhưng khả năng hoàn thành mục tiêu còn ở mức độ do việc giúp đỡ các em mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc giáo dục của cả lớp.

Một số HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng nhưng chưa phát huy tối đa năng lực của các em do thời gian bồi dưỡng các em chưa được nhiều. Nhà trường động viên, khuyến khích các em tham gia tại các câu lạc bộ có uy tín trên địa bàn thành phố Hà Nội để các em có cơ hội phát triển tài năng của bản thân.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát hiện HS có năng khiếu và bồi dưỡng các em.

Các em HS khó khăn đã được xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục riêng cụ thể.

3. Điểm yếu:

Các em HS có năng khiếu chưa phát huy hết khả năng của mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Phân loại HS có năng khiếu, trí thông minh từng mặt để có kế hoạch phát huy khả năng của HS	- Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	CB, GV. NV, CMHS	- Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của trường được công nhận đạt thư viện trường học đạt chuẩn, với đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo. Tổng diện tích thư viện là 96m². Phòng đọc được trang bị hệ thống điều hòa và hệ thống ánh sáng đảm bảo độ thoáng mát thuận tiện cho việc đọc sách và mượn sách, báo của giáo viên, học sinh. Nhà trường đã đầu tư mua sắm đầy đủ trang thiết bị chuyên dùng trong thư viện hệ thống bàn ghế. Thư viện của nhà trường đã được kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu cơ bản các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên hạ tầng công nghệ chưa hiện đại. Hệ thống máy tính dung lượng thấp, đã sử dụng lâu năm.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có thư viện đạt thư viện Tiên tiến.
- Thư viện đảm bảo diện tích, chỗ ngồi đọc sách được thiết kế phù hợp với học sinh, các loại sách báo phong phú được cập nhật thường xuyên.
- Thường xuyên bổ sung sách báo từ nhiều nguồn khác nhau huy động sự đóng góp của HS, phụ huynh.
- Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS, thường xuyên được bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo hàng năm.
- Hệ thống máy tính trong thư viện được kết nối internet

3. Điểm yếu

Diện tích thư viện còn hạn chế so với số lượng học sinh toàn trường khi có nhu cầu đọc vào giờ ra chơi.

Hệ thống công nghệ của thư viện lạc hậu so với công nghệ 4.0 hiện nay

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tham mưu với UBND quận quy hoạch thư viện theo mô hình thư viện tiến tiến các nước	- Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	CB, GV. NV, CMHS	- Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chiến lược từ năm 2017 đến năm 2022. Năm học 2020 - 2021 là năm thứ tư thực hiện chiến lược của nhà trường nên còn một số mục tiêu chưa thực hiện được như việc nâng cao trình độ đội ngũ CB, GV, NV

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2022 cụ thể, chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

3. Điểm yếu

Còn một số nội dung của chiến lược chưa hoàn thành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Tạo mọi điều kiện để CB, GV, NV tham gia học để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.	- Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	- Hiệu trưởng và giáo viên, nhân viên	Tiếp tục việc theo học các lớp cho đến hết khóa học.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động nổi bật tạo dấu ấn cho học sinh như Vui tết trung thu; Hội chợ quê; Chuỗi hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo

Việt Nam, là địa điểm hàng năm Phòng GDĐT Hà Đông đặt điểm tổ chức thi Festival tiếng Anh cấp quận, Hội thảo chuyên môn cấp quận và cấp Thành phố; tổ chức Lễ ra trường và tri ân thầy cô,...

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa

3. Điểm yếu

Chưa phát huy được tính tích cực chủ động của học sinh và tạo điều kiện tối ưu để phát triển năng lực cá nhân của mỗi học sinh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đối tượng thực hiện	Điều kiện, biện pháp thực hiện
Xây dựng, triển khai thực hiện “Trường học điện tử”	- Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo	CBQL	- Xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.

Các em học sinh năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng, các em học sinh khó khăn được xây dựng mục tiêu riêng và được giúp đỡ.

Chất lượng của nhà trường vượt trội so với các trường trên địa bàn quận Hà Đông và một số trường xung quanh thuộc địa bàn quận, huyện bạn.

Điểm yếu

Các em học sinh năng khiếu chưa được bồi dưỡng để phát huy tối đa khả năng của mình.

Kết quả : Tổng số tiêu chí: 5;

+ Số tiêu chí đạt: 0/5 = 0%;

+ Số tiêu chí chưa đạt: 5/5 = 100%

C: KẾT LUẬN CHUNG

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn có cơ sở hạ tầng tốt, đáp ứng được những yêu cầu cần thiết của một trường tiểu học. Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý đầy đủ theo quy định. Ban Giám hiệu có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trong công tác, chỉ đạo sát sao có hiệu quả tạo được niềm tin tưởng cho giáo viên, nhân viên. Đội ngũ giáo viên ham học hỏi, tâm huyết với nghề. Theo quy định tại điều 36 Thông tư số 03/VBHN- BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Điều lệ trường tiểu học có hiệu lực đến hết ngày 19/10/2020 thì đầu năm học, nhà trường có 50/50 giáo viên (chiếm 100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo trong đó có 49/50 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo

(chiếm 98%). Theo Điều 5 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên MN, TH, THCS thì tính đến tháng 8 năm 2021, nhà trường có 50 giáo viên, trong đó có 2 giáo viên trình độ Thạc sĩ, 29 GV trình độ Đại học, 18 GV trình độ Cao đẳng và 1 GV trình độ trung cấp giáo dục tiểu học. Do vậy tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo là $31/50 = 62\%$. (vượt so với quy định đến 31/12/2025 đạt ít nhất 50%). Hiện nay có 16 đồng chí giáo viên đang theo học Đại học giáo dục tiểu học, 03 giáo viên đang chờ kết quả thi tuyển Đại học theo chuyên môn giảng dạy. Dự kiến năm 2022 sẽ có thêm ít nhất 16/19 đồng chí tốt nghiệp Đại học theo đúng chuyên ngành đào tạo. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, nhất trí cao. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100%. Số lượng HS đạt giải trong các kì thi các cấp tăng dần, tạo niềm tin tưởng trong phụ huynh và tạo nên uy tín của nhà trường.

Qua tổng hợp, xem xét 5 tiêu chuẩn với các mức trong văn bản đánh giá chất lượng giáo dục, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trường Tiểu học Lê Quý Đôn tự đánh giá là chính xác, có cơ sở:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/ 27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 15/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 78,9%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 4/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 21,1%;

- Mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt: 0/5 tiêu chí, đạt tỉ lệ 0%
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 5/5 tiêu chí, đạt tỉ lệ 100 %

- Kết luận: Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Hà Đông, ngày 31 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Teo Thị Thanh Mai

Phần III
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường					
1.	H1-1.1-01	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học Lê Quý Đôn giai đoạn 2017 – 2022 Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường các năm học	Số 12/ TH –LQĐ Ngày 15 tháng 8 năm 2017. Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
2.	H1-1.1-02	Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ phường Dương Nội . Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng phường Dương Nội.	Báo cáo chính trị NK 2015 - 2020 . NK 2020 - 2025	Đảng bộ phường Dương Nội	
3.	H1-1.1-03	Báo cáo sơ kết học kì 1 Báo cáo tổng kết năm học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
4.	H1-1.1-04	Biên bản công khai phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Biên bản họp lấy ý kiến về chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2017 – 2022. Website: http://c1lequydon.pgdhadong.edu.vn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
5.	H1-1.1-05	Quyết định thành lập tổ giám sát thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường. Biên bản rà soát chiến lược phát triển của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.					
6.	H1-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Số 973/QĐ –PGD&ĐT ngày 26/9/2017	UBND quận Hà Đông; Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
7.	H1-1.2-02	Danh sách đề nghị kiện toàn Hội đồng trường	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
8.	H1-1.2-03	Hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
9.	H1-1.2-04	Hội đồng tư vấn Hội đồng tư vấn tâm lí học đường Hội đồng chấm SKKN Hội đồng thi “Giáo viên dạy giỏi” Hội đồng nâng lương Hồ sơ Tuyển sinh	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Phòng GDĐT quận Hà Đông - Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
10.	H1-1.2-05	Biên bản họp hội đồng trường Biên bản họp hội đồng triển khai công tác tháng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
11.	H1-1.2-06	Báo cáo kết quả hoạt động của: - Hội đồng tư vấn tâm lý học đường - Hội đồng chấm SKKN - Hội đồng thi “Giáo viên dạy giỏi” - Hội đồng nâng lương - Hồ sơ Tuyển sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
12.	H1-1.2-07	Báo cáo kết quả hoạt động của hội đồng trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.					
13.	H1-1.3-01	Quyết định về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	LDLD quận Hà Đông; Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
14.	H1-1.3-02	Quyết định công nhận của Ban Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	BCH Công đoàn trường tiểu học Lê Quý Đôn	
15.	H1-1.3-03	Quyết định công nhận Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	BCH Đoàn phường Dương Nội	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
16.	H1-1.3-04	Hồ sơ công tác Đội.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Tổng phụ trách trường Tiểu học Lê Quý Đôn.	
17.	H1-1.3-05	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
18.	H1-1.3-06	Báo cáo kết quả hoạt động công tác công đoàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Công đoàn trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
19.	H1-1.3-07	Công văn triệu tập CBGVNV đi bồi dưỡng, tập huấn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	CBGVVCNV trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
20.	H1-1.3-08	Báo cáo công tác Chi đoàn Các hình ảnh hoạt động của Chi đoàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Chi đoàn trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
21.	H1-1.3-09	Báo cáo tổng kết công tác Đội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Liên đội trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
22.	H1-1.3-10	- Quyết định thành lập chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn - Quyết định Chuẩn y Chi ủy, Bí thư, phó Bí thư nhiệm kỳ 2017 – 2020 2020-2022	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Đảng ủy phường Dương Nội	
23.	H1-1.3-11	Nghị quyết Chi bộ hàng tháng (2 nhiệm kỳ).	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Chi bộ trường tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
24.	H1-1.3-12	Giấy khen của Chi bộ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Đảng ủy phường Dương Nội	
25.	H1-1.3-13	Bằng khen, giấy khen của Công đoàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Tổng LĐLĐ; Công đoàn GD; LĐLĐ Thành phố Hà Nội, LĐLĐ quận Hà Đông	
26.	H1-1.3-14	Giấy khen của Chi đoàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Quận đoàn Hà Đông Đoàn phường Dương Nội	
27.	H1-1.3-15	Giấy khen của Đội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	BCH TW Đoàn, BCH Thành đoàn Hà Nội, Quận Đoàn Hà Đông	
28.	H1-1.3-16	Bằng khen, giấy khen của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	UBND TP Hà Nội, UBND quận Hà Đông, ...	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.					
29.	H1-1.4-01	Hồ sơ viên chức của hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng	Tháng 8/2021	Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng	
30.	H1-1.4-02	Quyết định thành lập và kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ văn phòng (danh sách kèm theo)	Các Quyết định bổ nhiệm	Hiệu trưởng	
31.	H1-1.4-03	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
32.	H1-1.4-04	Sổ sinh hoạt tổ chuyên môn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
33.	H1-1.4-05	Sổ theo dõi đồ dùng, thiết bị dạy học tự làm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
34.	H1-1.4-06	Sổ sinh hoạt tổ văn phòng Kế hoạch sinh hoạt tổ văn phòng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
35.	H1-1.4-07	Khen thưởng của giáo viên đạt thành tích trong dạy học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Giáo viên trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
36.	H1-1.4-08	Khen thưởng của giáo viên trong phong trào Văn nghệ - TDTT	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Giáo viên trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
37.	H1-1.4-09	Khen thưởng của giáo viên trong Ứng dụng Công nghệ thông tin	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Giáo viên trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
38.	H1-1.4-10	Khen thưởng học sinh	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Học sinh trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
39.	H1-1.4-11	Báo cáo tổng kết Công tác tổ Văn phòng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Tổ trưởng tổ văn phòng	
40.	H1-1.4-12	Hồ sơ chuyên đề cấp quận	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Bộ phận chuyên môn	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
41.	H1-1.5-01	Sổ theo dõi số lượng học sinh Danh sách học sinh các năm học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
42.	H1-1.5-02	Biên bản sinh hoạt lớp đầu năm, bầu cán bộ lớp.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
43.	H1-1.5-03	Danh sách giáo viên chủ nhiệm lớp	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
44.	H1-1.5-04	Giáo án (giáo án sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch dạy học)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Giáo viên, Tổng phụ trách Đội	
45.	H1-1.5-05	Hình ảnh về các tiết học ngoài không gian lớp học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
46.	H1-1.5-06	Các hình ảnh hoạt động ngoài giờ chính khóa	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Giáo viên	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính, tài sản					
47.	H1-1.6-01	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
48.	H1-1.6-02	Hồ sơ phổ cập giáo dục.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
49.	H1-1.6-03	Bảng theo dõi chất lượng giáo dục	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
50.	H1-1.6-04	Hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
51.	H1-1.6-05	Học bạ học sinh	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Tổ văn phòng.	
52.	H1-1.6-06	Sổ Nghị quyết và Kế hoạch - Hội đồng trường - Công đoàn - Chi đoàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
53.	H1-1.6-07	Sổ quản lý GV, NV, người lao động Hồ sơ cá nhân viên chức.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
54.	H1-1.6-08	Sổ khen thưởng, kỷ luật	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
55.	H1-1.6-09	Sổ theo dõi tài sản nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
56.	H1-1.6-10	Sổ Công văn đi, công văn đến Công văn đi, công văn đến		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
57.	H1-1.6-11	Hình ảnh tủ lưu trữ hồ sơ của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
58.	H1-1.6-12	Dự toán ngân sách	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
59.	H1-1.6-13	Hồ sơ niêm yết công khai tài chính	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
60.	H1-1.6-14	Quy chế Chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
61.	H1-1.6-15	Quy chế quản lý tài sản công Biên bản bàn giao cơ sở vật chất	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
62.	H1-1.6-16	Báo cáo đánh giá về quản lý, sử dụng tài sản công	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
63.	H1-1.6-17	Báo cáo các khoản thu	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
64.	H1-1.6-18	Biên bản công khai cơ sở giáo dục, cơ sở vật chất, tài chính, chất lượng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
65.	H1-1.6-19	Phần mềm Das 10.2 (Quản lý tài chính)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
66.	H1-1.6-20	Sổ quản lý tài sản cố định	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
67.	H1-1.6-21	Sử dụng phần mềm BHXH, BHYT	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
68.	H1-1.6-22	Kê khai thuế	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
69.	H1-1.6-23	Duyệt kết toán tài chính năm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
70.	H1-1.6-24	Kết luận của ban kinh tế xã hội Hội đồng nhân dân quận Hà Đông Kết luận về giám sát của HĐND phường đối với nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	UBND quận Hà Đông UBND phường Dương Nội	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên					
71.	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
72.	H1-1.7-02	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
73.	H1-1.7-03	Thống kê kết quả kiểm tra Phân công nhiệm vụ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
74.	H1-1.7-04	Giấy triệu tập bồi dưỡng CBQL	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
75.	H1-1.7-05	Bảng lương, hưởng lương và các phụ cấp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
76.	H1-1.7-06	Kết quả đánh giá GV, nhân viên (theo chuẩn GV, viên chức, HĐ lao động)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
77.	H1-1.7-07	Hình ảnh các buổi tập huấn do chuyên gia hướng dẫn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục					
78.	H1-1.8-01	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
79.	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục nhà trường Kế hoạch tháng, tuần của hiệu trưởng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
80.	H1-1.8-03	Kế hoạch chuyên môn (chuyên môn, lồng ghép, 2 buổi/ngày, tự chọn, dạy học trực tuyến)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
81.	H1-1.8-04	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
82.	H1-1.8-05	Kế hoạch, báo cáo về “Sức khỏe dinh dưỡng học đường”	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
83.	H1-1.8-06	Báo cáo kết quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp Hồ sơ các phong trào	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
84.	H1-1.8-07	Sổ giao ban lãnh đạo	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
85.	H1-1.8-08	Sổ họp Ban Trung tâm	Từ năm học 2017-2018	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			đến năm học 2020-2021		
86.	H1-1.8-09	Báo cáo công tác kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
87.	H1-1.8-10	Biên bản kiểm tra các hoạt động của nhà trường do cấp Phòng Giáo dục tổ chức	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
88.	H1-1.9-01	Hồ sơ quy chế dân chủ.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
89.	H1-1.9-02	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
90.	H1-1.9-03	Biên bản, báo cáo kết quả Hội nghị công chức, viên chức hằng năm.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
91.	H1-1.9-04	Báo cáo kết quả giám sát của Ban Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
92.	H1-1.9-05	Kiến nghị đề xuất của cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
93.	H1-1.9-06	Báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng, phòng chống lãng phí trong nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học					
94.	H1-1.10-01	Xây dựng quy chế phối hợp với công an phường Dương Nội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
95.	H1-1.10-02	Phương án đảm bảo an toàn trường học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
96.	H1-1.10-03	Các bài tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, ATGT, cháy nổ, thương tích, bạo lực học đường và tuyên truyền măng non	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
97.	H1-1.10-04	Biên bản tập huấn cho CBGVCMNV và học sinh về an toàn trường học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
98.	H1-1.10-05	Hồ sơ bán trú	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
99.	H1-1.10-06	Hình ảnh hòm thư góp ý và hình ảnh niêm yết số điện thoại (đường dây nóng); Hồ sơ giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
100.	H1-1.10-07	Báo cáo kết quả thực hiện trường học xanh-sạch-đẹp; trường học thân thiện, học sinh tích cực	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
101.	H1-1.10-08	Giấy chứng nhận trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
102.	H1-1.10-09	Hình ảnh các buổi tuyên truyền, buổi tập huấn (phòng chống cháy nổ, ATGT, ...)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
103.	H1-1.10-10	Hình ảnh các buổi về phòng chống dịch bệnh, phòng chống Covid-19. Hình ảnh nhân viên tham gia hỗ trợ phòng chống dịch ở địa phương. Hình ảnh ủng hộ công tác phòng chống dịch	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
104.	H1-1.10-11	Hình ảnh bài tuyên truyền 3 phút thay đổi nhận thức trước bữa ăn theo chương trình dinh dưỡng học đường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
105.	H1-1.10-12	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
106.	H1-1.10-13	Báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
107.	H1-1.10-14	Hình ảnh băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về Phòng chống xâm hại, bắt	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		cóc trẻ em, an toàn giao thông và các nội dung tuyên truyền khác.			
Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng					
108.	H2-2.1-01	Các bằng cấp của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
109.	H2-2.1-02	Các văn bằng chứng chỉ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên					
110.	H2-2.2-01	Văn bản phân công nhiệm vụ cho CBGVNV theo năm học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
111.	H2-2.2-02	Quyết định phân công giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
112.	H2-2.2-03	Bảng thống kê trình độ CB,GV,NV toàn trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
113.	H2-2.2-04	Giấy triệu tập đi học Đại học của GV	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
114.	H2-2.2-05	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, đánh giá viên chức giáo viên, hợp đồng lao động	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
115.	H2-2.3-01	Giấy chứng nhận, chứng chỉ của các nhân viên được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí công việc.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2.4: Đối với học sinh					
116.	H2-2.4-01	Danh sách học sinh quá độ tuổi	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
117.	H2-2.4-02	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động ủng hộ và công tác từ thiện	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
118.	H2-2.4-03	Danh sách các câu lạc bộ Hồ sơ các câu lạc bộ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
119.	H2-2.4-04	Danh sách học sinh chuyên đến – chuyển đi	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
120.	H2-2.4-05	Hồ sơ học sinh có yếu tố nước ngoài	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
121.	H2-2.4-06	Biên bản xử lý học sinh vi phạm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
122.	H2-2.4-07	Thành tích môn Tiếng anh của HS	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
123.	H2-2.4-08	Thành tích môn Cờ Tư lệnh của HS	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
124.	H2-2.4-9	Thành tích Thể dục-Thể thao (bóng đá, aerobic), viết chữ đẹp của HS	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập					
125.	H3-3.1-01	Hình ảnh toàn trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
126.	H3-3.1-02	Hình ảnh chụp sân trường, các hàng rào sắt, khu vườn trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
127.	H3-3.1-03	Hình ảnh khuôn viên đường đi vào nhà trường (có mái vòm, có cây xanh, bồn rửa tay.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
128.	H3-3.1-04	Hình ảnh khu chăn nuôi	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
129.	H3-3.1-05	Hình ảnh khu hành lang, đường đi ăn Hình ảnh khu nhà hiệu bộ, lan can, các thùng thu gom rác	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
130.	H3-3.1-06	Hình ảnh biển cổng trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
131.	H3-3.1-07	Hình ảnh tường rào	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
132.	H3-3.1-08	Biên bản báo giao công trình hoàn		Tập đoàn Nam Cường	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		thành đưa vào sử dụng		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
133.	H3-3.1-09	Hình ảnh các thiết bị vận động trên khu vực sân trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
134.	H3-3.1-10	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công		Tập đoàn Nam Cường	
135.	H3-3.1-11	Quan sát thực tế và hình ảnh 5 khu nhà			
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.2: Phòng học					
136.	H3-3.2-01	Hình ảnh các lớp học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
137.	H3-3.2-02	Quan sát thực tế			
138.	H3-3.2-03	Hình ảnh bàn ghế	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
139.	H3-3.2-04	Hình ảnh bảng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
140.	H3-3.2-05	Quan sát thực tế			
141.	H3-3.2-06	Biên bản kiểm kê tài sản	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
142.	H3-3.2-07	Quan sát thực tế			
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị					

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
143.	H3-3.3-01	Hình ảnh hoạt động của học sinh tại phòng thư viện Hình ảnh học sinh học tập, sinh hoạt, bồi dưỡng tại phòng bộ môn và nhà đa năng	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
144.	H3-3.3-02	Báo cáo tài chính	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
145.	H3-3.3-03	Quan sát thực tế khu vực phòng học	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
146.	H3-3.3-04	Quan sát thực tế khu vực nhà xe	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
147.	H3-3.3-05	Quan sát thực tế hệ thống thiết bị về điện	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
148.	H3-3.3-06	Hình ảnh khu nhà ăn, nhà bếp, khu chế biến	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
149.	H3-3.3-07	Hình ảnh các tủ lưu trữ hồ sơ	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước					
150.	H3-3.4-01	Hình ảnh các khu nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
151.	H3-3.4-02	Giấy xét nghiệm nước đạt tiêu chuẩn Hợp đồng với Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
152.	H3-3.4-03	Hình ảnh máng nước	8/2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
153.	H3-3.4-04	Hợp đồng với công ty Anh Quân Hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Hà Nội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2010 – 2020	Công ty vệ sinh môi trường ký với nhà trường	
154.	H3-3.4-05	Hình ảnh thùng rác đặt ở các vị trí trong lớp học và các khu vực trong trường	8/2021	Bộ phận y tế trường học	
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.5: Thiết bị					
155.	H3-3.5-01	Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
156.	H3-3.5-02	Sổ bàn giao thiết bị	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
157.	H3-3.5-03	Lịch báo giảng (học trực tiếp, học trực tuyến)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
158.	H3-3.5-04	Hồ sơ mua bổ sung, sửa chữa thiết bị	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
159.	H3-3.5-05	Hợp đồng với Công ty dịch vụ mạng viễn thông	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
160.	H3-3.5-06	Sổ đăng ký thiết bị, đồ dùng dạy học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3.6: Thư viện					
161.	H3-3.6-01	Sổ đăng ký cá biệt.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Phòng thư viện trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
162.	H3-3.6-02	Sổ đăng ký tổng quát kho thư viện	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
163.	H3-3.6-03	Sổ theo dõi sử dụng đồ dùng dạy học Sổ theo dõi học sinh, giáo viên đọc và mượn sách thư viện Nhật kí thư viện Báo cáo công tác thư viện	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
164.	H3-3.6-04	Kế hoạch giới thiệu sách.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
165.	H3-3.6-05	Lịch hoạt động thư viện	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
166.	H3-3.6-06	Kế hoạch hoạt động thư viện.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
167.	H3-3.6-07	Biên bản tự kiểm tra công tác thư viện. Biên bản họp cộng tác viên thư viện	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện	
168.	H3-3.6-08	Giấy chứng nhận “Thư viện đạt	Từ năm học 2017-2018	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		chuẩn”	đến năm học 2020-2021		
169.	H3-3.6-09	Quan sát thực tế			
170.	H3-3.6-10	Kế hoạch tổ chức và báo cáo “Ngày hội đọc sách”	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện.	
Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh					
171.	H4-4.1-01	Hồ sơ của Ban đại diện CMHS nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS nhà trường	
172.	H4-4.1-02	Hồ sơ của Ban đại diện CMHS các lớp	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS các lớp	
173.	H4-4.1-03	Một số hình ảnh hoạt động của CMHS cùng với nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Ban đại diện CMHS nhà trường	
174.	H4-4.1-04	Biên bản kiểm tra giám sát của CMHS toàn trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
175.	H4-4.1-05	Phần mềm giáo dục điện tử, phần mềm cơ sở dữ liệu	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường					
176.	H4-4.2-01	Kế hoạch phối hợp với Đảng ủy, chính quyền địa phương	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
177.	H4-4.2-02	Các báo cáo của chi bộ	Từ năm học 2017-2018	Chi bộ trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			đến năm học 2020-2021		
178.	H4-4.2-03	Chương trình phối hợp với Đoàn phường Dương Nội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Chi đoàn trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
179.	H4-4.2-04	Quy chế phối hợp với y tế phường Dương Nội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
180.	H4-4.2-05	Hình ảnh cán bộ giáo viên, nhân viên tham dự các cuộc họp với Đảng ủy, chính quyền phường Dương Nội	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
181.	H4-4.2-06	Hình ảnh trao nhận quà học sinh có hoàn cảnh khó khăn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
182.	H4-4.2-07	Hình ảnh trao, tặng, tiếp nhận ủng hộ từ một số tổ chức, cá nhân	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
183.	H4-4.2-08	Hình ảnh học sinh tham quan, học tập trải nghiệm hàng năm, hình ảnh BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội, HS đi thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng, viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm các đơn vị bộ đội nơi địa bàn trường công tác.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
184.	H4-4.2-09	Bản cam kết với công an phường,	Từ năm học 2017-2018	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		chính quyền và Công ti điện lực	đến năm học 2020-2021		
185.	H4-4.2-10	Hình ảnh học sinh tham gia trải nghiệm tại Văn Miếu, Bảo tàng dân tộc, Bảo tàng quân đội.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
186.	H4-4.2-11	Hình ảnh tọa đàm và kỉ niệm các ngày lễ lớn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
187.	H4-4.2-12	Hình ảnh cán bộ, giáo viên tham gia các hoạt động, phong trào ở khu đô thị Dương Nội 2 nơi trường công tác.	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường					
188.	H5-5.1-01	Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
189.	H5-5.1-02	Biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra các hoạt động giáo dục của nhà trường (lấy ở hồ sơ kiểm tra nội bộ)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học					
190.	H5-5.2-01	Thời khóa biểu, thời gian biểu (học trực tuyến, học trực tiếp)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
191.	H5-5.2-02	Sổ dự giờ (BGH, GV), sổ hội họp	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
192.	H5-5.2-03	Hồ sơ các tiết dạy chuyên đề	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
193.	H5-5.2-04	Hồ sơ thanh tra toàn diện hoạt động sư phạm của nhà giáo	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
194.	H5-5.2-05	Sổ theo dõi học sinh chậm tiến Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
195.	H5-5.2-06	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
196.	H5-5.2-07	Hình ảnh biểu diễn văn nghệ của các lớp chào mừng các ngày lễ	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
197.	H5-5.2-08	Hình ảnh học sinh tham gia dẫn chương trình (MC)	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
198.	H5-5.2-09	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của nhà trường	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
199.	H5-5.2-10	Danh sách học sinh tham gia các hội thi do Phòng Giáo dục và các cấp tổ chức	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác					
200.	H5-5.3-01	Biên bản, báo cáo, thông báo kết quả	Từ năm học 2017-2018	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		tự kiểm tra hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường (trích trong hồ sơ kiểm tra nội bộ hàng năm)	đến năm học 2020-2021		
Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học					
201.	H5-5.4-01	Quyết định thành lập Tổ công tác phổ cập	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
202.	H5-5.4-02	Quyết định công nhận kết quả phổ cập các năm	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
203.	H5-5.4-03	Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
Tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục					
204.	H5-5.5-01	Danh sách HS HTCT lớp học Bảng tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm học Hồ sơ các kì kiểm tra trong năm học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
205.	H5-5.5-02	Danh sách học sinh HTCT tiểu học	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	
206.	H5-5.5-03	Biên bản bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm của các lớp	Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	